

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 27/9/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 27/9/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 27/9/2024: Trước 16h30' ngày 24/9/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 24/9/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

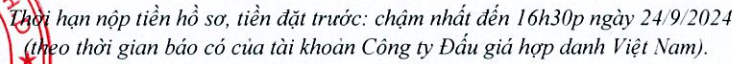
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30L-086.39	Hà Nội	1049	30L-034.69	Hà Nội	2049	30L-143.33	Hà Nội
50	30L-091.68	Hà Nội	1050	30L-035.69	Hà Nội	2050	30L-173.68	Hà Nội
51	30L-092.66	Hà Nội	1051	30L-040.79	Hà Nội	2051	30L-177.39	Hà Nội
52	30L-095.68	Hà Nội	1052	30L-043.39	Hà Nội	2052	30L-183.66	Hà Nội
53	30L-104.66	Hà Nội	1053	30L-047.47	Hà Nội	2053	30L-190.88	Hà Nội
54	30L-130.99	Hà Nội	1054	30L-051.39	Hà Nội	2054	30L-213.69	Hà Nội
55	30L-142.86	Hà Nội	1055	30L-052.79	Hà Nội	2055	30L-214.39	Hà Nội
56	30L-153.53	Hà Nội	1056	30L-073.88	Hà Nội	2056	30L-218.79	Hà Nội
57	30L-166.67	Hà Nội	1057	30L-074.86	Hà Nội	2057	30L-249.79	Hà Nội
58	30L-192.69	Hà Nội	1058	30L-098.39	Hà Nội	2058	30L-250.99	Hà Nội
59	30L-194.68	Hà Nội	1059	30L-098.69	Hà Nội	2059	30L-263.86	Hà Nội
60	30L-200.86	Hà Nội	1060	30L-100.39	Hà Nội	2060	30L-265.89	Hà Nội
61	30L-208.66	Hà Nội	1061	30L-100.69	Hà Nội	2061	30L-279.69	Hà Nội
62	30L-213.39	Hà Nội	1062	30L-104.86	Hà Nội	2062	30L-284.39	Hà Nội
63	30L-214.79	Hà Nội	1063	30L-106.69	Hà Nội	2063	30L-294.94	Hà Nội
64	30L-230.03	Hà Nội	1064	30L-117.69	Hà Nội	2064	30L-302.89	Hà Nội
65	30L-231.86	Hà Nội	1065	30L-132.66	Hà Nội	2065	30L-324.88	Hà Nội
66	30L-260.39	Hà Nội	1066	30L-137.69	Hà Nội	2066	30L-361.86	Hà Nội
67	30L-261.89	Hà Nội	1067	30L-140.04	Hà Nội	2067	30L-377.00	Hà Nội
68	30L-278.78	Hà Nội	1068	30L-145.79	Hà Nội	2068	30L-378.39	Hà Nội
69	30L-290.68	Hà Nội	1069	30L-145.88	Hà Nội	2069	30L-384.66	Hà Nội
70	30L-300.77	Hà Nội	1070	30L-149.69	Hà Nội	2070	30L-405.50	Hà Nội
71	30L-301.01	Hà Nội	1071	30L-170.86	Hà Nội	2071	30L-407.88	Hà Nội
72	30L-310.01	Hà Nội	1072	30L-182.69	Hà Nội	2072	30L-408.08	Hà Nội
73	30L-311.55	Hà Nội	1073	30L-184.88	Hà Nội	2073	30L-409.86	Hà Nội
74	30L-334.66	Hà Nội	1074	30L-201.79	Hà Nội	2074	30L-410.00	Hà Nội
75	30L-347.66	Hà Nội	1075	30L-220.20	Hà Nội	2075	30L-411.55	Hà Nội
76	30L-352.99	Hà Nội	1076	30L-237.39	Hà Nội	2076	30L-429.68	Hà Nội
77	30L-354.68	Hà Nội	1077	30L-243.89	Hà Nội	2077	30L-430.89	Hà Nội
78	30L-360.79	Hà Nội	1078	30L-247.88	Hà Nội	2078	30L-437.77	Hà Nội
79	30L-364.89	Hà Nội	1079	30L-261.69	Hà Nội	2079	30L-441.99	Hà Nội
80	30L-374.79	Hà Nội	1080	30L-274.66	Hà Nội	2080	30L-443.39	Hà Nội
81	30L-374.89	Hà Nội	1081	30L-304.88	Hà Nội	2081	30L-445.45	Hà Nội
82	30L-377.22	Hà Nội	1082	30L-306.06	Hà Nội	2082	30L-453.66	Hà Nội
83	30L-403.30	Hà Nội	1083	30L-312.66	Hà Nội	2083	30L-464.39	Hà Nội
84	30L-407.69	Hà Nội	1084	30L-320.68	Hà Nội	2084	30L-467.68	Hà Nội
85	30L-410.88	Hà Nội	1085	30L-321.89	Hà Nội	2085	30L-473.37	Hà Nội
86	30L-411.00	Hà Nội	1086	30L-324.69	Hà Nội	2086	30L-476.79	Hà Nội
87	30L-412.21	Hà Nội	1087	30L-324.79	Hà Nội	2087	30L-478.39	Hà Nội
88	30L-417.66	Hà Nội	1088	30L-350.89	Hà Nội	2088	30L-483.38	Hà Nội
89	30L-421.12	Hà Nội	1089	30L-371.69	Hà Nội	2089	30L-490.99	Hà Nội
90	30L-443.34	Hà Nội	1090	30L-372.27	Hà Nội	2090	30L-491.89	Hà Nội
91	30L-452.52	Hà Nội	1091	30L-372.68	Hà Nội	2091	30L-495.89	Hà Nội
92	30L-454.66	Hà Nội	1092	30L-391.89	Hà Nội	2092	30L-500.33	Hà Nội
93	30L-458.69	Hà Nội	1093	30L-394.99	Hà Nội	2093	30L-504.88	Hà Nội
94	30L-461.88	Hà Nội	1094	30L-411.69	Hà Nội	2094	30L-513.99	Hà Nội
95	30L-475.55	Hà Nội	1095	30L-413.89	Hà Nội	2095	30L-526.52	Hà Nội
96	30L-475.86	Hà Nội	1096	30L-414.66	Hà Nội	2096	30L-527.69	Hà Nội
97	30L-484.89	Hà Nội	1097	30L-415.88	Hà Nội	2097	30L-531.79	Hà Nội
98	30L-492.89	Hà Nội	1098	30L-424.88	Hà Nội	2098	30L-544.33	Hà Nội
99	30L-512.89	Hà Nội	1099	30L-435.68	Hà Nội	2099	30L-549.94	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-514.68	Hà Nội	1100	30L-444.78	Hà Nội	2100	30L-550.05	Hà Nội
101	30L-515.39	Hà Nội	1101	30L-458.66	Hà Nội	2101	30L-551.51	Hà Nội
102	30L-523.52	Hà Nội	1102	30L-459.69	Hà Nội	2102	30L-552.85	Hà Nội
103	30L-530.68	Hà Nội	1103	30L-460.88	Hà Nội	2103	30L-553.44	Hà Nội
104	30L-532.69	Hà Nội	1104	30L-461.66	Hà Nội	2104	30L-553.45	Hà Nội
105	30L-535.69	Hà Nội	1105	30L-465.89	Hà Nội	2105	30L-554.89	Hà Nội
106	30L-540.69	Hà Nội	1106	30L-466.22	Hà Nội	2106	30L-555.14	Hà Nội
107	30L-547.88	Hà Nội	1107	30L-474.66	Hà Nội	2107	30L-558.36	Hà Nội
108	30L-548.84	Hà Nội	1108	30L-484.44	Hà Nội	2108	30L-566.38	Hà Nội
109	30L-549.44	Hà Nội	1109	30L-504.44	Hà Nội	2109	30L-568.25	Hà Nội
110	30L-552.06	Hà Nội	1110	30L-505.50	Hà Nội	2110	30L-568.87	Hà Nội
111	30L-552.16	Hà Nội	1111	30L-510.99	Hà Nội	2111	30L-569.58	Hà Nội
112	30L-555.02	Hà Nội	1112	30L-537.66	Hà Nội	2112	30L-572.83	Hà Nội
113	30L-560.86	Hà Nội	1113	30L-540.40	Hà Nội	2113	30L-578.15	Hà Nội
114	30L-561.26	Hà Nội	1114	30L-540.99	Hà Nội	2114	30L-580.56	Hà Nội
115	30L-561.28	Hà Nội	1115	30L-542.24	Hà Nội	2115	30L-585.23	Hà Nội
116	30L-562.65	Hà Nội	1116	30L-545.39	Hà Nội	2116	30L-593.19	Hà Nội
117	30L-562.83	Hà Nội	1117	30L-549.68	Hà Nội	2117	30L-593.33	Hà Nội
118	30L-576.79	Hà Nội	1118	30L-555.76	Hà Nội	2118	30L-596.55	Hà Nội
119	30L-576.85	Hà Nội	1119	30L-557.56	Hà Nội	2119	30L-600.88	Hà Nội
120	30L-579.25	Hà Nội	1120	30L-560.00	Hà Nội	2120	30L-602.39	Hà Nội
121	30L-588.67	Hà Nội	1121	30L-560.89	Hà Nội	2121	30L-605.68	Hà Nội
122	30L-592.22	Hà Nội	1122	30L-564.39	Hà Nội	2122	30L-609.06	Hà Nội
123	30L-602.88	Hà Nội	1123	30L-566.28	Hà Nội	2123	30L-615.99	Hà Nội
124	30L-603.86	Hà Nội	1124	30L-569.35	Hà Nội	2124	30L-616.15	Hà Nội
125	30L-619.26	Hà Nội	1125	30L-571.79	Hà Nội	2125	30L-622.59	Hà Nội
126	30L-630.63	Hà Nội	1126	30L-573.59	Hà Nội	2126	30L-624.99	Hà Nội
127	30L-630.85	Hà Nội	1127	30L-574.79	Hà Nội	2127	30L-641.11	Hà Nội
128	30L-633.79	Hà Nội	1128	30L-579.29	Hà Nội	2128	30L-644.11	Hà Nội
129	30L-641.15	Hà Nội	1129	30L-580.88	Hà Nội	2129	30L-649.46	Hà Nội
130	30L-643.88	Hà Nội	1130	30L-587.79	Hà Nội	2130	30L-660.19	Hà Nội
131	30L-644.55	Hà Nội	1131	30L-590.39	Hà Nội	2131	30L-666.97	Hà Nội
132	30L-646.46	Hà Nội	1132	30L-590.89	Hà Nội	2132	30L-673.39	Hà Nội
133	30L-654.69	Hà Nội	1133	30L-599.77	Hà Nội	2133	30L-673.76	Hà Nội
134	30L-657.56	Hà Nội	1134	30L-600.33	Hà Nội	2134	30L-683.96	Hà Nội
135	30L-657.68	Hà Nội	1135	30L-602.09	Hà Nội	2135	30L-685.65	Hà Nội
136	30L-659.38	Hà Nội	1136	30L-603.88	Hà Nội	2136	30L-686.08	Hà Nội
137	30L-663.26	Hà Nội	1137	30L-606.38	Hà Nội	2137	30L-698.85	Hà Nội
138	30L-664.64	Hà Nội	1138	30L-607.36	Hà Nội	2138	30L-701.39	Hà Nội
139	30L-665.85	Hà Nội	1139	30L-607.38	Hà Nội	2139	30L-708.69	Hà Nội
140	30L-667.36	Hà Nội	1140	30L-613.38	Hà Nội	2140	30L-709.35	Hà Nội
141	30L-672.86	Hà Nội	1141	30L-613.69	Hà Nội	2141	30L-711.85	Hà Nội
142	30L-678.05	Hà Nội	1142	30L-613.85	Hà Nội	2142	30L-712.59	Hà Nội
143	30L-679.36	Hà Nội	1143	30L-613.86	Hà Nội	2143	30L-717.99	Hà Nội
144	30L-687.56	Hà Nội	1144	30L-617.16	Hà Nội	2144	30L-722.65	Hà Nội
145	30L-688.04	Hà Nội	1145	30L-618.39	Hà Nội	2145	30L-724.27	Hà Nội
146	30L-688.64	Hà Nội	1146	30L-619.09	Hà Nội	2146	30L-724.44	Hà Nội
147	30L-688.94	Hà Nội	1147	30L-621.16	Hà Nội	2147	30L-728.99	Hà Nội
148	30L-690.66	Hà Nội	1148	30L-621.29	Hà Nội	2148	30L-737.88	Hà Nội
149	30L-693.66	Hà Nội	1149	30L-630.88	Hà Nội	2149	30L-742.24	Hà Nội
150	30L-703.98	Hà Nội	1150	30L-631.39	Hà Nội	2150	30L-749.47	Hà Nội



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-706.98	Hà Nội	1151	30L-632.22	Hà Nội	2151	30L-751.51	Hà Nội
152	30L-709.38	Hà Nội	1152	30L-635.11	Hà Nội	2152	30L-757.06	Hà Nội
153	30L-715.86	Hà Nội	1153	30L-637.26	Hà Nội	2153	30L-763.95	Hà Nội
154	30L-725.26	Hà Nội	1154	30L-637.86	Hà Nội	2154	30L-764.66	Hà Nội
155	30L-726.99	Hà Nội	1155	30L-641.88	Hà Nội	2155	30L-765.55	Hà Nội
156	30L-727.33	Hà Nội	1156	30L-659.65	Hà Nội	2156	30L-768.87	Hà Nội
157	30L-727.88	Hà Nội	1157	30L-662.44	Hà Nội	2157	30L-770.06	Hà Nội
158	30L-729.97	Hà Nội	1158	30L-667.98	Hà Nội	2158	30L-772.16	Hà Nội
159	30L-735.89	Hà Nội	1159	30L-671.95	Hà Nội	2159	30L-772.39	Hà Nội
160	30L-738.68	Hà Nội	1160	30L-672.38	Hà Nội	2160	30L-773.29	Hà Nội
161	30L-741.39	Hà Nội	1161	30L-675.89	Hà Nội	2161	30L-774.56	Hà Nội
162	30L-744.66	Hà Nội	1162	30L-678.49	Hà Nội	2162	30L-781.39	Hà Nội
163	30L-756.00	Hà Nội	1163	30L-679.76	Hà Nội	2163	30L-795.39	Hà Nội
164	30L-757.00	Hà Nội	1164	30L-680.79	Hà Nội	2164	30L-798.59	Hà Nội
165	30L-759.79	Hà Nội	1165	30L-703.70	Hà Nội	2165	30L-799.56	Hà Nội
166	30L-763.69	Hà Nội	1166	30L-706.00	Hà Nội	2166	30L-804.06	Hà Nội
167	30L-763.85	Hà Nội	1167	30L-706.28	Hà Nội	2167	30L-806.39	Hà Nội
168	30L-765.69	Hà Nội	1168	30L-708.98	Hà Nội	2168	30L-808.59	Hà Nội
169	30L-766.08	Hà Nội	1169	30L-713.00	Hà Nội	2169	30L-814.14	Hà Nội
170	30L-767.66	Hà Nội	1170	30L-713.39	Hà Nội	2170	30L-832.25	Hà Nội
171	30L-768.26	Hà Nội	1171	30L-716.71	Hà Nội	2171	30L-838.29	Hà Nội
172	30L-771.99	Hà Nội	1172	30L-721.79	Hà Nội	2172	30L-839.96	Hà Nội
173	30L-773.95	Hà Nội	1173	30L-722.25	Hà Nội	2173	30L-840.00	Hà Nội
174	30L-780.99	Hà Nội	1174	30L-723.79	Hà Nội	2174	30L-843.99	Hà Nội
175	30L-791.65	Hà Nội	1175	30L-724.66	Hà Nội	2175	30L-845.36	Hà Nội
176	30L-793.08	Hà Nội	1176	30L-726.68	Hà Nội	2176	30L-846.47	Hà Nội
177	30L-794.88	Hà Nội	1177	30L-735.38	Hà Nội	2177	30L-846.84	Hà Nội
178	30L-800.39	Hà Nội	1178	30L-735.68	Hà Nội	2178	30L-848.18	Hà Nội
179	30L-803.85	Hà Nội	1179	30L-736.68	Hà Nội	2179	30L-854.44	Hà Nội
180	30L-807.98	Hà Nội	1180	30L-740.66	Hà Nội	2180	30L-856.00	Hà Nội
181	30L-811.58	Hà Nội	1181	30L-742.88	Hà Nội	2181	30L-861.56	Hà Nội
182	30L-821.12	Hà Nội	1182	30L-749.88	Hà Nội	2182	30L-866.40	Hà Nội
183	30L-822.06	Hà Nội	1183	30L-751.88	Hà Nội	2183	30L-869.18	Hà Nội
184	30L-833.26	Hà Nội	1184	30L-758.28	Hà Nội	2184	30L-870.39	Hà Nội
185	30L-842.43	Hà Nội	1185	30L-759.28	Hà Nội	2185	30L-871.18	Hà Nội
186	30L-845.46	Hà Nội	1186	30L-760.38	Hà Nội	2186	30L-877.66	Hà Nội
187	30L-846.64	Hà Nội	1187	30L-763.64	Hà Nội	2187	30L-878.36	Hà Nội
188	30L-851.79	Hà Nội	1188	30L-772.98	Hà Nội	2188	30L-878.58	Hà Nội
189	30L-853.86	Hà Nội	1189	30L-774.77	Hà Nội	2189	30L-879.98	Hà Nội
190	30L-858.26	Hà Nội	1190	30L-775.39	Hà Nội	2190	30L-880.38	Hà Nội
191	30L-865.95	Hà Nội	1191	30L-780.78	Hà Nội	2191	30L-880.69	Hà Nội
192	30L-866.61	Hà Nội	1192	30L-788.39	Hà Nội	2192	30L-883.58	Hà Nội
193	30L-869.92	Hà Nội	1193	30L-791.97	Hà Nội	2193	30L-883.62	Hà Nội
194	30L-871.89	Hà Nội	1194	30L-792.95	Hà Nội	2194	30L-884.85	Hà Nội
195	30L-875.57	Hà Nội	1195	30L-820.66	Hà Nội	2195	30L-887.06	Hà Nội
196	30L-888.72	Hà Nội	1196	30L-822.85	Hà Nội	2196	30L-887.18	Hà Nội
197	30L-891.39	Hà Nội	1197	30L-830.00	Hà Nội	2197	30L-887.36	Hà Nội
198	30L-891.69	Hà Nội	1198	30L-832.39	Hà Nội	2198	30L-887.69	Hà Nội
199	30L-902.02	Hà Nội	1199	30L-834.69	Hà Nội	2199	30L-891.35	Hà Nội
200	30L-905.58	Hà Nội	1200	30L-839.29	Hà Nội	2200	30L-893.36	Hà Nội
201	30L-907.69	Hà Nội	1201	30L-848.35	Hà Nội	2201	30L-894.68	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-909.18	Hà Nội	1202	30L-848.96	Hà Nội	2202	30L-896.58	Hà Nội
203	30L-910.55	Hà Nội	1203	30L-850.68	Hà Nội	2203	30L-897.58	Hà Nội
204	30L-911.00	Hà Nội	1204	30L-854.26	Hà Nội	2204	30L-907.85	Hà Nội
205	30L-911.55	Hà Nội	1205	30L-861.36	Hà Nội	2205	30L-915.66	Hà Nội
206	30L-913.14	Hà Nội	1206	30L-861.97	Hà Nội	2206	30L-920.33	Hà Nội
207	30L-928.06	Hà Nội	1207	30L-864.56	Hà Nội	2207	30L-920.88	Hà Nội
208	30L-932.52	Hà Nội	1208	30L-864.99	Hà Nội	2208	30L-921.89	Hà Nội
209	30L-936.23	Hà Nội	1209	30L-866.18	Hà Nội	2209	30L-930.00	Hà Nội
210	30L-937.86	Hà Nội	1210	30L-866.23	Hà Nội	2210	30L-933.11	Hà Nội
211	30L-951.36	Hà Nội	1211	30L-866.48	Hà Nội	2211	30L-936.37	Hà Nội
212	30L-952.69	Hà Nội	1212	30L-871.87	Hà Nội	2212	30L-940.00	Hà Nội
213	30L-952.88	Hà Nội	1213	30L-872.79	Hà Nội	2213	30L-942.94	Hà Nội
214	30L-958.98	Hà Nội	1214	30L-893.35	Hà Nội	2214	30L-951.56	Hà Nội
215	30L-960.08	Hà Nội	1215	30L-896.25	Hà Nội	2215	30L-951.86	Hà Nội
216	30L-960.38	Hà Nội	1216	30L-901.69	Hà Nội	2216	30L-953.66	Hà Nội
217	30L-962.19	Hà Nội	1217	30L-902.56	Hà Nội	2217	30L-957.57	Hà Nội
218	30L-964.69	Hà Nội	1218	30L-903.35	Hà Nội	2218	30L-959.29	Hà Nội
219	30L-968.15	Hà Nội	1219	30L-908.89	Hà Nội	2219	30L-965.39	Hà Nội
220	30L-969.29	Hà Nội	1220	30L-912.26	Hà Nội	2220	30L-966.22	Hà Nội
221	30L-971.38	Hà Nội	1221	30L-912.66	Hà Nội	2221	30L-975.57	Hà Nội
222	30L-971.65	Hà Nội	1222	30L-913.66	Hà Nội	2222	30L-978.15	Hà Nội
223	30L-972.66	Hà Nội	1223	30L-915.39	Hà Nội	2223	30L-979.08	Hà Nội
224	30L-973.59	Hà Nội	1224	30L-916.77	Hà Nội	2224	30L-981.79	Hà Nội
225	30L-997.29	Hà Nội	1225	30L-917.71	Hà Nội	2225	30L-987.69	Hà Nội
226	30L-999.46	Hà Nội	1226	30L-917.86	Hà Nội	2226	30L-990.29	Hà Nội
227	30M-002.66	Hà Nội	1227	30L-922.77	Hà Nội	2227	30L-991.06	Hà Nội
228	30M-002.96	Hà Nội	1228	30L-923.19	Hà Nội	2228	30L-997.85	Hà Nội
229	30M-006.28	Hà Nội	1229	30L-923.23	Hà Nội	2229	30M-012.08	Hà Nội
230	30M-007.65	Hà Nội	1230	30L-924.89	Hà Nội	2230	30M-012.13	Hà Nội
231	30M-008.80	Hà Nội	1231	30L-928.44	Hà Nội	2231	30M-017.10	Hà Nội
232	30M-009.85	Hà Nội	1232	30L-940.49	Hà Nội	2232	30M-021.39	Hà Nội
233	30M-012.83	Hà Nội	1233	30L-940.58	Hà Nội	2233	30M-021.96	Hà Nội
234	30M-013.99	Hà Nội	1234	30L-941.68	Hà Nội	2234	30M-029.25	Hà Nội
235	30M-019.35	Hà Nội	1235	30L-943.44	Hà Nội	2235	51K-857.99	Hồ Chí Minh
236	30M-025.99	Hà Nội	1236	30L-945.88	Hà Nội	2236	51K-904.04	Hồ Chí Minh
237	51K-759.39	Hồ Chí Minh	1237	30L-950.50	Hà Nội	2237	51K-929.66	Hồ Chí Minh
238	51K-801.66	Hồ Chí Minh	1238	30L-952.66	Hà Nội	2238	51K-946.79	Hồ Chí Minh
239	51K-837.69	Hồ Chí Minh	1239	30L-952.86	Hà Nội	2239	51L-003.66	Hồ Chí Minh
240	51K-845.79	Hồ Chí Minh	1240	30L-955.65	Hà Nội	2240	51L-026.89	Hồ Chí Minh
241	51K-940.39	Hồ Chí Minh	1241	30L-955.82	Hà Nội	2241	51L-034.66	Hồ Chí Minh
242	51L-007.86	Hồ Chí Minh	1242	30L-962.06	Hà Nội	2242	51L-037.86	Hồ Chí Minh
243	51L-062.69	Hồ Chí Minh	1243	30L-964.79	Hà Nội	2243	51L-045.68	Hồ Chí Minh
244	51L-069.86	Hồ Chí Minh	1244	30L-976.65	Hà Nội	2244	51L-053.39	Hồ Chí Minh
245	51L-070.79	Hồ Chí Minh	1245	30L-994.26	Hà Nội	2245	51L-077.86	Hồ Chí Minh
246	51L-076.39	Hồ Chí Minh	1246	30L-994.89	Hà Nội	2246	51L-080.39	Hồ Chí Minh
247	51L-081.89	Hồ Chí Minh	1247	30M-003.04	Hà Nội	2247	51L-083.66	Hồ Chí Minh
248	51L-082.39	Hồ Chí Minh	1248	30M-006.09	Hà Nội	2248	51L-086.79	Hồ Chí Minh
249	51L-088.22	Hồ Chí Minh	1249	30M-008.35	Hà Nội	2249	51L-094.68	Hồ Chí Minh
250	51L-088.39	Hồ Chí Minh	1250	30M-015.33	Hà Nội	2250	51L-095.86	Hồ Chí Minh
251	51L-093.66	Hồ Chí Minh	1251	30M-019.74	Hà Nội	2251	51L-095.88	Hồ Chí Minh
252	51L-101.88	Hồ Chí Minh	1252	30M-023.86	Hà Nội	2252	51L-109.39	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	51L-136.39	Hồ Chí Minh	1253	51K-765.89	Hồ Chí Minh	2253	51L-140.66	Hồ Chí Minh
254	51L-154.69	Hồ Chí Minh	1254	51K-785.79	Hồ Chí Minh	2254	51L-145.88	Hồ Chí Minh
255	51L-190.00	Hồ Chí Minh	1255	51K-827.66	Hồ Chí Minh	2255	51L-150.86	Hồ Chí Minh
256	51L-190.09	Hồ Chí Minh	1256	51K-874.86	Hồ Chí Minh	2256	51L-153.89	Hồ Chí Minh
257	51L-199.77	Hồ Chí Minh	1257	51K-906.88	Hồ Chí Minh	2257	51L-154.99	Hồ Chí Minh
258	51L-200.69	Hồ Chí Minh	1258	51K-918.69	Hồ Chí Minh	2258	51L-160.00	Hồ Chí Minh
259	51L-203.79	Hồ Chí Minh	1259	51K-994.86	Hồ Chí Minh	2259	51L-180.99	Hồ Chí Minh
260	51L-218.66	Hồ Chí Minh	1260	51L-006.86	Hồ Chí Minh	2260	51L-193.66	Hồ Chí Minh
261	51L-225.52	Hồ Chí Minh	1261	51L-020.86	Hồ Chí Minh	2261	51L-196.88	Hồ Chí Minh
262	51L-243.86	Hồ Chí Minh	1262	51L-035.39	Hồ Chí Minh	2262	51L-198.68	Hồ Chí Minh
263	51L-254.79	Hồ Chí Minh	1263	51L-069.88	Hồ Chí Minh	2263	51L-208.86	Hồ Chí Minh
264	51L-277.66	Hồ Chí Minh	1264	51L-082.88	Hồ Chí Minh	2264	51L-210.88	Hồ Chí Minh
265	51L-297.69	Hồ Chí Minh	1265	51L-084.68	Hồ Chí Minh	2265	51L-215.69	Hồ Chí Minh
266	51L-301.88	Hồ Chí Minh	1266	51L-096.79	Hồ Chí Minh	2266	51L-227.88	Hồ Chí Minh
267	51L-307.69	Hồ Chí Minh	1267	51L-120.88	Hồ Chí Minh	2267	51L-250.79	Hồ Chí Minh
268	51L-307.86	Hồ Chí Minh	1268	51L-128.39	Hồ Chí Minh	2268	51L-253.33	Hồ Chí Minh
269	51L-309.69	Hồ Chí Minh	1269	51L-128.89	Hồ Chí Minh	2269	51L-257.39	Hồ Chí Minh
270	51L-310.89	Hồ Chí Minh	1270	51L-151.86	Hồ Chí Minh	2270	51L-259.89	Hồ Chí Minh
271	51L-312.99	Hồ Chí Minh	1271	51L-152.69	Hồ Chí Minh	2271	51L-260.66	Hồ Chí Minh
272	51L-316.89	Hồ Chí Minh	1272	51L-160.66	Hồ Chí Minh	2272	51L-270.66	Hồ Chí Minh
273	51L-317.99	Hồ Chí Minh	1273	51L-171.88	Hồ Chí Minh	2273	51L-279.66	Hồ Chí Minh
274	51L-319.69	Hồ Chí Minh	1274	51L-175.39	Hồ Chí Minh	2274	51L-285.79	Hồ Chí Minh
275	51L-322.89	Hồ Chí Minh	1275	51L-175.68	Hồ Chí Minh	2275	51L-311.39	Hồ Chí Minh
276	51L-323.39	Hồ Chí Minh	1276	51L-182.99	Hồ Chí Minh	2276	51L-312.22	Hồ Chí Minh
277	51L-324.39	Hồ Chí Minh	1277	51L-185.89	Hồ Chí Minh	2277	51L-312.39	Hồ Chí Minh
278	51L-344.66	Hồ Chí Minh	1278	51L-189.96	Hồ Chí Minh	2278	51L-324.66	Hồ Chí Minh
279	51L-346.68	Hồ Chí Minh	1279	51L-212.86	Hồ Chí Minh	2279	51L-326.99	Hồ Chí Minh
280	51L-346.86	Hồ Chí Minh	1280	51L-214.39	Hồ Chí Minh	2280	51L-328.86	Hồ Chí Minh
281	51L-348.69	Hồ Chí Minh	1281	51L-243.68	Hồ Chí Minh	2281	51L-329.89	Hồ Chí Minh
282	51L-350.89	Hồ Chí Minh	1282	51L-252.79	Hồ Chí Minh	2282	51L-346.79	Hồ Chí Minh
283	51L-369.66	Hồ Chí Minh	1283	51L-257.79	Hồ Chí Minh	2283	51L-347.69	Hồ Chí Minh
284	51L-371.39	Hồ Chí Minh	1284	51L-261.86	Hồ Chí Minh	2284	51L-356.88	Hồ Chí Minh
285	51L-371.79	Hồ Chí Minh	1285	51L-273.89	Hồ Chí Minh	2285	51L-372.66	Hồ Chí Minh
286	51L-378.89	Hồ Chí Minh	1286	51L-274.69	Hồ Chí Minh	2286	51L-391.66	Hồ Chí Minh
287	51L-402.69	Hồ Chí Minh	1287	51L-278.69	Hồ Chí Minh	2287	51L-395.86	Hồ Chí Minh
288	51L-406.69	Hồ Chí Minh	1288	51L-291.88	Hồ Chí Minh	2288	51L-405.86	Hồ Chí Minh
289	51L-423.89	Hồ Chí Minh	1289	51L-308.68	Hồ Chí Minh	2289	51L-409.79	Hồ Chí Minh
290	51L-429.89	Hồ Chí Minh	1290	51L-310.88	Hồ Chí Minh	2290	51L-410.00	Hồ Chí Minh
291	51L-430.68	Hồ Chí Minh	1291	51L-327.27	Hồ Chí Minh	2291	51L-413.39	Hồ Chí Minh
292	51L-435.68	Hồ Chí Minh	1292	51L-338.69	Hồ Chí Minh	2292	51L-414.68	Hồ Chí Minh
293	51L-437.37	Hồ Chí Minh	1293	51L-343.68	Hồ Chí Minh	2293	51L-415.15	Hồ Chí Minh
294	51L-438.86	Hồ Chí Minh	1294	51L-349.69	Hồ Chí Minh	2294	51L-422.79	Hồ Chí Minh
295	51L-443.89	Hồ Chí Minh	1295	51L-355.33	Hồ Chí Minh	2295	51L-430.66	Hồ Chí Minh
296	51L-453.99	Hồ Chí Minh	1296	51L-358.79	Hồ Chí Minh	2296	51L-433.00	Hồ Chí Minh
297	51L-457.99	Hồ Chí Minh	1297	51L-361.39	Hồ Chí Minh	2297	51L-444.08	Hồ Chí Minh
298	51L-458.58	Hồ Chí Minh	1298	51L-361.79	Hồ Chí Minh	2298	51L-444.33	Hồ Chí Minh
299	51L-462.68	Hồ Chí Minh	1299	51L-374.66	Hồ Chí Minh	2299	51L-445.68	Hồ Chí Minh
300	51L-465.39	Hồ Chí Minh	1300	51L-375.99	Hồ Chí Minh	2300	51L-449.69	Hồ Chí Minh
301	51L-474.99	Hồ Chí Minh	1301	51L-384.89	Hồ Chí Minh	2301	51L-453.88	Hồ Chí Minh
302	51L-476.86	Hồ Chí Minh	1302	51L-384.99	Hồ Chí Minh	2302	51L-466.39	Hồ Chí Minh
303	51L-483.38	Hồ Chí Minh	1303	51L-387.69	Hồ Chí Minh	2303	51L-475.68	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-489.86	Hồ Chí Minh	1304	51L-401.68	Hồ Chí Minh	2304	51L-503.68	Hồ Chí Minh
305	51L-495.55	Hồ Chí Minh	1305	51L-415.86	Hồ Chí Minh	2305	51L-511.12	Hồ Chí Minh
306	51L-499.79	Hồ Chí Minh	1306	51L-418.68	Hồ Chí Minh	2306	51L-512.79	Hồ Chí Minh
307	51L-501.68	Hồ Chí Minh	1307	51L-422.99	Hồ Chí Minh	2307	51L-520.89	Hồ Chí Minh
308	51L-518.66	Hồ Chí Minh	1308	51L-424.99	Hồ Chí Minh	2308	51L-523.68	Hồ Chí Minh
309	51L-520.86	Hồ Chí Minh	1309	51L-426.86	Hồ Chí Minh	2309	51L-529.79	Hồ Chí Minh
310	51L-527.88	Hồ Chí Minh	1310	51L-435.99	Hồ Chí Minh	2310	51L-536.86	Hồ Chí Minh
311	51L-529.88	Hồ Chí Minh	1311	51L-441.11	Hồ Chí Minh	2311	51L-539.86	Hồ Chí Minh
312	51L-537.39	Hồ Chí Minh	1312	51L-445.54	Hồ Chí Minh	2312	51L-543.88	Hồ Chí Minh
313	51L-538.35	Hồ Chí Minh	1313	51L-447.99	Hồ Chí Minh	2313	51L-544.88	Hồ Chí Minh
314	51L-549.69	Hồ Chí Minh	1314	51L-452.99	Hồ Chí Minh	2314	51L-575.69	Hồ Chí Minh
315	51L-550.05	Hồ Chí Minh	1315	51L-454.79	Hồ Chí Minh	2315	51L-579.66	Hồ Chí Minh
316	51L-551.69	Hồ Chí Minh	1316	51L-454.88	Hồ Chí Minh	2316	51L-581.86	Hồ Chí Minh
317	51L-551.86	Hồ Chí Minh	1317	51L-455.39	Hồ Chí Minh	2317	51L-582.79	Hồ Chí Minh
318	51L-559.66	Hồ Chí Minh	1318	51L-460.99	Hồ Chí Minh	2318	51L-592.79	Hồ Chí Minh
319	51L-577.33	Hồ Chí Minh	1319	51L-467.88	Hồ Chí Minh	2319	51L-595.86	Hồ Chí Minh
320	51L-590.79	Hồ Chí Minh	1320	51L-488.44	Hồ Chí Minh	2320	51L-597.39	Hồ Chí Minh
321	51L-602.88	Hồ Chí Minh	1321	51L-491.11	Hồ Chí Minh	2321	51L-600.33	Hồ Chí Minh
322	51L-604.89	Hồ Chí Minh	1322	51L-492.99	Hồ Chí Minh	2322	51L-601.10	Hồ Chí Minh
323	51L-605.79	Hồ Chí Minh	1323	51L-493.33	Hồ Chí Minh	2323	51L-603.99	Hồ Chí Minh
324	51L-610.88	Hồ Chí Minh	1324	51L-495.68	Hồ Chí Minh	2324	51L-606.69	Hồ Chí Minh
325	51L-624.88	Hồ Chí Minh	1325	51L-497.66	Hồ Chí Minh	2325	51L-610.00	Hồ Chí Minh
326	51L-628.56	Hồ Chí Minh	1326	51L-498.79	Hồ Chí Minh	2326	51L-615.66	Hồ Chí Minh
327	51L-632.25	Hồ Chí Minh	1327	51L-509.66	Hồ Chí Minh	2327	51L-621.21	Hồ Chí Minh
328	51L-636.29	Hồ Chí Minh	1328	51L-531.11	Hồ Chí Minh	2328	51L-621.22	Hồ Chí Minh
329	51L-642.24	Hồ Chí Minh	1329	51L-541.41	Hồ Chí Minh	2329	51L-622.77	Hồ Chí Minh
330	51L-644.64	Hồ Chí Minh	1330	51L-541.89	Hồ Chí Minh	2330	51L-622.79	Hồ Chí Minh
331	51L-647.46	Hồ Chí Minh	1331	51L-542.69	Hồ Chí Minh	2331	51L-625.36	Hồ Chí Minh
332	51L-648.46	Hồ Chí Minh	1332	51L-561.56	Hồ Chí Minh	2332	51L-627.68	Hồ Chí Minh
333	51L-651.39	Hồ Chí Minh	1333	51L-562.99	Hồ Chí Minh	2333	51L-629.28	Hồ Chí Minh
334	51L-653.65	Hồ Chí Minh	1334	51L-565.99	Hồ Chí Minh	2334	51L-632.32	Hồ Chí Minh
335	51L-658.77	Hồ Chí Minh	1335	51L-572.22	Hồ Chí Minh	2335	51L-632.88	Hồ Chí Minh
336	51L-659.66	Hồ Chí Minh	1336	51L-572.86	Hồ Chí Minh	2336	51L-642.88	Hồ Chí Minh
337	51L-669.00	Hồ Chí Minh	1337	51L-578.57	Hồ Chí Minh	2337	51L-643.43	Hồ Chí Minh
338	51L-672.86	Hồ Chí Minh	1338	51L-607.66	Hồ Chí Minh	2338	51L-649.66	Hồ Chí Minh
339	51L-673.69	Hồ Chí Minh	1339	51L-614.89	Hồ Chí Minh	2339	51L-657.29	Hồ Chí Minh
340	51L-674.99	Hồ Chí Minh	1340	51L-618.35	Hồ Chí Minh	2340	51L-657.39	Hồ Chí Minh
341	51L-676.09	Hồ Chí Minh	1341	51L-620.56	Hồ Chí Minh	2341	51L-661.36	Hồ Chí Minh
342	51L-680.39	Hồ Chí Minh	1342	51L-621.62	Hồ Chí Minh	2342	51L-671.39	Hồ Chí Minh
343	51L-685.15	Hồ Chí Minh	1343	51L-621.85	Hồ Chí Minh	2343	51L-671.67	Hồ Chí Minh
344	51L-685.79	Hồ Chí Minh	1344	51L-625.95	Hồ Chí Minh	2344	51L-675.96	Hồ Chí Minh
345	51L-687.83	Hồ Chí Minh	1345	51L-631.31	Hồ Chí Minh	2345	51L-677.11	Hồ Chí Minh
346	51L-688.75	Hồ Chí Minh	1346	51L-634.43	Hồ Chí Minh	2346	51L-678.46	Hồ Chí Minh
347	51L-690.00	Hồ Chí Minh	1347	51L-634.69	Hồ Chí Minh	2347	51L-687.78	Hồ Chí Minh
348	51L-696.97	Hồ Chí Minh	1348	51L-637.36	Hồ Chí Minh	2348	51L-687.96	Hồ Chí Minh
349	51L-697.68	Hồ Chí Minh	1349	51L-641.39	Hồ Chí Minh	2349	51L-691.11	Hồ Chí Minh
350	51L-697.86	Hồ Chí Minh	1350	51L-644.99	Hồ Chí Minh	2350	51L-691.16	Hồ Chí Minh
351	51L-702.88	Hồ Chí Minh	1351	51L-645.69	Hồ Chí Minh	2351	51L-691.89	Hồ Chí Minh
352	51L-706.79	Hồ Chí Minh	1352	51L-647.64	Hồ Chí Minh	2352	51L-699.77	Hồ Chí Minh
353	51L-721.72	Hồ Chí Minh	1353	51L-649.46	Hồ Chí Minh	2353	51L-701.02	Hồ Chí Minh
354	51L-724.39	Hồ Chí Minh	1354	51L-654.45	Hồ Chí Minh	2354	51L-705.88	Hồ Chí Minh

TY
IA
INH
AM
-T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-724.83	Hồ Chí Minh	1355	51L-654.89	Hồ Chí Minh	2355	51L-707.86	Hồ Chí Minh
356	51L-729.89	Hồ Chí Minh	1356	51L-659.86	Hồ Chí Minh	2356	51L-710.17	Hồ Chí Minh
357	51L-730.86	Hồ Chí Minh	1357	51L-661.86	Hồ Chí Minh	2357	51L-711.79	Hồ Chí Minh
358	51L-731.73	Hồ Chí Minh	1358	51L-672.73	Hồ Chí Minh	2358	51L-712.66	Hồ Chí Minh
359	51L-732.22	Hồ Chí Minh	1359	51L-675.66	Hồ Chí Minh	2359	51L-715.99	Hồ Chí Minh
360	51L-734.89	Hồ Chí Minh	1360	51L-675.99	Hồ Chí Minh	2360	51L-728.28	Hồ Chí Minh
361	51L-737.73	Hồ Chí Minh	1361	51L-676.06	Hồ Chí Minh	2361	51L-730.69	Hồ Chí Minh
362	51L-753.54	Hồ Chí Minh	1362	51L-676.69	Hồ Chí Minh	2362	51L-733.79	Hồ Chí Minh
363	51L-756.68	Hồ Chí Minh	1363	51L-680.25	Hồ Chí Minh	2363	51L-737.79	Hồ Chí Minh
364	51L-757.75	Hồ Chí Minh	1364	51L-692.66	Hồ Chí Minh	2364	51L-741.68	Hồ Chí Minh
365	51L-760.67	Hồ Chí Minh	1365	51L-695.19	Hồ Chí Minh	2365	51L-743.15	Hồ Chí Minh
366	51L-762.08	Hồ Chí Minh	1366	51L-696.36	Hồ Chí Minh	2366	51L-744.00	Hồ Chí Minh
367	51L-762.19	Hồ Chí Minh	1367	51L-702.68	Hồ Chí Minh	2367	51L-748.74	Hồ Chí Minh
368	51L-771.86	Hồ Chí Minh	1368	51L-703.65	Hồ Chí Minh	2368	51L-749.85	Hồ Chí Minh
369	51L-772.68	Hồ Chí Minh	1369	51L-709.56	Hồ Chí Minh	2369	51L-750.00	Hồ Chí Minh
370	51L-780.66	Hồ Chí Minh	1370	51L-709.79	Hồ Chí Minh	2370	51L-750.29	Hồ Chí Minh
371	51L-781.78	Hồ Chí Minh	1371	51L-718.06	Hồ Chí Minh	2371	51L-753.35	Hồ Chí Minh
372	51L-782.78	Hồ Chí Minh	1372	51L-723.79	Hồ Chí Minh	2372	51L-755.11	Hồ Chí Minh
373	51L-783.77	Hồ Chí Minh	1373	51L-725.69	Hồ Chí Minh	2373	51L-755.69	Hồ Chí Minh
374	51L-784.56	Hồ Chí Minh	1374	51L-727.33	Hồ Chí Minh	2374	51L-771.69	Hồ Chí Minh
375	51L-786.58	Hồ Chí Minh	1375	51L-727.39	Hồ Chí Minh	2375	51L-773.37	Hồ Chí Minh
376	51L-788.22	Hồ Chí Minh	1376	51L-730.73	Hồ Chí Minh	2376	51L-773.86	Hồ Chí Minh
377	51L-789.45	Hồ Chí Minh	1377	51L-742.58	Hồ Chí Minh	2377	51L-777.34	Hồ Chí Minh
378	51L-789.52	Hồ Chí Minh	1378	51L-742.69	Hồ Chí Minh	2378	51L-778.06	Hồ Chí Minh
379	51L-790.85	Hồ Chí Minh	1379	51L-742.89	Hồ Chí Minh	2379	51L-778.92	Hồ Chí Minh
380	51L-795.08	Hồ Chí Minh	1380	51L-744.22	Hồ Chí Minh	2380	51L-780.95	Hồ Chí Minh
381	51L-796.39	Hồ Chí Minh	1381	51L-744.56	Hồ Chí Minh	2381	51L-789.43	Hồ Chí Minh
382	51L-802.80	Hồ Chí Minh	1382	51L-747.68	Hồ Chí Minh	2382	51L-790.09	Hồ Chí Minh
383	51L-804.06	Hồ Chí Minh	1383	51L-751.25	Hồ Chí Minh	2383	51L-792.92	Hồ Chí Minh
384	51L-805.99	Hồ Chí Minh	1384	51L-754.35	Hồ Chí Minh	2384	51L-803.33	Hồ Chí Minh
385	51L-811.06	Hồ Chí Minh	1385	51L-758.26	Hồ Chí Minh	2385	51L-805.88	Hồ Chí Minh
386	51L-814.18	Hồ Chí Minh	1386	51L-759.59	Hồ Chí Minh	2386	51L-814.89	Hồ Chí Minh
387	51L-815.89	Hồ Chí Minh	1387	51L-759.66	Hồ Chí Minh	2387	51L-819.94	Hồ Chí Minh
388	51L-816.58	Hồ Chí Minh	1388	51L-766.11	Hồ Chí Minh	2388	51L-827.83	Hồ Chí Minh
389	51L-816.61	Hồ Chí Minh	1389	51L-781.39	Hồ Chí Minh	2389	51L-828.09	Hồ Chí Minh
390	51L-816.98	Hồ Chí Minh	1390	51L-784.84	Hồ Chí Minh	2390	51L-835.68	Hồ Chí Minh
391	51L-817.11	Hồ Chí Minh	1391	51L-786.96	Hồ Chí Minh	2391	51L-841.16	Hồ Chí Minh
392	51L-817.68	Hồ Chí Minh	1392	51L-793.38	Hồ Chí Minh	2392	51L-845.25	Hồ Chí Minh
393	51L-819.26	Hồ Chí Minh	1393	51L-796.84	Hồ Chí Minh	2393	51L-848.68	Hồ Chí Minh
394	51L-822.98	Hồ Chí Minh	1394	51L-798.58	Hồ Chí Minh	2394	51L-853.89	Hồ Chí Minh
395	51L-823.32	Hồ Chí Minh	1395	51L-801.59	Hồ Chí Minh	2395	51L-854.86	Hồ Chí Minh
396	51L-825.26	Hồ Chí Minh	1396	51L-802.39	Hồ Chí Minh	2396	51L-857.28	Hồ Chí Minh
397	51L-826.35	Hồ Chí Minh	1397	51L-804.39	Hồ Chí Minh	2397	51L-857.75	Hồ Chí Minh
398	51L-826.69	Hồ Chí Minh	1398	51L-807.18	Hồ Chí Minh	2398	51L-859.96	Hồ Chí Minh
399	51L-828.59	Hồ Chí Minh	1399	51L-808.29	Hồ Chí Minh	2399	51L-862.18	Hồ Chí Minh
400	51L-833.34	Hồ Chí Minh	1400	51L-811.12	Hồ Chí Minh	2400	51L-862.35	Hồ Chí Minh
401	51L-839.96	Hồ Chí Minh	1401	51L-812.22	Hồ Chí Minh	2401	51L-864.56	Hồ Chí Minh
402	51L-845.00	Hồ Chí Minh	1402	51L-814.86	Hồ Chí Minh	2402	51L-870.07	Hồ Chí Minh
403	51L-845.88	Hồ Chí Minh	1403	51L-819.90	Hồ Chí Minh	2403	51L-875.68	Hồ Chí Minh
404	51L-846.64	Hồ Chí Minh	1404	51L-820.96	Hồ Chí Minh	2404	51L-880.95	Hồ Chí Minh
405	51L-858.39	Hồ Chí Minh	1405	51L-821.15	Hồ Chí Minh	2405	51L-882.59	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-858.69	Hồ Chí Minh	1406	51L-822.56	Hồ Chí Minh	2406	51L-884.18	Hồ Chí Minh
407	51L-860.85	Hồ Chí Minh	1407	51L-834.43	Hồ Chí Minh	2407	51L-891.06	Hồ Chí Minh
408	51L-871.86	Hồ Chí Minh	1408	51L-837.86	Hồ Chí Minh	2408	51L-892.38	Hồ Chí Minh
409	51L-874.79	Hồ Chí Minh	1409	51L-841.84	Hồ Chí Minh	2409	51L-894.69	Hồ Chí Minh
410	51L-874.89	Hồ Chí Minh	1410	51L-844.00	Hồ Chí Minh	2410	11C-085.99	Cao Bằng
411	51L-876.44	Hồ Chí Minh	1411	51L-844.19	Hồ Chí Minh	2411	12A-224.89	Lạng Sơn
412	51L-879.78	Hồ Chí Minh	1412	51L-847.39	Hồ Chí Minh	2412	12A-233.79	Lạng Sơn
413	51L-884.68	Hồ Chí Minh	1413	51L-847.99	Hồ Chí Minh	2413	12A-249.89	Lạng Sơn
414	51L-886.70	Hồ Chí Minh	1414	51L-851.00	Hồ Chí Minh	2414	12A-251.66	Lạng Sơn
415	51L-886.80	Hồ Chí Minh	1415	51L-863.35	Hồ Chí Minh	2415	12A-253.69	Lạng Sơn
416	51L-886.84	Hồ Chí Minh	1416	51L-866.98	Hồ Chí Minh	2416	12A-255.11	Lạng Sơn
417	51L-888.12	Hồ Chí Minh	1417	51L-871.95	Hồ Chí Minh	2417	12A-259.68	Lạng Sơn
418	51L-888.37	Hồ Chí Minh	1418	51L-873.37	Hồ Chí Minh	2418	12A-261.56	Lạng Sơn
419	51L-888.54	Hồ Chí Minh	1419	51L-884.29	Hồ Chí Minh	2419	12C-137.86	Lạng Sơn
420	51L-890.22	Hồ Chí Minh	1420	51L-884.56	Hồ Chí Minh	2420	14A-842.89	Quảng Ninh
421	11A-115.69	Cao Bằng	1421	51L-888.57	Hồ Chí Minh	2421	14A-924.42	Quảng Ninh
422	11A-134.18	Cao Bằng	1422	51L-889.65	Hồ Chí Minh	2422	14A-932.79	Quảng Ninh
423	11B-012.86	Cao Bằng	1423	51L-890.18	Hồ Chí Minh	2423	14A-934.68	Quảng Ninh
424	12A-230.86	Lạng Sơn	1424	51L-893.86	Hồ Chí Minh	2424	14A-940.98	Quảng Ninh
425	12A-247.86	Lạng Sơn	1425	51L-895.77	Hồ Chí Minh	2425	14A-943.85	Quảng Ninh
426	12A-258.69	Lạng Sơn	1426	11A-109.66	Cao Bằng	2426	14A-944.45	Quảng Ninh
427	12C-138.89	Lạng Sơn	1427	11A-114.39	Cao Bằng	2427	14A-945.89	Quảng Ninh
428	12D-006.66	Lạng Sơn	1428	11A-129.00	Cao Bằng	2428	14A-966.26	Quảng Ninh
429	14A-851.39	Quảng Ninh	1429	11C-085.68	Cao Bằng	2429	14A-980.58	Quảng Ninh
430	14A-870.79	Quảng Ninh	1430	12A-234.99	Lạng Sơn	2430	14A-988.00	Quảng Ninh
431	14A-873.68	Quảng Ninh	1431	12A-237.88	Lạng Sơn	2431	14C-428.86	Quảng Ninh
432	14A-897.69	Quảng Ninh	1432	12A-258.56	Lạng Sơn	2432	15K-331.79	Hải Phòng
433	14A-931.59	Quảng Ninh	1433	12C-137.68	Lạng Sơn	2433	15K-347.34	Hải Phòng
434	14A-933.44	Quảng Ninh	1434	14A-794.88	Quảng Ninh	2434	15K-347.83	Hải Phòng
435	14A-936.22	Quảng Ninh	1435	14A-814.39	Quảng Ninh	2435	15K-359.06	Hải Phòng
436	14A-941.99	Quảng Ninh	1436	14A-871.39	Quảng Ninh	2436	15K-368.11	Hải Phòng
437	14A-954.88	Quảng Ninh	1437	14A-941.00	Quảng Ninh	2437	15K-381.11	Hải Phòng
438	14A-955.69	Quảng Ninh	1438	14A-943.68	Quảng Ninh	2438	15K-381.96	Hải Phòng
439	14A-956.25	Quảng Ninh	1439	14A-945.88	Quảng Ninh	2439	15K-387.83	Hải Phòng
440	14A-959.28	Quảng Ninh	1440	14A-962.18	Quảng Ninh	2440	15K-388.16	Hải Phòng
441	14A-969.67	Quảng Ninh	1441	14A-964.58	Quảng Ninh	2441	15K-389.08	Hải Phòng
442	14A-984.68	Quảng Ninh	1442	14A-966.62	Quảng Ninh	2442	15K-398.29	Hải Phòng
443	14D-027.89	Quảng Ninh	1443	14A-970.69	Quảng Ninh	2443	15K-402.89	Hải Phòng
444	15K-237.68	Hải Phòng	1444	14A-971.79	Quảng Ninh	2444	15K-404.59	Hải Phòng
445	15K-238.69	Hải Phòng	1445	14A-976.65	Quảng Ninh	2445	15K-404.99	Hải Phòng
446	15K-312.86	Hải Phòng	1446	14A-981.85	Quảng Ninh	2446	15K-416.16	Hải Phòng
447	15K-338.16	Hải Phòng	1447	15K-176.39	Hải Phòng	2447	15K-421.89	Hải Phòng
448	15K-345.16	Hải Phòng	1448	15K-202.39	Hải Phòng	2448	17A-376.86	Thái Bình
449	15K-356.53	Hải Phòng	1449	15K-245.55	Hải Phòng	2449	17A-402.79	Thái Bình
450	15K-359.16	Hải Phòng	1450	15K-247.69	Hải Phòng	2450	17A-420.02	Thái Bình
451	15K-366.29	Hải Phòng	1451	15K-300.99	Hải Phòng	2451	17A-440.66	Thái Bình
452	15K-366.98	Hải Phòng	1452	15K-337.96	Hải Phòng	2452	17A-444.77	Thái Bình
453	15K-377.55	Hải Phòng	1453	15K-341.39	Hải Phòng	2453	17A-454.54	Thái Bình
454	15K-389.85	Hải Phòng	1454	15K-342.86	Hải Phòng	2454	17A-469.46	Thái Bình
455	15K-391.28	Hải Phòng	1455	15K-347.66	Hải Phòng	2455	17A-479.96	Thái Bình
456	15K-393.83	Hải Phòng	1456	15K-347.79	Hải Phòng	2456	17A-483.83	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	15K-395.26	Hải Phòng	1457	15K-349.96	Hải Phòng	2457	17C-215.15	Thái Bình
458	15K-395.38	Hải Phòng	1458	15K-359.35	Hải Phòng	2458	18A-443.99	Nam Định
459	15K-399.25	Hải Phòng	1459	15K-364.68	Hải Phòng	2459	18A-444.55	Nam Định
460	15K-407.89	Hải Phòng	1460	15K-368.82	Hải Phòng	2460	18A-455.68	Nam Định
461	15K-420.58	Hải Phòng	1461	15K-374.88	Hải Phòng	2461	18A-469.55	Nam Định
462	17A-444.43	Thái Bình	1462	15K-392.58	Hải Phòng	2462	18A-472.47	Nam Định
463	17A-461.61	Thái Bình	1463	15K-393.65	Hải Phòng	2463	19A-583.89	Phú Thọ
464	17A-470.69	Thái Bình	1464	15K-402.79	Hải Phòng	2464	19A-604.99	Phú Thọ
465	17A-476.26	Thái Bình	1465	15K-421.59	Hải Phòng	2465	19A-617.77	Phú Thọ
466	17A-476.77	Thái Bình	1466	17A-397.66	Thái Bình	2466	19A-644.39	Phú Thọ
467	17A-489.97	Thái Bình	1467	17A-400.39	Thái Bình	2467	19A-646.86	Phú Thọ
468	17C-208.66	Thái Bình	1468	17A-425.69	Thái Bình	2468	19A-652.25	Phú Thọ
469	18A-436.36	Nam Định	1469	17A-432.32	Thái Bình	2469	19A-655.44	Phú Thọ
470	18A-470.33	Nam Định	1470	17A-437.77	Thái Bình	2470	19A-666.13	Phú Thọ
471	18A-488.39	Nam Định	1471	17A-442.89	Thái Bình	2471	19A-671.97	Phú Thọ
472	19A-542.88	Phú Thọ	1472	17A-458.39	Thái Bình	2472	19A-673.86	Phú Thọ
473	19A-577.89	Phú Thọ	1473	17A-471.86	Thái Bình	2473	19A-673.96	Phú Thọ
474	19A-581.88	Phú Thọ	1474	17A-490.95	Thái Bình	2474	19A-676.39	Phú Thọ
475	19A-608.79	Phú Thọ	1475	18A-384.44	Nam Định	2475	19A-688.72	Phú Thọ
476	19A-652.88	Phú Thọ	1476	18A-414.66	Nam Định	2476	19A-700.65	Phú Thọ
477	19A-682.09	Phú Thọ	1477	18A-422.88	Nam Định	2477	19A-703.39	Phú Thọ
478	19A-695.38	Phú Thọ	1478	18A-428.28	Nam Định	2478	19A-703.79	Phú Thọ
479	19A-702.70	Phú Thọ	1479	18A-429.69	Nam Định	2479	19A-707.79	Phú Thọ
480	19A-708.89	Phú Thọ	1480	18A-443.68	Nam Định	2480	19A-712.22	Phú Thọ
481	19A-710.38	Phú Thọ	1481	18A-459.95	Nam Định	2481	19C-261.66	Phú Thọ
482	19A-714.79	Phú Thọ	1482	18A-469.79	Nam Định	2482	19D-013.33	Phú Thọ
483	19C-258.86	Phú Thọ	1483	19A-609.79	Phú Thọ	2483	20A-760.86	Thái Nguyên
484	19C-258.99	Phú Thọ	1484	19A-638.79	Phú Thọ	2484	20A-772.88	Thái Nguyên
485	19D-015.99	Phú Thọ	1485	19A-644.99	Phú Thọ	2485	20A-773.37	Thái Nguyên
486	20A-736.69	Thái Nguyên	1486	19A-681.16	Phú Thọ	2486	20A-776.67	Thái Nguyên
487	20A-764.89	Thái Nguyên	1487	19A-688.00	Phú Thọ	2487	20A-782.79	Thái Nguyên
488	20A-770.99	Thái Nguyên	1488	19A-689.28	Phú Thọ	2488	20A-784.88	Thái Nguyên
489	20A-775.66	Thái Nguyên	1489	19A-689.35	Phú Thọ	2489	20A-785.68	Thái Nguyên
490	20A-785.55	Thái Nguyên	1490	19A-691.06	Phú Thọ	2490	20A-809.69	Thái Nguyên
491	20A-788.55	Thái Nguyên	1491	19A-707.99	Phú Thọ	2491	20A-812.65	Thái Nguyên
492	20C-302.88	Thái Nguyên	1492	19B-025.68	Phú Thọ	2492	20A-812.85	Thái Nguyên
493	21A-174.86	Yên Bái	1493	19B-026.88	Phú Thọ	2493	20A-818.85	Thái Nguyên
494	21A-188.44	Yên Bái	1494	19D-013.68	Phú Thọ	2494	20A-821.88	Thái Nguyên
495	21A-206.89	Yên Bái	1495	19D-016.79	Phú Thọ	2495	20A-822.36	Thái Nguyên
496	21C-111.15	Yên Bái	1496	20A-703.79	Thái Nguyên	2496	20A-841.41	Thái Nguyên
497	22A-208.66	Tuyên Quang	1497	20A-709.66	Thái Nguyên	2497	20A-842.84	Thái Nguyên
498	22A-232.33	Tuyên Quang	1498	20A-799.68	Thái Nguyên	2498	20A-847.38	Thái Nguyên
499	22A-263.29	Tuyên Quang	1499	20A-807.99	Thái Nguyên	2499	20A-847.74	Thái Nguyên
500	22A-266.18	Tuyên Quang	1500	20A-810.01	Thái Nguyên	2500	20A-849.00	Thái Nguyên
501	22A-267.79	Tuyên Quang	1501	20A-811.65	Thái Nguyên	2501	20A-856.69	Thái Nguyên
502	22A-268.36	Tuyên Quang	1502	20A-813.33	Thái Nguyên	2502	20A-857.19	Thái Nguyên
503	22C-111.59	Tuyên Quang	1503	20A-819.65	Thái Nguyên	2503	20C-301.89	Thái Nguyên
504	22C-112.22	Tuyên Quang	1504	20A-819.95	Thái Nguyên	2504	20C-307.68	Thái Nguyên
505	22C-112.39	Tuyên Quang	1505	20A-822.35	Thái Nguyên	2505	20C-307.99	Thái Nguyên
506	23A-156.51	Hà Giang	1506	20A-824.69	Thái Nguyên	2506	21A-177.86	Yên Bái
507	24A-240.99	Lào Cai	1507	20A-833.16	Thái Nguyên	2507	21A-180.89	Yên Bái

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	24A-245.66	Lào Cai	1508	20A-834.43	Thái Nguyên	2508	21A-215.83	Yên Bái
509	24A-251.88	Lào Cai	1509	20A-849.49	Thái Nguyên	2509	21A-219.69	Yên Bái
510	24A-255.77	Lào Cai	1510	20A-849.55	Thái Nguyên	2510	21B-012.99	Yên Bái
511	24A-280.00	Lào Cai	1511	20A-853.00	Thái Nguyên	2511	22A-209.39	Tuyên Quang
512	24A-281.66	Lào Cai	1512	20A-854.69	Thái Nguyên	2512	22A-222.58	Tuyên Quang
513	24A-290.79	Lào Cai	1513	20A-855.79	Thái Nguyên	2513	22A-222.67	Tuyên Quang
514	24A-291.68	Lào Cai	1514	21A-171.39	Yên Bái	2514	22A-231.86	Tuyên Quang
515	24A-307.16	Lào Cai	1515	22A-215.99	Tuyên Quang	2515	22A-258.99	Tuyên Quang
516	24A-310.66	Lào Cai	1516	22A-216.89	Tuyên Quang	2516	22A-261.68	Tuyên Quang
517	24B-016.79	Lào Cai	1517	22A-225.88	Tuyên Quang	2517	22A-265.26	Tuyên Quang
518	25A-083.79	Lai Châu	1518	22A-242.99	Tuyên Quang	2518	23A-143.86	Hà Giang
519	25C-059.59	Lai Châu	1519	23A-140.68	Hà Giang	2519	23A-163.56	Hà Giang
520	26A-196.79	Sơn La	1520	23A-157.51	Hà Giang	2520	23A-163.68	Hà Giang
521	26A-197.66	Sơn La	1521	23A-159.68	Hà Giang	2521	24A-256.69	Lào Cai
522	26A-204.68	Sơn La	1522	23A-160.88	Hà Giang	2522	24A-290.89	Lào Cai
523	26A-223.79	Sơn La	1523	23A-162.63	Hà Giang	2523	24A-299.44	Lào Cai
524	26C-162.26	Sơn La	1524	23C-087.39	Hà Giang	2524	24A-307.08	Lào Cai
525	27A-117.66	Điện Biên	1525	23C-088.69	Hà Giang	2525	24A-309.30	Lào Cai
526	27A-126.79	Điện Biên	1526	24A-256.39	Lào Cai	2526	24C-157.68	Lào Cai
527	28A-200.99	Hòa Bình	1527	24A-294.86	Lào Cai	2527	24C-158.85	Lào Cai
528	28A-201.89	Hòa Bình	1528	24A-308.79	Lào Cai	2528	25C-056.88	Lai Châu
529	28A-204.39	Hòa Bình	1529	24A-309.89	Lào Cai	2529	26A-179.66	Sơn La
530	28A-221.89	Hòa Bình	1530	24A-313.88	Lào Cai	2530	26A-195.66	Sơn La
531	28A-251.19	Hòa Bình	1531	24B-018.66	Lào Cai	2531	26A-198.79	Sơn La
532	28A-252.22	Hòa Bình	1532	25A-076.69	Lai Châu	2532	26A-225.79	Sơn La
533	29D-605.69	Hà Nội	1533	25C-058.86	Lai Châu	2533	26A-234.86	Sơn La
534	29D-612.79	Hà Nội	1534	26A-178.66	Sơn La	2534	26C-157.89	Sơn La
535	29D-616.99	Hà Nội	1535	26A-200.69	Sơn La	2535	26D-012.39	Sơn La
536	29D-619.95	Hà Nội	1536	26A-202.86	Sơn La	2536	27A-113.88	Điện Biên
537	29K-231.23	Hà Nội	1537	26A-215.39	Sơn La	2537	27A-122.39	Điện Biên
538	29K-239.96	Hà Nội	1538	26A-219.19	Sơn La	2538	28A-246.86	Hòa Bình
539	29K-247.48	Hà Nội	1539	26C-157.88	Sơn La	2539	29D-609.99	Hà Nội
540	29K-257.79	Hà Nội	1540	26C-162.79	Sơn La	2540	29D-619.39	Hà Nội
541	29K-273.72	Hà Nội	1541	26D-011.99	Sơn La	2541	29K-220.68	Hà Nội
542	29K-274.66	Hà Nội	1542	27A-102.39	Điện Biên	2542	29K-224.24	Hà Nội
543	29K-276.27	Hà Nội	1543	27A-109.89	Điện Biên	2543	29K-244.99	Hà Nội
544	29K-283.86	Hà Nội	1544	27A-126.55	Điện Biên	2544	29K-245.55	Hà Nội
545	29K-283.88	Hà Nội	1545	27C-072.86	Điện Biên	2545	29K-249.79	Hà Nội
546	29K-284.66	Hà Nội	1546	28A-199.39	Hòa Bình	2546	29K-257.99	Hà Nội
547	29K-304.88	Hà Nội	1547	28A-240.66	Hòa Bình	2547	29K-272.86	Hà Nội
548	29K-316.66	Hà Nội	1548	28A-251.15	Hòa Bình	2548	29K-296.39	Hà Nội
549	29K-325.23	Hà Nội	1549	28A-256.11	Hòa Bình	2549	29K-299.39	Hà Nội
550	34A-724.99	Hải Dương	1550	29D-608.79	Hà Nội	2550	29K-300.44	Hà Nội
551	34A-734.34	Hải Dương	1551	29D-611.69	Hà Nội	2551	29K-308.79	Hà Nội
552	34A-773.39	Hải Dương	1552	29D-622.68	Hà Nội	2552	29K-314.31	Hà Nội
553	34A-775.39	Hải Dương	1553	29K-221.79	Hà Nội	2553	29K-324.68	Hà Nội
554	34A-791.88	Hải Dương	1554	29K-223.68	Hà Nội	2554	34A-700.44	Hải Dương
555	34A-805.79	Hải Dương	1555	29K-228.68	Hà Nội	2555	34A-715.68	Hải Dương
556	34A-820.79	Hải Dương	1556	29K-234.68	Hà Nội	2556	34A-733.44	Hải Dương
557	34A-833.55	Hải Dương	1557	29K-240.00	Hà Nội	2557	34A-740.39	Hải Dương
558	34A-850.05	Hải Dương	1558	29K-241.99	Hà Nội	2558	34A-763.33	Hải Dương

THÀNH PHỐ
HÀ NỘI
T. PH. H. A.

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	34A-856.58	Hải Dương	1559	29K-262.69	Hà Nội	2559	34A-763.99	Hải Dương
560	34A-858.28	Hải Dương	1560	29K-262.89	Hà Nội	2560	34A-790.86	Hải Dương
561	34A-861.99	Hải Dương	1561	29K-264.46	Hà Nội	2561	34A-796.39	Hải Dương
562	34A-866.93	Hải Dương	1562	29K-265.56	Hà Nội	2562	34A-798.69	Hải Dương
563	34A-877.44	Hải Dương	1563	29K-269.79	Hà Nội	2563	34A-808.79	Hải Dương
564	34A-877.87	Hải Dương	1564	29K-273.66	Hà Nội	2564	34A-815.68	Hải Dương
565	34A-886.64	Hải Dương	1565	29K-278.27	Hà Nội	2565	34A-827.66	Hải Dương
566	34A-894.25	Hải Dương	1566	29K-288.55	Hà Nội	2566	34A-844.33	Hải Dương
567	34A-903.38	Hải Dương	1567	29K-301.11	Hà Nội	2567	34A-851.15	Hải Dương
568	34A-909.97	Hải Dương	1568	29K-302.03	Hà Nội	2568	34A-878.89	Hải Dương
569	34A-915.15	Hải Dương	1569	29K-302.99	Hà Nội	2569	34A-888.10	Hải Dương
570	34A-918.19	Hải Dương	1570	29K-308.39	Hà Nội	2570	34A-888.20	Hải Dương
571	34A-918.65	Hải Dương	1571	29K-309.88	Hà Nội	2571	34A-891.85	Hải Dương
572	34C-428.68	Hải Dương	1572	29K-310.01	Hà Nội	2572	34A-898.38	Hải Dương
573	35A-357.39	Ninh Bình	1573	29K-311.22	Hà Nội	2573	34A-902.03	Hải Dương
574	35A-364.69	Ninh Bình	1574	34A-722.66	Hải Dương	2574	34A-904.04	Hải Dương
575	35A-367.67	Ninh Bình	1575	34A-781.99	Hải Dương	2575	34A-904.40	Hải Dương
576	35A-387.39	Ninh Bình	1576	34A-783.69	Hải Dương	2576	34A-907.99	Hải Dương
577	35A-419.89	Ninh Bình	1577	34A-797.39	Hải Dương	2577	35A-403.99	Ninh Bình
578	35A-427.89	Ninh Bình	1578	34A-813.39	Hải Dương	2578	35A-407.88	Ninh Bình
579	35A-443.66	Ninh Bình	1579	34A-815.99	Hải Dương	2579	35A-411.00	Ninh Bình
580	35A-444.25	Ninh Bình	1580	34A-832.69	Hải Dương	2580	35A-427.39	Ninh Bình
581	35A-453.54	Ninh Bình	1581	34A-880.38	Hải Dương	2581	35A-434.88	Ninh Bình
582	35A-456.16	Ninh Bình	1582	34A-881.16	Hải Dương	2582	35A-444.29	Ninh Bình
583	35B-021.68	Ninh Bình	1583	34A-884.69	Hải Dương	2583	35A-449.49	Ninh Bình
584	36A-946.39	Thanh Hóa	1584	34A-884.84	Hải Dương	2584	35A-452.29	Ninh Bình
585	36C-519.68	Thanh Hóa	1585	34A-886.28	Hải Dương	2585	35A-452.88	Ninh Bình
586	36C-521.79	Thanh Hóa	1586	34A-887.22	Hải Dương	2586	35A-460.39	Ninh Bình
587	36C-521.88	Thanh Hóa	1587	34A-888.06	Hải Dương	2587	36A-942.39	Thanh Hóa
588	36C-527.86	Thanh Hóa	1588	34A-889.59	Hải Dương	2588	36A-943.66	Thanh Hóa
589	36D-025.25	Thanh Hóa	1589	34A-894.89	Hải Dương	2589	36A-944.39	Thanh Hóa
590	36D-026.88	Thanh Hóa	1590	34A-895.59	Hải Dương	2590	36A-964.86	Thanh Hóa
591	36K-042.22	Thanh Hóa	1591	34A-907.66	Hải Dương	2591	36C-521.66	Thanh Hóa
592	36K-046.79	Thanh Hóa	1592	34A-908.22	Hải Dương	2592	36K-032.32	Thanh Hóa
593	36K-055.22	Thanh Hóa	1593	35A-399.00	Ninh Bình	2593	36K-050.66	Thanh Hóa
594	36K-065.88	Thanh Hóa	1594	35A-400.55	Ninh Bình	2594	36K-055.68	Thanh Hóa
595	36K-112.89	Thanh Hóa	1595	35A-436.89	Ninh Bình	2595	36K-057.39	Thanh Hóa
596	36K-132.32	Thanh Hóa	1596	35A-441.79	Ninh Bình	2596	36K-060.00	Thanh Hóa
597	36K-149.25	Thanh Hóa	1597	35A-447.95	Ninh Bình	2597	36K-081.86	Thanh Hóa
598	36K-154.28	Thanh Hóa	1598	35A-458.35	Ninh Bình	2598	36K-093.88	Thanh Hóa
599	36K-158.33	Thanh Hóa	1599	35A-458.79	Ninh Bình	2599	36K-097.77	Thanh Hóa
600	36K-160.96	Thanh Hóa	1600	36C-511.89	Thanh Hóa	2600	36K-099.77	Thanh Hóa
601	36K-164.61	Thanh Hóa	1601	36C-513.79	Thanh Hóa	2601	36K-141.18	Thanh Hóa
602	36K-171.68	Thanh Hóa	1602	36K-030.88	Thanh Hóa	2602	36K-143.34	Thanh Hóa
603	36K-181.25	Thanh Hóa	1603	36K-031.89	Thanh Hóa	2603	36K-151.88	Thanh Hóa
604	36K-183.85	Thanh Hóa	1604	36K-063.66	Thanh Hóa	2604	36K-152.96	Thanh Hóa
605	36K-185.16	Thanh Hóa	1605	36K-085.88	Thanh Hóa	2605	36K-155.68	Thanh Hóa
606	36K-198.43	Thanh Hóa	1606	36K-107.99	Thanh Hóa	2606	36K-167.65	Thanh Hóa
607	36K-199.32	Thanh Hóa	1607	36K-118.86	Thanh Hóa	2607	36K-173.88	Thanh Hóa
608	36K-209.02	Thanh Hóa	1608	36K-122.00	Thanh Hóa	2608	36K-175.17	Thanh Hóa
609	36K-226.08	Thanh Hóa	1609	36K-137.37	Thanh Hóa	2609	36K-177.11	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	37C-566.55	Nghệ An	1610	36K-152.95	Thanh Hóa	2610	36K-180.96	Thanh Hóa
611	37K-195.88	Nghệ An	1611	36K-160.61	Thanh Hóa	2611	36K-182.39	Thanh Hóa
612	37K-198.79	Nghệ An	1612	36K-167.33	Thanh Hóa	2612	36K-182.89	Thanh Hóa
613	37K-274.44	Nghệ An	1613	36K-169.83	Thanh Hóa	2613	36K-183.77	Thanh Hóa
614	37K-288.69	Nghệ An	1614	36K-188.77	Thanh Hóa	2614	36K-204.33	Thanh Hóa
615	37K-294.86	Nghệ An	1615	36K-191.69	Thanh Hóa	2615	36K-210.58	Thanh Hóa
616	37K-299.00	Nghệ An	1616	36K-193.06	Thanh Hóa	2616	36K-219.66	Thanh Hóa
617	37K-328.69	Nghệ An	1617	36K-198.01	Thanh Hóa	2617	36K-219.97	Thanh Hóa
618	37K-411.14	Nghệ An	1618	36K-205.99	Thanh Hóa	2618	36K-222.02	Thanh Hóa
619	37K-428.86	Nghệ An	1619	36K-215.16	Thanh Hóa	2619	37C-546.99	Nghệ An
620	37K-431.58	Nghệ An	1620	36K-218.25	Thanh Hóa	2620	37C-556.89	Nghệ An
621	37K-431.79	Nghệ An	1621	36K-224.00	Thanh Hóa	2621	37C-556.99	Nghệ An
622	37K-435.89	Nghệ An	1622	37C-551.86	Nghệ An	2622	37C-563.89	Nghệ An
623	37K-441.39	Nghệ An	1623	37C-555.51	Nghệ An	2623	37C-565.56	Nghệ An
624	37K-451.35	Nghệ An	1624	37K-218.79	Nghệ An	2624	37K-303.66	Nghệ An
625	37K-452.86	Nghệ An	1625	37K-220.00	Nghệ An	2625	37K-318.79	Nghệ An
626	37K-461.25	Nghệ An	1626	37K-224.99	Nghệ An	2626	37K-374.99	Nghệ An
627	37K-466.33	Nghệ An	1627	37K-289.28	Nghệ An	2627	37K-388.39	Nghệ An
628	37K-471.88	Nghệ An	1628	37K-301.89	Nghệ An	2628	37K-388.81	Nghệ An
629	37K-473.15	Nghệ An	1629	37K-344.79	Nghệ An	2629	37K-396.26	Nghệ An
630	37K-474.39	Nghệ An	1630	37K-344.88	Nghệ An	2630	37K-396.28	Nghệ An
631	38A-570.66	Hà Tĩnh	1631	37K-359.89	Nghệ An	2631	37K-396.84	Nghệ An
632	38A-590.09	Hà Tĩnh	1632	37K-372.27	Nghệ An	2632	37K-398.11	Nghệ An
633	38A-639.18	Hà Tĩnh	1633	37K-434.00	Nghệ An	2633	37K-400.28	Nghệ An
634	38A-648.99	Hà Tĩnh	1634	37K-438.79	Nghệ An	2634	37K-402.03	Nghệ An
635	38A-652.18	Hà Tĩnh	1635	37K-439.34	Nghệ An	2635	37K-403.56	Nghệ An
636	38A-663.95	Hà Tĩnh	1636	37K-443.69	Nghệ An	2636	37K-406.44	Nghệ An
637	38A-664.95	Hà Tĩnh	1637	37K-450.88	Nghệ An	2637	37K-430.30	Nghệ An
638	38A-664.99	Hà Tĩnh	1638	37K-455.56	Nghệ An	2638	37K-431.00	Nghệ An
639	38C-233.39	Hà Tĩnh	1639	37K-463.55	Nghệ An	2639	37K-437.43	Nghệ An
640	43A-802.66	Đà Nẵng	1640	37K-467.59	Nghệ An	2640	37K-448.79	Nghệ An
641	43A-803.88	Đà Nẵng	1641	37K-469.66	Nghệ An	2641	37K-452.22	Nghệ An
642	43A-841.89	Đà Nẵng	1642	37K-474.44	Nghệ An	2642	37K-461.19	Nghệ An
643	43A-845.79	Đà Nẵng	1643	38A-534.89	Hà Tĩnh	2643	37K-462.19	Nghệ An
644	43A-855.69	Đà Nẵng	1644	38A-537.89	Hà Tĩnh	2644	37K-466.11	Nghệ An
645	43A-863.89	Đà Nẵng	1645	38A-544.86	Hà Tĩnh	2645	37K-480.99	Nghệ An
646	43A-901.88	Đà Nẵng	1646	38A-622.62	Hà Tĩnh	2646	38A-548.39	Hà Tĩnh
647	43A-930.08	Đà Nẵng	1647	38A-657.19	Hà Tĩnh	2647	38A-560.68	Hà Tĩnh
648	43A-937.65	Đà Nẵng	1648	38A-660.29	Hà Tĩnh	2648	38A-612.99	Hà Tĩnh
649	43A-939.93	Đà Nẵng	1649	38A-664.28	Hà Tĩnh	2649	38A-613.88	Hà Tĩnh
650	43C-308.89	Đà Nẵng	1650	38A-670.83	Hà Tĩnh	2650	38A-623.69	Hà Tĩnh
651	43C-313.39	Đà Nẵng	1651	38C-231.39	Hà Tĩnh	2651	38A-667.98	Hà Tĩnh
652	47A-589.39	Đắk Lắk	1652	43A-782.69	Đà Nẵng	2652	38A-678.37	Hà Tĩnh
653	47A-600.99	Đắk Lắk	1653	43A-787.69	Đà Nẵng	2653	38A-678.42	Hà Tĩnh
654	47A-613.66	Đắk Lắk	1654	43A-814.39	Đà Nẵng	2654	38C-236.39	Hà Tĩnh
655	47A-655.39	Đắk Lắk	1655	43A-833.79	Đà Nẵng	2655	43A-820.66	Đà Nẵng
656	47A-661.89	Đắk Lắk	1656	43A-840.68	Đà Nẵng	2656	43A-840.00	Đà Nẵng
657	47A-662.69	Đắk Lắk	1657	43A-870.99	Đà Nẵng	2657	43A-862.88	Đà Nẵng
658	47A-683.89	Đắk Lắk	1658	43A-872.27	Đà Nẵng	2658	43A-884.99	Đà Nẵng
659	47A-719.66	Đắk Lắk	1659	43A-877.44	Đà Nẵng	2659	43A-899.69	Đà Nẵng
660	47A-725.68	Đắk Lắk	1660	43A-899.75	Đà Nẵng	2660	43A-911.55	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	47A-729.66	Đắk Lắk	1661	43A-901.90	Đà Nẵng	2661	43A-927.96	Đà Nẵng
662	47A-740.68	Đắk Lắk	1662	43A-906.59	Đà Nẵng	2662	43A-928.26	Đà Nẵng
663	47A-748.79	Đắk Lắk	1663	43A-914.99	Đà Nẵng	2663	43A-930.66	Đà Nẵng
664	47A-749.86	Đắk Lắk	1664	43A-915.91	Đà Nẵng	2664	43A-930.83	Đà Nẵng
665	47A-760.86	Đắk Lắk	1665	43A-918.18	Đà Nẵng	2665	43A-941.69	Đà Nẵng
666	47A-760.88	Đắk Lắk	1666	43A-920.39	Đà Nẵng	2666	43C-306.99	Đà Nẵng
667	47A-768.58	Đắk Lắk	1667	43A-922.89	Đà Nẵng	2667	43C-311.88	Đà Nẵng
668	47A-769.55	Đắk Lắk	1668	43A-922.95	Đà Nẵng	2668	47A-592.39	Đắk Lắk
669	47A-775.99	Đắk Lắk	1669	43A-938.65	Đà Nẵng	2669	47A-607.07	Đắk Lắk
670	47A-783.99	Đắk Lắk	1670	47A-602.99	Đắk Lắk	2670	47A-651.68	Đắk Lắk
671	47A-791.18	Đắk Lắk	1671	47A-632.39	Đắk Lắk	2671	47A-660.86	Đắk Lắk
672	47A-791.35	Đắk Lắk	1672	47A-640.66	Đắk Lắk	2672	47A-672.27	Đắk Lắk
673	47A-796.19	Đắk Lắk	1673	47A-659.86	Đắk Lắk	2673	47A-714.39	Đắk Lắk
674	47A-802.99	Đắk Lắk	1674	47A-671.66	Đắk Lắk	2674	47A-727.79	Đắk Lắk
675	47A-803.96	Đắk Lắk	1675	47A-673.86	Đắk Lắk	2675	47A-735.99	Đắk Lắk
676	47A-811.86	Đắk Lắk	1676	47A-687.39	Đắk Lắk	2676	47A-751.86	Đắk Lắk
677	47B-039.68	Đắk Lắk	1677	47A-691.11	Đắk Lắk	2677	47A-768.56	Đắk Lắk
678	47C-377.55	Đắk Lắk	1678	47A-730.30	Đắk Lắk	2678	47A-769.59	Đắk Lắk
679	47C-377.86	Đắk Lắk	1679	47A-731.89	Đắk Lắk	2679	47A-781.25	Đắk Lắk
680	47D-016.39	Đắk Lắk	1680	47A-733.55	Đắk Lắk	2680	47A-783.00	Đắk Lắk
681	48A-219.66	Đắk Nông	1681	47A-745.88	Đắk Lắk	2681	47A-784.87	Đắk Lắk
682	48A-227.99	Đắk Nông	1682	47A-763.38	Đắk Lắk	2682	47A-792.38	Đắk Lắk
683	48A-238.55	Đắk Nông	1683	47A-763.76	Đắk Lắk	2683	47A-808.65	Đắk Lắk
684	48A-246.68	Đắk Nông	1684	47A-767.99	Đắk Lắk	2684	47A-811.83	Đắk Lắk
685	48B-012.68	Đắk Nông	1685	47A-777.24	Đắk Lắk	2685	47D-015.89	Đắk Lắk
686	49A-602.86	Lâm Đồng	1686	47A-787.96	Đắk Lắk	2686	48A-194.39	Đắk Nông
687	49A-616.89	Lâm Đồng	1687	47A-792.89	Đắk Lắk	2687	48A-204.88	Đắk Nông
688	49A-661.69	Lâm Đồng	1688	47A-812.58	Đắk Lắk	2688	48A-211.22	Đắk Nông
689	49A-684.44	Lâm Đồng	1689	47C-389.39	Đắk Lắk	2689	48A-215.99	Đắk Nông
690	49A-734.37	Lâm Đồng	1690	48A-222.35	Đắk Nông	2690	48A-234.44	Đắk Nông
691	49A-738.73	Lâm Đồng	1691	48A-222.55	Đắk Nông	2691	48A-236.68	Đắk Nông
692	49A-743.86	Lâm Đồng	1692	48A-237.32	Đắk Nông	2692	48A-237.68	Đắk Nông
693	51D-838.66	Hồ Chí Minh	1693	48A-244.89	Đắk Nông	2693	48A-243.43	Đắk Nông
694	51E-329.29	Hồ Chí Minh	1694	48A-245.79	Đắk Nông	2694	48A-246.39	Đắk Nông
695	51M-022.00	Hồ Chí Minh	1695	49A-600.88	Lâm Đồng	2695	48A-246.79	Đắk Nông
696	51M-024.79	Hồ Chí Minh	1696	49A-639.86	Lâm Đồng	2696	48C-111.68	Đắk Nông
697	51M-025.66	Hồ Chí Minh	1697	49A-647.86	Lâm Đồng	2697	49A-644.69	Lâm Đồng
698	51M-044.86	Hồ Chí Minh	1698	49A-649.86	Lâm Đồng	2698	49A-674.89	Lâm Đồng
699	51M-049.66	Hồ Chí Minh	1699	49A-650.66	Lâm Đồng	2699	49A-682.89	Lâm Đồng
700	60C-752.68	Đồng Nai	1700	49A-657.68	Lâm Đồng	2700	49A-685.66	Lâm Đồng
701	60C-755.39	Đồng Nai	1701	49A-675.86	Lâm Đồng	2701	49A-711.68	Lâm Đồng
702	60K-354.79	Đồng Nai	1702	49A-677.66	Lâm Đồng	2702	49A-712.69	Lâm Đồng
703	60K-414.68	Đồng Nai	1703	49A-695.68	Lâm Đồng	2703	49A-744.28	Lâm Đồng
704	60K-422.39	Đồng Nai	1704	49A-700.86	Lâm Đồng	2704	51D-831.68	Hồ Chí Minh
705	60K-443.68	Đồng Nai	1705	49A-701.66	Lâm Đồng	2705	51D-868.79	Hồ Chí Minh
706	60K-518.79	Đồng Nai	1706	49A-709.90	Lâm Đồng	2706	51D-878.68	Hồ Chí Minh
707	60K-546.64	Đồng Nai	1707	49A-712.39	Lâm Đồng	2707	51D-881.69	Hồ Chí Minh
708	60K-550.18	Đồng Nai	1708	49A-734.44	Lâm Đồng	2708	51D-888.69	Hồ Chí Minh
709	60K-565.09	Đồng Nai	1709	49A-740.04	Lâm Đồng	2709	51D-891.66	Hồ Chí Minh
710	60K-571.89	Đồng Nai	1710	49A-744.22	Lâm Đồng	2710	51E-325.66	Hồ Chí Minh
711	60K-579.68	Đồng Nai	1711	51B-603.79	Hồ Chí Minh	2711	51E-327.68	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	60K-587.69	Đồng Nai	1712	51B-709.79	Hồ Chí Minh	2712	51M-011.44	Hồ Chí Minh
713	60K-588.69	Đồng Nai	1713	51D-829.68	Hồ Chí Minh	2713	51M-015.15	Hồ Chí Minh
714	60K-595.38	Đồng Nai	1714	51D-867.77	Hồ Chí Minh	2714	51M-017.17	Hồ Chí Minh
715	61C-596.89	Bình Dương	1715	51D-872.68	Hồ Chí Minh	2715	51M-019.01	Hồ Chí Minh
716	61K-265.88	Bình Dương	1716	51D-877.89	Hồ Chí Minh	2716	51M-025.02	Hồ Chí Minh
717	61K-314.68	Bình Dương	1717	51M-016.66	Hồ Chí Minh	2717	51M-029.29	Hồ Chí Minh
718	61K-321.39	Bình Dương	1718	51M-019.94	Hồ Chí Minh	2718	51M-032.22	Hồ Chí Minh
719	61K-336.63	Bình Dương	1719	51M-039.03	Hồ Chí Minh	2719	51M-033.22	Hồ Chí Minh
720	61K-342.68	Bình Dương	1720	51M-039.69	Hồ Chí Minh	2720	51M-042.69	Hồ Chí Minh
721	61K-373.99	Bình Dương	1721	51M-040.41	Hồ Chí Minh	2721	60C-730.03	Đồng Nai
722	61K-384.89	Bình Dương	1722	60B-068.69	Đồng Nai	2722	60K-341.66	Đồng Nai
723	61K-387.79	Bình Dương	1723	60C-735.88	Đồng Nai	2723	60K-400.69	Đồng Nai
724	61K-390.90	Bình Dương	1724	60C-737.39	Đồng Nai	2724	60K-405.55	Đồng Nai
725	61K-400.79	Bình Dương	1725	60C-755.77	Đồng Nai	2725	60K-473.69	Đồng Nai
726	61K-401.10	Bình Dương	1726	60K-429.88	Đồng Nai	2726	60K-476.66	Đồng Nai
727	61K-407.66	Bình Dương	1727	60K-450.89	Đồng Nai	2727	60K-531.86	Đồng Nai
728	61K-411.11	Bình Dương	1728	60K-461.39	Đồng Nai	2728	60K-532.88	Đồng Nai
729	61K-445.69	Bình Dương	1729	60K-470.88	Đồng Nai	2729	60K-535.36	Đồng Nai
730	61K-455.38	Bình Dương	1730	60K-483.79	Đồng Nai	2730	60K-546.33	Đồng Nai
731	61K-456.29	Bình Dương	1731	60K-491.91	Đồng Nai	2731	60K-553.69	Đồng Nai
732	61K-459.68	Bình Dương	1732	60K-492.68	Đồng Nai	2732	60K-563.56	Đồng Nai
733	61K-463.18	Bình Dương	1733	60K-502.68	Đồng Nai	2733	60K-571.79	Đồng Nai
734	61K-465.38	Bình Dương	1734	60K-523.25	Đồng Nai	2734	60K-572.58	Đồng Nai
735	61K-468.16	Bình Dương	1735	60K-541.79	Đồng Nai	2735	60K-591.16	Đồng Nai
736	61K-470.74	Bình Dương	1736	60K-548.15	Đồng Nai	2736	60K-592.33	Đồng Nai
737	61K-481.11	Bình Dương	1737	60K-552.39	Đồng Nai	2737	60K-595.15	Đồng Nai
738	61K-483.29	Bình Dương	1738	60K-554.26	Đồng Nai	2738	60K-604.68	Đồng Nai
739	61K-500.85	Bình Dương	1739	60K-559.29	Đồng Nai	2739	60K-608.66	Đồng Nai
740	61K-503.33	Bình Dương	1740	60K-574.57	Đồng Nai	2740	60K-609.89	Đồng Nai
741	61K-514.68	Bình Dương	1741	60K-580.58	Đồng Nai	2741	60K-610.00	Đồng Nai
742	61K-514.98	Bình Dương	1742	60K-583.25	Đồng Nai	2742	60K-615.61	Đồng Nai
743	62A-364.99	Long An	1743	60K-587.87	Đồng Nai	2743	60K-617.77	Đồng Nai
744	62A-385.66	Long An	1744	60K-596.97	Đồng Nai	2744	61C-592.66	Bình Dương
745	62A-390.88	Long An	1745	60K-599.18	Đồng Nai	2745	61D-019.74	Bình Dương
746	62A-424.88	Long An	1746	60K-602.68	Đồng Nai	2746	61D-021.68	Bình Dương
747	62A-451.77	Long An	1747	60K-603.18	Đồng Nai	2747	61K-270.88	Bình Dương
748	62A-459.56	Long An	1748	60K-604.18	Đồng Nai	2748	61K-286.39	Bình Dương
749	62A-462.36	Long An	1749	60K-605.16	Đồng Nai	2749	61K-304.44	Bình Dương
750	62A-464.95	Long An	1750	60K-612.16	Đồng Nai	2750	61K-381.99	Bình Dương
751	62A-465.98	Long An	1751	60K-614.79	Đồng Nai	2751	61K-405.99	Bình Dương
752	62A-468.65	Long An	1752	61C-593.86	Bình Dương	2752	61K-408.80	Bình Dương
753	63A-264.44	Tiền Giang	1753	61D-019.75	Bình Dương	2753	61K-415.15	Bình Dương
754	63A-270.68	Tiền Giang	1754	61K-250.88	Bình Dương	2754	61K-416.68	Bình Dương
755	63A-305.39	Tiền Giang	1755	61K-281.89	Bình Dương	2755	61K-458.56	Bình Dương
756	63A-308.08	Tiền Giang	1756	61K-297.69	Bình Dương	2756	61K-458.88	Bình Dương
757	63A-310.01	Tiền Giang	1757	61K-351.39	Bình Dương	2757	61K-466.85	Bình Dương
758	63A-312.68	Tiền Giang	1758	61K-388.55	Bình Dương	2758	61K-469.36	Bình Dương
759	63A-319.76	Tiền Giang	1759	61K-431.39	Bình Dương	2759	61K-481.79	Bình Dương
760	63C-221.99	Tiền Giang	1760	61K-450.29	Bình Dương	2760	61K-488.00	Bình Dương
761	63C-228.28	Tiền Giang	1761	61K-454.45	Bình Dương	2761	61K-493.69	Bình Dương
762	64A-174.74	Vĩnh Long	1762	61K-456.74	Bình Dương	2762	61K-495.86	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	64A-177.44	Vĩnh Long	1763	61K-457.54	Bình Dương	2763	61K-501.11	Bình Dương
764	64A-180.89	Vĩnh Long	1764	61K-463.79	Bình Dương	2764	61K-508.69	Bình Dương
765	64A-185.69	Vĩnh Long	1765	61K-481.35	Bình Dương	2765	61K-511.19	Bình Dương
766	64A-196.55	Vĩnh Long	1766	61K-482.22	Bình Dương	2766	61K-513.85	Bình Dương
767	65A-400.66	Cần Thơ	1767	61K-496.22	Bình Dương	2767	61K-516.85	Bình Dương
768	65A-403.66	Cần Thơ	1768	61K-506.07	Bình Dương	2768	61K-518.79	Bình Dương
769	65A-440.69	Cần Thơ	1769	61K-510.11	Bình Dương	2769	62A-375.55	Long An
770	65A-443.43	Cần Thơ	1770	61K-512.36	Bình Dương	2770	62A-382.88	Long An
771	65A-450.39	Cần Thơ	1771	61K-513.58	Bình Dương	2771	62A-405.99	Long An
772	65A-453.88	Cần Thơ	1772	61K-515.06	Bình Dương	2772	62A-410.89	Long An
773	65A-466.39	Cần Thơ	1773	61K-516.15	Bình Dương	2773	62A-417.86	Long An
774	61K-511.68	Bình Dương	1774	61K-518.22	Bình Dương	2774	62A-437.86	Long An
775	65B-022.39	Cần Thơ	1775	62A-360.39	Long An	2775	62A-446.99	Long An
776	65B-022.69	Cần Thơ	1776	62A-401.89	Long An	2776	62A-450.99	Long An
777	65C-231.39	Cần Thơ	1777	62A-407.99	Long An	2777	62C-215.86	Long An
778	66A-240.99	Đồng Tháp	1778	62A-414.69	Long An	2778	63A-257.66	Tiền Giang
779	66A-269.66	Đồng Tháp	1779	62A-443.69	Long An	2779	63A-279.69	Tiền Giang
780	66A-293.94	Đồng Tháp	1780	62A-446.79	Long An	2780	63A-289.66	Tiền Giang
781	66A-299.36	Đồng Tháp	1781	62A-457.69	Long An	2781	63A-292.88	Tiền Giang
782	66C-183.33	Đồng Tháp	1782	62B-028.39	Long An	2782	63A-316.61	Tiền Giang
783	67A-293.79	An Giang	1783	62C-212.39	Long An	2783	63A-316.77	Tiền Giang
784	67A-303.30	An Giang	1784	63A-253.99	Tiền Giang	2784	63A-320.86	Tiền Giang
785	67A-306.69	An Giang	1785	63A-255.88	Tiền Giang	2785	63B-031.66	Tiền Giang
786	67A-320.09	An Giang	1786	63A-261.86	Tiền Giang	2786	64A-163.86	Vĩnh Long
787	67A-328.28	An Giang	1787	63A-282.22	Tiền Giang	2787	64A-196.10	Vĩnh Long
788	67B-028.66	An Giang	1788	63A-298.68	Tiền Giang	2788	64A-197.00	Vĩnh Long
789	68A-293.39	Kiên Giang	1789	63A-316.17	Tiền Giang	2789	64A-197.72	Vĩnh Long
790	68A-323.79	Kiên Giang	1790	64A-165.88	Vĩnh Long	2790	64A-202.79	Vĩnh Long
791	68A-340.39	Kiên Giang	1791	64A-169.66	Vĩnh Long	2791	65A-401.01	Cần Thơ
792	68A-346.86	Kiên Giang	1792	64A-170.86	Vĩnh Long	2792	65A-401.89	Cần Thơ
793	68A-362.16	Kiên Giang	1793	64A-172.68	Vĩnh Long	2793	65A-409.68	Cần Thơ
794	68A-362.19	Kiên Giang	1794	64A-182.99	Vĩnh Long	2794	65A-412.86	Cần Thơ
795	69A-149.88	Cà Mau	1795	64A-184.66	Vĩnh Long	2795	65A-416.89	Cần Thơ
796	69A-154.68	Cà Mau	1796	64B-013.79	Vĩnh Long	2796	65A-423.39	Cần Thơ
797	69B-011.39	Cà Mau	1797	64C-122.99	Vĩnh Long	2797	65A-467.77	Cần Thơ
798	70A-472.99	Tây Ninh	1798	64C-123.69	Vĩnh Long	2798	65A-503.25	Cần Thơ
799	70A-483.39	Tây Ninh	1799	65A-462.69	Cần Thơ	2799	65A-503.58	Cần Thơ
800	70A-484.39	Tây Ninh	1800	65A-467.67	Cần Thơ	2800	65A-509.50	Cần Thơ
801	70A-522.77	Tây Ninh	1801	65A-470.00	Cần Thơ	2801	65A-513.85	Cần Thơ
802	70A-529.88	Tây Ninh	1802	65A-472.22	Cần Thơ	2802	65C-235.86	Cần Thơ
803	70A-533.11	Tây Ninh	1803	65A-496.68	Cần Thơ	2803	66A-242.69	Đồng Tháp
804	70A-552.39	Tây Ninh	1804	65A-496.96	Cần Thơ	2804	66A-258.66	Đồng Tháp
805	70A-560.22	Tây Ninh	1805	65A-497.08	Cần Thơ	2805	66A-258.79	Đồng Tháp
806	70A-563.15	Tây Ninh	1806	65A-498.88	Cần Thơ	2806	67A-284.39	An Giang
807	70A-564.06	Tây Ninh	1807	65A-501.99	Cần Thơ	2807	67A-287.79	An Giang
808	70A-574.74	Tây Ninh	1808	65A-509.44	Cần Thơ	2808	67A-314.98	An Giang
809	70A-575.06	Tây Ninh	1809	65C-231.99	Cần Thơ	2809	67A-315.31	An Giang
810	70C-211.22	Tây Ninh	1810	66A-227.68	Đồng Tháp	2810	67A-316.00	An Giang
811	71A-185.99	Bến Tre	1811	66A-234.34	Đồng Tháp	2811	67A-318.69	An Giang
812	71A-200.68	Bến Tre	1812	66A-250.66	Đồng Tháp	2812	67C-186.88	An Giang
813	71A-205.02	Bến Tre	1813	66A-277.68	Đồng Tháp	2813	68A-289.39	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	72A-723.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	1814	66A-277.89	Đồng Tháp	2814	68A-311.66	Kiên Giang
815	72A-732.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1815	66A-283.83	Đồng Tháp	2815	68A-357.68	Kiên Giang
816	72A-754.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1816	66A-296.96	Đồng Tháp	2816	68A-358.44	Kiên Giang
817	72A-755.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1817	66A-300.39	Đồng Tháp	2817	68A-358.95	Kiên Giang
818	72A-761.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1818	67A-300.79	An Giang	2818	68A-359.09	Kiên Giang
819	72A-765.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1819	67A-310.66	An Giang	2819	70B-032.88	Tây Ninh
820	72A-765.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1820	67A-319.74	An Giang	2820	70D-008.86	Tây Ninh
821	72A-775.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	1821	67A-321.86	An Giang	2821	71A-184.84	Bến Tre
822	72A-805.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1822	67A-322.79	An Giang	2822	71A-190.39	Bến Tre
823	72A-815.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	1823	67A-324.06	An Giang	2823	71A-199.96	Bến Tre
824	72A-819.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	1824	68A-306.06	Kiên Giang	2824	71A-200.86	Bến Tre
825	72A-820.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	1825	68A-320.02	Kiên Giang	2825	71A-209.44	Bến Tre
826	72A-826.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1826	68A-336.79	Kiên Giang	2826	72A-763.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
827	72A-836.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	1827	68A-346.64	Kiên Giang	2827	72A-779.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
828	72C-236.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1828	68A-362.98	Kiên Giang	2828	72A-784.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
829	73A-310.69	Quảng Bình	1829	68A-363.08	Kiên Giang	2829	72A-811.15	Bà Rịa - Vũng Tàu
830	73A-319.66	Quảng Bình	1830	68A-364.08	Kiên Giang	2830	72A-816.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
831	73A-346.89	Quảng Bình	1831	69A-136.69	Cà Mau	2831	72A-827.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
832	73A-354.66	Quảng Bình	1832	69A-150.89	Cà Mau	2832	72A-829.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
833	73A-355.00	Quảng Bình	1833	69A-166.97	Cà Mau	2833	72A-836.98	Bà Rịa - Vũng Tàu
834	73A-362.95	Quảng Bình	1834	69B-011.22	Cà Mau	2834	72A-838.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
835	73A-364.28	Quảng Bình	1835	70A-464.89	Tây Ninh	2835	73A-350.86	Quảng Bình
836	73A-364.66	Quảng Bình	1836	70A-472.79	Tây Ninh	2836	73A-353.99	Quảng Bình
837	73C-188.55	Quảng Bình	1837	70A-484.44	Tây Ninh	2837	73A-367.22	Quảng Bình
838	74A-231.68	Quảng Trị	1838	70A-491.86	Tây Ninh	2838	73C-188.68	Quảng Bình
839	74A-255.86	Quảng Trị	1839	70A-520.39	Tây Ninh	2839	74A-229.89	Quảng Trị
840	74B-016.88	Quảng Trị	1840	70A-523.39	Tây Ninh	2840	74A-233.79	Quảng Trị
841	74D-011.39	Quảng Trị	1841	70A-555.33	Tây Ninh	2841	74A-243.69	Quảng Trị
842	75A-321.99	Thừa Thiên Huế	1842	70A-560.06	Tây Ninh	2842	74A-271.38	Quảng Trị
843	75A-332.39	Thừa Thiên Huế	1843	70A-562.08	Tây Ninh	2843	74A-276.66	Quảng Trị
844	75A-351.88	Thừa Thiên Huế	1844	70B-032.89	Tây Ninh	2844	74C-138.83	Quảng Trị
845	75A-373.56	Thừa Thiên Huế	1845	70B-033.89	Tây Ninh	2845	75A-325.66	Thừa Thiên Huế
846	75A-383.89	Thừa Thiên Huế	1846	71A-210.86	Bến Tre	2846	75A-351.39	Thừa Thiên Huế
847	75A-386.87	Thừa Thiên Huế	1847	72A-702.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2847	75A-377.73	Thừa Thiên Huế
848	76A-248.79	Quảng Ngãi	1848	72A-734.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2848	75C-155.68	Thừa Thiên Huế
849	76A-257.77	Quảng Ngãi	1849	72A-748.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2849	76A-283.89	Quảng Ngãi
850	76A-266.89	Quảng Ngãi	1850	72A-754.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2850	76A-317.39	Quảng Ngãi
851	76A-278.66	Quảng Ngãi	1851	72A-760.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2851	76A-320.36	Quảng Ngãi
852	76A-290.99	Quảng Ngãi	1852	72A-807.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	2852	76D-011.79	Quảng Ngãi
853	76A-301.69	Quảng Ngãi	1853	72A-811.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2853	76D-011.89	Quảng Ngãi
854	76A-304.99	Quảng Ngãi	1854	72A-816.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2854	77A-285.39	Bình Định
855	76A-309.09	Quảng Ngãi	1855	72A-835.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2855	77A-305.68	Bình Định
856	76A-322.88	Quảng Ngãi	1856	72A-839.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2856	77A-315.69	Bình Định
857	77A-287.88	Bình Định	1857	73A-357.39	Quảng Bình	2857	77A-319.69	Bình Định
858	77A-297.69	Bình Định	1858	73A-357.88	Quảng Bình	2858	77A-323.66	Bình Định
859	77A-302.39	Bình Định	1859	73A-362.06	Quảng Bình	2859	77A-342.77	Bình Định
860	77A-315.51	Bình Định	1860	73A-363.38	Quảng Bình	2860	77B-035.79	Bình Định
861	77A-325.39	Bình Định	1861	73C-188.89	Quảng Bình	2861	78A-202.20	Phú Yên
862	77A-343.89	Bình Định	1862	74A-249.39	Quảng Trị	2862	78A-214.99	Phú Yên
863	77A-352.38	Bình Định	1863	74A-250.88	Quảng Trị	2863	78C-125.69	Phú Yên
864	78A-200.66	Phú Yên	1864	74A-268.65	Quảng Trị	2864	79A-525.39	Khánh Hòa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	78A-209.96	Phú Yên	1865	74A-273.11	Quảng Trị	2865	79A-532.79	Khánh Hòa
866	78C-125.66	Phú Yên	1866	74A-274.09	Quảng Trị	2866	79A-534.68	Khánh Hòa
867	79A-494.69	Khánh Hòa	1867	75A-355.00	Thừa Thiên Huế	2867	79A-534.69	Khánh Hòa
868	79A-501.69	Khánh Hòa	1868	75A-370.66	Thừa Thiên Huế	2868	79A-539.88	Khánh Hòa
869	79A-510.69	Khánh Hòa	1869	75A-372.39	Thừa Thiên Huế	2869	79A-558.38	Khánh Hòa
870	79A-531.66	Khánh Hòa	1870	75A-376.76	Thừa Thiên Huế	2870	79A-561.66	Khánh Hòa
871	79A-532.88	Khánh Hòa	1871	76A-287.99	Quảng Ngãi	2871	79A-563.11	Khánh Hòa
872	79A-532.89	Khánh Hòa	1872	76A-304.40	Quảng Ngãi	2872	79A-563.28	Khánh Hòa
873	79A-544.09	Khánh Hòa	1873	76A-313.89	Quảng Ngãi	2873	79C-223.33	Khánh Hòa
874	79A-555.03	Khánh Hòa	1874	76A-314.31	Quảng Ngãi	2874	81A-405.05	Gia Lai
875	79A-559.86	Khánh Hòa	1875	76A-321.28	Quảng Ngãi	2875	81A-410.89	Gia Lai
876	79A-562.89	Khánh Hòa	1876	77A-322.66	Bình Định	2876	81A-427.85	Gia Lai
877	79A-564.33	Khánh Hòa	1877	77A-343.33	Bình Định	2877	81A-429.28	Gia Lai
878	79A-565.69	Khánh Hòa	1878	77A-345.89	Bình Định	2878	81A-429.92	Gia Lai
879	79A-568.09	Khánh Hòa	1879	77A-348.35	Bình Định	2879	81A-430.35	Gia Lai
880	81A-373.86	Gia Lai	1880	78A-172.39	Phú Yên	2880	81A-446.36	Gia Lai
881	81A-399.44	Gia Lai	1881	78A-181.99	Phú Yên	2881	81A-449.35	Gia Lai
882	81A-430.03	Gia Lai	1882	78A-182.79	Phú Yên	2882	82A-136.39	Kon Tum
883	81A-432.68	Gia Lai	1883	78A-215.38	Phú Yên	2883	82A-140.39	Kon Tum
884	81A-444.78	Gia Lai	1884	78C-123.39	Phú Yên	2884	82A-148.86	Kon Tum
885	81C-281.18	Gia Lai	1885	79A-494.89	Khánh Hòa	2885	82B-015.88	Kon Tum
886	82A-129.69	Kon Tum	1886	79A-503.66	Khánh Hòa	2886	82C-093.88	Kon Tum
887	82A-147.68	Kon Tum	1887	79A-517.39	Khánh Hòa	2887	83A-160.79	Sóc Trăng
888	82B-016.88	Kon Tum	1888	79A-555.01	Khánh Hòa	2888	83A-174.68	Sóc Trăng
889	82B-017.99	Kon Tum	1889	79A-560.61	Khánh Hòa	2889	83A-180.00	Sóc Trăng
890	82C-093.66	Kon Tum	1890	79A-568.39	Khánh Hòa	2890	83A-185.86	Sóc Trăng
891	83A-176.76	Sóc Trăng	1891	79C-223.66	Khánh Hòa	2891	83A-187.79	Sóc Trăng
892	83B-021.79	Sóc Trăng	1892	81A-387.68	Gia Lai	2892	84A-135.68	Trà Vinh
893	84A-123.79	Trà Vinh	1893	81A-421.11	Gia Lai	2893	85A-120.79	Ninh Thuận
894	84A-131.69	Trà Vinh	1894	81A-444.58	Gia Lai	2894	85A-144.89	Ninh Thuận
895	84A-135.53	Trà Vinh	1895	82A-133.86	Kon Tum	2895	85B-013.79	Ninh Thuận
896	84A-140.85	Trà Vinh	1896	82A-137.37	Kon Tum	2896	86A-271.11	Bình Thuận
897	84A-143.95	Trà Vinh	1897	83A-172.99	Sóc Trăng	2897	86A-315.69	Bình Thuận
898	84A-145.15	Trà Vinh	1898	83A-177.44	Sóc Trăng	2898	86B-021.66	Bình Thuận
899	84B-017.99	Trà Vinh	1899	83B-021.88	Sóc Trăng	2899	86C-203.88	Bình Thuận
900	84C-122.89	Trà Vinh	1900	84A-120.88	Trà Vinh	2900	88A-709.09	Vĩnh Phúc
901	84C-123.89	Trà Vinh	1901	84A-130.39	Trà Vinh	2901	88A-710.00	Vĩnh Phúc
902	85A-141.59	Ninh Thuận	1902	84A-138.69	Trà Vinh	2902	88A-713.86	Vĩnh Phúc
903	85A-144.39	Ninh Thuận	1903	84B-016.66	Trà Vinh	2903	88A-733.68	Vĩnh Phúc
904	86A-274.39	Bình Thuận	1904	84C-121.88	Trà Vinh	2904	88A-737.73	Vĩnh Phúc
905	86A-309.35	Bình Thuận	1905	85A-113.89	Ninh Thuận	2905	88A-742.74	Vĩnh Phúc
906	86C-207.39	Bình Thuận	1906	85A-122.99	Ninh Thuận	2906	88A-746.89	Vĩnh Phúc
907	88A-617.17	Vĩnh Phúc	1907	86A-265.89	Bình Thuận	2907	88A-756.85	Vĩnh Phúc
908	88A-629.88	Vĩnh Phúc	1908	86A-283.68	Bình Thuận	2908	88A-761.96	Vĩnh Phúc
909	88A-651.79	Vĩnh Phúc	1909	86A-291.86	Bình Thuận	2909	88A-763.36	Vĩnh Phúc
910	88A-653.69	Vĩnh Phúc	1910	86A-303.68	Bình Thuận	2910	88A-766.16	Vĩnh Phúc
911	88A-700.88	Vĩnh Phúc	1911	86A-309.09	Bình Thuận	2911	88A-775.08	Vĩnh Phúc
912	88A-711.66	Vĩnh Phúc	1912	86A-319.95	Bình Thuận	2912	88A-779.91	Vĩnh Phúc
913	88A-713.13	Vĩnh Phúc	1913	86B-021.88	Bình Thuận	2913	88A-785.39	Vĩnh Phúc
914	88A-740.86	Vĩnh Phúc	1914	86B-022.68	Bình Thuận	2914	88A-786.08	Vĩnh Phúc
915	88A-750.51	Vĩnh Phúc	1915	88A-631.89	Vĩnh Phúc	2915	88B-018.86	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	88A-755.75	Vĩnh Phúc	1916	88A-635.39	Vĩnh Phúc	2916	88C-299.55	Vĩnh Phúc
917	88A-756.36	Vĩnh Phúc	1917	88A-641.66	Vĩnh Phúc	2917	88C-300.22	Vĩnh Phúc
918	88A-756.38	Vĩnh Phúc	1918	88A-644.99	Vĩnh Phúc	2918	88C-305.66	Vĩnh Phúc
919	88A-760.66	Vĩnh Phúc	1919	88A-684.84	Vĩnh Phúc	2919	89A-407.68	Hưng Yên
920	88A-761.11	Vĩnh Phúc	1920	88A-741.88	Vĩnh Phúc	2920	89A-411.86	Hưng Yên
921	88A-767.29	Vĩnh Phúc	1921	88A-751.11	Vĩnh Phúc	2921	89A-423.88	Hưng Yên
922	88A-777.16	Vĩnh Phúc	1922	88A-759.00	Vĩnh Phúc	2922	89A-481.99	Hưng Yên
923	88A-778.08	Vĩnh Phúc	1923	88A-760.59	Vĩnh Phúc	2923	89A-482.99	Hưng Yên
924	88A-779.66	Vĩnh Phúc	1924	88A-765.98	Vĩnh Phúc	2924	89A-485.99	Hưng Yên
925	88C-302.68	Vĩnh Phúc	1925	88A-767.15	Vĩnh Phúc	2925	89A-489.86	Hưng Yên
926	89A-427.79	Hưng Yên	1926	88A-771.36	Vĩnh Phúc	2926	89A-502.28	Hưng Yên
927	89A-444.11	Hưng Yên	1927	88A-775.09	Vĩnh Phúc	2927	89A-507.89	Hưng Yên
928	89A-475.69	Hưng Yên	1928	88A-775.15	Vĩnh Phúc	2928	89A-509.05	Hưng Yên
929	89A-497.69	Hưng Yên	1929	88A-776.68	Vĩnh Phúc	2929	89A-509.38	Hưng Yên
930	89A-502.20	Hưng Yên	1930	88A-777.27	Vĩnh Phúc	2930	90A-224.86	Hà Nam
931	89A-507.70	Hưng Yên	1931	88A-778.15	Vĩnh Phúc	2931	90A-247.69	Hà Nam
932	89A-508.95	Hưng Yên	1932	88A-786.25	Vĩnh Phúc	2932	90A-279.27	Hà Nam
933	89A-510.10	Hưng Yên	1933	88C-299.89	Vĩnh Phúc	2933	90B-011.77	Hà Nam
934	89A-513.68	Hưng Yên	1934	88C-305.88	Vĩnh Phúc	2934	90D-008.68	Hà Nam
935	89C-335.69	Hưng Yên	1935	89A-415.86	Hưng Yên	2935	92A-392.22	Quảng Nam
936	89C-338.99	Hưng Yên	1936	89A-423.66	Hưng Yên	2936	92A-393.89	Quảng Nam
937	89C-339.79	Hưng Yên	1937	89A-470.00	Hưng Yên	2937	92A-403.39	Quảng Nam
938	90A-241.68	Hà Nam	1938	89A-477.86	Hưng Yên	2938	92A-405.50	Quảng Nam
939	90A-275.86	Hà Nam	1939	89A-498.79	Hưng Yên	2939	92B-033.22	Quảng Nam
940	90B-012.22	Hà Nam	1940	89A-499.98	Hưng Yên	2940	92B-033.77	Quảng Nam
941	92A-352.88	Quảng Nam	1941	89A-503.38	Hưng Yên	2941	92B-038.38	Quảng Nam
942	92A-377.69	Quảng Nam	1942	89A-529.65	Hưng Yên	2942	93A-432.39	Bình Phước
943	92A-384.86	Quảng Nam	1943	89C-336.39	Hưng Yên	2943	93A-477.33	Bình Phước
944	92A-394.39	Quảng Nam	1944	90A-253.68	Hà Nam	2944	93A-480.00	Bình Phước
945	92A-418.18	Quảng Nam	1945	90A-268.39	Hà Nam	2945	93A-494.94	Bình Phước
946	92A-419.68	Quảng Nam	1946	92A-364.69	Quảng Nam	2946	93A-503.39	Bình Phước
947	92B-032.99	Quảng Nam	1947	92A-381.89	Quảng Nam	2947	93A-504.06	Bình Phước
948	93A-488.59	Bình Phước	1948	92A-402.39	Quảng Nam	2948	94A-090.79	Bạc Liêu
949	93A-495.79	Bình Phước	1949	92A-418.00	Quảng Nam	2949	94A-104.79	Bạc Liêu
950	93A-501.86	Bình Phước	1950	92A-419.78	Quảng Nam	2950	95A-108.66	Hậu Giang
951	93C-197.89	Bình Phước	1951	92A-430.00	Quảng Nam	2951	95A-132.89	Hậu Giang
952	94A-093.33	Bạc Liêu	1952	92A-430.68	Quảng Nam	2952	95B-011.88	Hậu Giang
953	94A-095.39	Bạc Liêu	1953	92B-034.56	Quảng Nam	2953	95B-012.66	Hậu Giang
954	94A-102.88	Bạc Liêu	1954	92D-011.33	Quảng Nam	2954	95C-087.86	Hậu Giang
955	94A-105.05	Bạc Liêu	1955	93A-432.88	Bình Phước	2955	97A-088.44	Bắc Kạn
956	94B-012.69	Bạc Liêu	1956	93A-441.69	Bình Phước	2956	97D-006.99	Bắc Kạn
957	94B-012.79	Bạc Liêu	1957	93A-467.99	Bình Phước	2957	98A-642.22	Bắc Giang
958	95A-110.86	Hậu Giang	1958	93A-477.68	Bình Phước	2958	98A-663.79	Bắc Giang
959	95A-114.39	Hậu Giang	1959	93A-486.87	Bình Phước	2959	98A-680.08	Bắc Giang
960	95A-130.66	Hậu Giang	1960	93A-490.39	Bình Phước	2960	98A-714.79	Bắc Giang
961	97A-092.88	Bắc Kạn	1961	93A-491.49	Bình Phước	2961	98A-722.66	Bắc Giang
962	97A-094.89	Bắc Kạn	1962	93A-491.56	Bình Phước	2962	98A-731.39	Bắc Giang
963	97B-013.89	Bắc Kạn	1963	93B-019.69	Bình Phước	2963	98A-755.99	Bắc Giang
964	98A-654.89	Bắc Giang	1964	95A-115.66	Hậu Giang	2964	98A-779.39	Bắc Giang
965	98A-717.88	Bắc Giang	1965	97A-087.39	Bắc Kạn	2965	98A-799.89	Bắc Giang
966	98A-730.68	Bắc Giang	1966	98A-647.47	Bắc Giang	2966	98A-800.89	Bắc Giang

Y
Á
JH
M
T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	98A-749.69	Bắc Giang	1967	98A-649.79	Bắc Giang	2967	98A-801.77	Bắc Giang
968	98A-752.69	Bắc Giang	1968	98A-687.87	Bắc Giang	2968	98A-810.18	Bắc Giang
969	98A-769.79	Bắc Giang	1969	98A-690.86	Bắc Giang	2969	98A-811.68	Bắc Giang
970	98A-790.99	Bắc Giang	1970	98A-770.70	Bắc Giang	2970	98A-819.69	Bắc Giang
971	98A-791.91	Bắc Giang	1971	98A-771.99	Bắc Giang	2971	98A-821.99	Bắc Giang
972	98A-804.98	Bắc Giang	1972	98A-772.39	Bắc Giang	2972	98A-824.35	Bắc Giang
973	98A-806.18	Bắc Giang	1973	98A-783.89	Bắc Giang	2973	98A-830.65	Bắc Giang
974	98A-810.89	Bắc Giang	1974	98A-806.39	Bắc Giang	2974	98A-837.73	Bắc Giang
975	98A-815.26	Bắc Giang	1975	98A-824.33	Bắc Giang	2975	98A-838.65	Bắc Giang
976	98A-815.39	Bắc Giang	1976	98A-831.06	Bắc Giang	2976	98A-850.08	Bắc Giang
977	98A-826.89	Bắc Giang	1977	98A-838.09	Bắc Giang	2977	98A-854.45	Bắc Giang
978	98A-832.32	Bắc Giang	1978	98A-854.59	Bắc Giang	2978	98A-855.39	Bắc Giang
979	98A-833.11	Bắc Giang	1979	98C-361.89	Bắc Giang	2979	98C-361.79	Bắc Giang
980	98A-835.15	Bắc Giang	1980	98C-366.68	Bắc Giang	2980	98C-362.69	Bắc Giang
981	98A-842.79	Bắc Giang	1981	99A-674.69	Bắc Ninh	2981	98C-367.69	Bắc Giang
982	98A-843.89	Bắc Giang	1982	99A-703.33	Bắc Ninh	2982	99A-650.88	Bắc Ninh
983	98A-848.39	Bắc Giang	1983	99A-723.86	Bắc Ninh	2983	99A-720.68	Bắc Ninh
984	98A-848.48	Bắc Giang	1984	99A-746.68	Bắc Ninh	2984	99A-733.39	Bắc Ninh
985	98A-849.89	Bắc Giang	1985	99A-748.39	Bắc Ninh	2985	99A-741.89	Bắc Ninh
986	98C-363.89	Bắc Giang	1986	99A-754.39	Bắc Ninh	2986	99A-744.89	Bắc Ninh
987	98D-017.66	Bắc Giang	1987	99A-762.89	Bắc Ninh	2987	99A-755.00	Bắc Ninh
988	99A-714.89	Bắc Ninh	1988	99A-765.79	Bắc Ninh	2988	99A-803.85	Bắc Ninh
989	99A-723.39	Bắc Ninh	1989	99A-795.86	Bắc Ninh	2989	99A-804.05	Bắc Ninh
990	99A-723.68	Bắc Ninh	1990	99A-802.26	Bắc Ninh	2990	99A-812.83	Bắc Ninh
991	99A-757.69	Bắc Ninh	1991	99A-804.56	Bắc Ninh	2991	99A-816.19	Bắc Ninh
992	99A-770.00	Bắc Ninh	1992	99A-815.39	Bắc Ninh	2992	99A-817.69	Bắc Ninh
993	99A-801.80	Bắc Ninh	1993	99A-815.99	Bắc Ninh	2993	99A-824.39	Bắc Ninh
994	99A-814.28	Bắc Ninh	1994	99A-817.98	Bắc Ninh	2994	99A-836.37	Bắc Ninh
995	99A-825.85	Bắc Ninh	1995	99A-820.89	Bắc Ninh	2995	99A-837.28	Bắc Ninh
996	99A-839.86	Bắc Ninh	1996	99A-825.08	Bắc Ninh	2996	99A-837.85	Bắc Ninh
997	99A-841.35	Bắc Ninh	1997	99A-827.58	Bắc Ninh	2997	99A-849.49	Bắc Ninh
998	99A-843.44	Bắc Ninh	1998	99A-835.00	Bắc Ninh	2998	99C-318.39	Bắc Ninh
999	99A-843.79	Bắc Ninh	1999	99A-842.77	Bắc Ninh	2999	99C-328.28	Bắc Ninh
1000	99A-844.11	Bắc Ninh	2000	99A-848.89	Bắc Ninh	3000	99D-023.32	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	30L-567.89	Hà Nội	4001	30L-333.36	Hà Nội			
3002	43A-861.86	Đà Nẵng	4002	36K-068.68	Thanh Hóa			
3003	30K-416.68	Hà Nội	4003	64A-169.99	Vĩnh Long			
3004	30K-420.88	Hà Nội	4004	30K-424.79	Hà Nội			
3005	30K-493.66	Hà Nội	4005	30K-453.99	Hà Nội			
3006	30K-494.68	Hà Nội	4006	30K-631.39	Hà Nội			
3007	30K-518.39	Hà Nội	4007	30K-642.79	Hà Nội			
3008	30K-604.66	Hà Nội	4008	30K-700.66	Hà Nội			
3009	30K-634.86	Hà Nội	4009	30K-703.89	Hà Nội			
3010	30K-647.86	Hà Nội	4010	30K-720.86	Hà Nội			
3011	30K-670.88	Hà Nội	4011	30K-728.69	Hà Nội			
3012	30K-733.22	Hà Nội	4012	30K-738.86	Hà Nội			
3013	30K-733.69	Hà Nội	4013	30K-801.79	Hà Nội			
3014	30K-750.79	Hà Nội	4014	30K-827.39	Hà Nội			
3015	30K-753.79	Hà Nội	4015	30K-832.69	Hà Nội			
3016	30K-764.64	Hà Nội	4016	30K-843.88	Hà Nội			
3017	30K-782.99	Hà Nội	4017	30K-850.39	Hà Nội			
3018	30K-786.39	Hà Nội	4018	30K-851.39	Hà Nội			
3019	30K-788.39	Hà Nội	4019	30K-852.86	Hà Nội			
3020	30K-821.69	Hà Nội	4020	30K-857.57	Hà Nội			
3021	30K-870.39	Hà Nội	4021	30K-890.86	Hà Nội			
3022	30K-873.89	Hà Nội	4022	30K-905.66	Hà Nội			
3023	30K-892.39	Hà Nội	4023	30K-914.88	Hà Nội			
3024	30K-901.68	Hà Nội	4024	30K-915.89	Hà Nội			
3025	30K-904.86	Hà Nội	4025	30K-925.79	Hà Nội			
3026	30K-905.39	Hà Nội	4026	30K-933.22	Hà Nội			
3027	30K-907.39	Hà Nội	4027	30K-947.68	Hà Nội			
3028	30K-923.66	Hà Nội	4028	30K-960.39	Hà Nội			
3029	30K-940.00	Hà Nội	4029	30L-001.39	Hà Nội			
3030	30K-950.68	Hà Nội	4030	30L-043.89	Hà Nội			
3031	30K-971.11	Hà Nội	4031	30L-050.00	Hà Nội			
3032	30K-978.66	Hà Nội	4032	30L-050.79	Hà Nội			
3033	30L-004.88	Hà Nội	4033	30L-051.68	Hà Nội			
3034	30L-009.66	Hà Nội	4034	30L-051.89	Hà Nội			
3035	30L-014.79	Hà Nội	4035	30L-052.89	Hà Nội			
3036	30L-023.66	Hà Nội	4036	30L-059.39	Hà Nội			
3037	30L-026.69	Hà Nội	4037	30L-070.89	Hà Nội			
3038	30L-047.66	Hà Nội	4038	30L-088.77	Hà Nội			
3039	30L-050.39	Hà Nội	4039	30L-107.39	Hà Nội			
3040	30L-051.66	Hà Nội	4040	30L-108.89	Hà Nội			
3041	30L-056.69	Hà Nội	4041	30L-144.86	Hà Nội			
3042	30L-063.88	Hà Nội	4042	30L-153.99	Hà Nội			
3043	30L-074.99	Hà Nội	4043	30L-172.68	Hà Nội			
3044	30L-075.66	Hà Nội	4044	30L-177.86	Hà Nội			
3045	30L-095.39	Hà Nội	4045	30L-200.39	Hà Nội			
3046	30L-143.69	Hà Nội	4046	30L-211.39	Hà Nội			
3047	30L-143.86	Hà Nội	4047	30L-220.86	Hà Nội			
3048	30L-148.86	Hà Nội	4048	30L-220.89	Hà Nội			
3049	30L-163.39	Hà Nội	4049	30L-222.48	Hà Nội			
3050	30L-165.39	Hà Nội	4050	30L-230.68	Hà Nội			
3051	30L-181.69	Hà Nội	4051	30L-233.11	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30L-184.66	Hà Nội	4052	30L-250.05	Hà Nội			
3053	30L-187.86	Hà Nội	4053	30L-251.79	Hà Nội			
3054	30L-188.00	Hà Nội	4054	30L-259.66	Hà Nội			
3055	30L-199.00	Hà Nội	4055	30L-260.06	Hà Nội			
3056	30L-201.88	Hà Nội	4056	30L-264.86	Hà Nội			
3057	30L-221.12	Hà Nội	4057	30L-272.27	Hà Nội			
3058	30L-222.00	Hà Nội	4058	30L-290.69	Hà Nội			
3059	30L-230.88	Hà Nội	4059	30L-304.40	Hà Nội			
3060	30L-241.86	Hà Nội	4060	30L-309.86	Hà Nội			
3061	30L-243.69	Hà Nội	4061	30L-311.79	Hà Nội			
3062	30L-243.99	Hà Nội	4062	30L-320.99	Hà Nội			
3063	30L-245.55	Hà Nội	4063	30L-340.40	Hà Nội			
3064	30L-266.44	Hà Nội	4064	30L-342.66	Hà Nội			
3065	30L-280.69	Hà Nội	4065	30L-351.11	Hà Nội			
3066	30L-300.22	Hà Nội	4066	30L-352.66	Hà Nội			
3067	30L-305.79	Hà Nội	4067	30L-377.68	Hà Nội			
3068	30L-313.69	Hà Nội	4068	30L-381.82	Hà Nội			
3069	30L-317.69	Hà Nội	4069	30L-397.66	Hà Nội			
3070	30L-325.79	Hà Nội	4070	30L-427.39	Hà Nội			
3071	30L-327.68	Hà Nội	4071	30L-430.03	Hà Nội			
3072	30L-340.66	Hà Nội	4072	30L-462.69	Hà Nội			
3073	30L-343.88	Hà Nội	4073	30L-465.65	Hà Nội			
3074	30L-372.99	Hà Nội	4074	30L-473.39	Hà Nội			
3075	30L-400.77	Hà Nội	4075	30L-476.67	Hà Nội			
3076	30L-403.88	Hà Nội	4076	30L-490.90	Hà Nội			
3077	30L-418.39	Hà Nội	4077	30L-496.79	Hà Nội			
3078	30L-418.89	Hà Nội	4078	30L-504.89	Hà Nội			
3079	30L-419.96	Hà Nội	4079	30L-508.79	Hà Nội			
3080	30L-421.68	Hà Nội	4080	30L-512.69	Hà Nội			
3081	30L-422.39	Hà Nội	4081	30L-520.79	Hà Nội			
3082	30L-425.39	Hà Nội	4082	30L-521.79	Hà Nội			
3083	30L-428.39	Hà Nội	4083	30L-524.66	Hà Nội			
3084	30L-430.99	Hà Nội	4084	30L-537.99	Hà Nội			
3085	30L-437.79	Hà Nội	4085	30L-538.69	Hà Nội			
3086	30L-440.79	Hà Nội	4086	30L-546.46	Hà Nội			
3087	30L-444.69	Hà Nội	4087	30L-560.06	Hà Nội			
3088	30L-449.39	Hà Nội	4088	30L-561.61	Hà Nội			
3089	30L-450.66	Hà Nội	4089	30L-569.26	Hà Nội			
3090	30L-454.39	Hà Nội	4090	30L-570.39	Hà Nội			
3091	30L-457.57	Hà Nội	4091	30L-570.70	Hà Nội			
3092	30L-462.66	Hà Nội	4092	30L-572.85	Hà Nội			
3093	30L-469.66	Hà Nội	4093	30L-576.95	Hà Nội			
3094	30L-487.69	Hà Nội	4094	30L-578.85	Hà Nội			
3095	30L-490.69	Hà Nội	4095	30L-587.77	Hà Nội			
3096	30L-490.88	Hà Nội	4096	30L-595.85	Hà Nội			
3097	30L-492.29	Hà Nội	4097	30L-599.25	Hà Nội			
3098	30L-493.88	Hà Nội	4098	30L-600.68	Hà Nội			
3099	30L-496.88	Hà Nội	4099	30L-603.04	Hà Nội			
3100	30L-508.39	Hà Nội	4100	30L-606.39	Hà Nội			
3101	30L-520.89	Hà Nội	4101	30L-612.86	Hà Nội			
3102	30L-522.11	Hà Nội	4102	30L-613.29	Hà Nội			

ĐI 4
CÔNG
ĐẤU
LỢP D
IẾT I
'XUÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-527.68	Hà Nội	4103	30L-618.95	Hà Nội			
3104	30L-533.44	Hà Nội	4104	30L-622.19	Hà Nội			
3105	30L-537.39	Hà Nội	4105	30L-623.28	Hà Nội			
3106	30L-542.79	Hà Nội	4106	30L-632.09	Hà Nội			
3107	30L-544.69	Hà Nội	4107	30L-640.41	Hà Nội			
3108	30L-546.86	Hà Nội	4108	30L-642.43	Hà Nội			
3109	30L-547.74	Hà Nội	4109	30L-646.68	Hà Nội			
3110	30L-548.39	Hà Nội	4110	30L-653.36	Hà Nội			
3111	30L-550.00	Hà Nội	4111	30L-656.29	Hà Nội			
3112	30L-563.88	Hà Nội	4112	30L-661.33	Hà Nội			
3113	30L-566.98	Hà Nội	4113	30L-662.39	Hà Nội			
3114	30L-571.08	Hà Nội	4114	30L-664.16	Hà Nội			
3115	30L-571.57	Hà Nội	4115	30L-664.58	Hà Nội			
3116	30L-571.75	Hà Nội	4116	30L-666.03	Hà Nội			
3117	30L-572.39	Hà Nội	4117	30L-670.89	Hà Nội			
3118	30L-575.58	Hà Nội	4118	30L-675.15	Hà Nội			
3119	30L-580.81	Hà Nội	4119	30L-675.56	Hà Nội			
3120	30L-582.39	Hà Nội	4120	30L-677.44	Hà Nội			
3121	30L-583.39	Hà Nội	4121	30L-683.29	Hà Nội			
3122	30L-584.44	Hà Nội	4122	30L-688.18	Hà Nội			
3123	30L-586.15	Hà Nội	4123	30L-688.60	Hà Nội			
3124	30L-587.29	Hà Nội	4124	30L-688.78	Hà Nội			
3125	30L-590.09	Hà Nội	4125	30L-688.92	Hà Nội			
3126	30L-596.36	Hà Nội	4126	30L-691.11	Hà Nội			
3127	30L-602.68	Hà Nội	4127	30L-691.22	Hà Nội			
3128	30L-603.69	Hà Nội	4128	30L-691.33	Hà Nội			
3129	30L-606.98	Hà Nội	4129	30L-694.55	Hà Nội			
3130	30L-607.08	Hà Nội	4130	30L-695.39	Hà Nội			
3131	30L-610.79	Hà Nội	4131	30L-698.36	Hà Nội			
3132	30L-610.88	Hà Nội	4132	30L-699.65	Hà Nội			
3133	30L-616.83	Hà Nội	4133	30L-707.28	Hà Nội			
3134	30L-618.69	Hà Nội	4134	30L-715.51	Hà Nội			
3135	30L-622.09	Hà Nội	4135	30L-721.21	Hà Nội			
3136	30L-623.83	Hà Nội	4136	30L-725.59	Hà Nội			
3137	30L-633.09	Hà Nội	4137	30L-731.25	Hà Nội			
3138	30L-634.63	Hà Nội	4138	30L-732.69	Hà Nội			
3139	30L-637.36	Hà Nội	4139	30L-732.98	Hà Nội			
3140	30L-639.85	Hà Nội	4140	30L-739.96	Hà Nội			
3141	30L-645.64	Hà Nội	4141	30L-741.68	Hà Nội			
3142	30L-646.33	Hà Nội	4142	30L-745.09	Hà Nội			
3143	30L-647.64	Hà Nội	4143	30L-747.88	Hà Nội			
3144	30L-648.86	Hà Nội	4144	30L-752.16	Hà Nội			
3145	30L-652.32	Hà Nội	4145	30L-754.75	Hà Nội			
3146	30L-653.79	Hà Nội	4146	30L-755.68	Hà Nội			
3147	30L-655.00	Hà Nội	4147	30L-755.79	Hà Nội			
3148	30L-659.56	Hà Nội	4148	30L-758.66	Hà Nội			
3149	30L-673.69	Hà Nội	4149	30L-760.60	Hà Nội			
3150	30L-674.69	Hà Nội	4150	30L-761.65	Hà Nội			
3151	30L-675.67	Hà Nội	4151	30L-765.35	Hà Nội			
3152	30L-676.09	Hà Nội	4152	30L-768.11	Hà Nội			
3153	30L-678.09	Hà Nội	4153	30L-768.98	Hà Nội			

T.Y.
I.A.
.NH
AM
-T.P.H

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-679.96	Hà Nội	4154	30L-777.45	Hà Nội			
3155	30L-690.36	Hà Nội	4155	30L-780.22	Hà Nội			
3156	30L-694.69	Hà Nội	4156	30L-787.96	Hà Nội			
3157	30L-694.86	Hà Nội	4157	30L-790.99	Hà Nội			
3158	30L-696.06	Hà Nội	4158	30L-794.11	Hà Nội			
3159	30L-701.06	Hà Nội	4159	30L-797.83	Hà Nội			
3160	30L-704.68	Hà Nội	4160	30L-799.26	Hà Nội			
3161	30L-713.13	Hà Nội	4161	30L-801.89	Hà Nội			
3162	30L-714.44	Hà Nội	4162	30L-802.09	Hà Nội			
3163	30L-719.25	Hà Nội	4163	30L-807.07	Hà Nội			
3164	30L-719.35	Hà Nội	4164	30L-810.99	Hà Nội			
3165	30L-724.86	Hà Nội	4165	30L-815.96	Hà Nội			
3166	30L-729.65	Hà Nội	4166	30L-816.39	Hà Nội			
3167	30L-729.88	Hà Nội	4167	30L-818.69	Hà Nội			
3168	30L-732.33	Hà Nội	4168	30L-821.55	Hà Nội			
3169	30L-745.47	Hà Nội	4169	30L-827.28	Hà Nội			
3170	30L-746.79	Hà Nội	4170	30L-828.33	Hà Nội			
3171	30L-751.99	Hà Nội	4171	30L-829.36	Hà Nội			
3172	30L-752.38	Hà Nội	4172	30L-835.96	Hà Nội			
3173	30L-756.69	Hà Nội	4173	30L-837.39	Hà Nội			
3174	30L-761.56	Hà Nội	4174	30L-846.22	Hà Nội			
3175	30L-761.69	Hà Nội	4175	30L-849.96	Hà Nội			
3176	30L-769.83	Hà Nội	4176	30L-861.35	Hà Nội			
3177	30L-772.66	Hà Nội	4177	30L-861.69	Hà Nội			
3178	30L-775.68	Hà Nội	4178	30L-862.65	Hà Nội			
3179	30L-776.36	Hà Nội	4179	30L-872.78	Hà Nội			
3180	30L-777.46	Hà Nội	4180	30L-873.87	Hà Nội			
3181	30L-781.68	Hà Nội	4181	30L-873.88	Hà Nội			
3182	30L-786.56	Hà Nội	4182	30L-880.06	Hà Nội			
3183	30L-789.63	Hà Nội	4183	30L-886.51	Hà Nội			
3184	30L-793.36	Hà Nội	4184	30L-891.16	Hà Nội			
3185	30L-799.36	Hà Nội	4185	30L-897.28	Hà Nội			
3186	30L-802.39	Hà Nội	4186	30L-899.80	Hà Nội			
3187	30L-803.68	Hà Nội	4187	30L-903.33	Hà Nội			
3188	30L-803.79	Hà Nội	4188	30L-905.09	Hà Nội			
3189	30L-804.08	Hà Nội	4189	30L-906.89	Hà Nội			
3190	30L-805.26	Hà Nội	4190	30L-907.07	Hà Nội			
3191	30L-806.38	Hà Nội	4191	30L-916.00	Hà Nội			
3192	30L-810.26	Hà Nội	4192	30L-920.68	Hà Nội			
3193	30L-810.85	Hà Nội	4193	30L-921.12	Hà Nội			
3194	30L-817.69	Hà Nội	4194	30L-922.38	Hà Nội			
3195	30L-818.11	Hà Nội	4195	30L-933.19	Hà Nội			
3196	30L-819.66	Hà Nội	4196	30L-934.99	Hà Nội			
3197	30L-821.69	Hà Nội	4197	30L-936.29	Hà Nội			
3198	30L-821.83	Hà Nội	4198	30L-949.38	Hà Nội			
3199	30L-824.42	Hà Nội	4199	30L-955.39	Hà Nội			
3200	30L-824.44	Hà Nội	4200	30L-960.86	Hà Nội			
3201	30L-827.38	Hà Nội	4201	30L-967.84	Hà Nội			
3202	30L-830.19	Hà Nội	4202	30L-970.56	Hà Nội			
3203	30L-830.88	Hà Nội	4203	30L-970.69	Hà Nội			
3204	30L-832.69	Hà Nội	4204	30L-971.17	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-834.44	Hà Nội	4205	30L-972.35	Hà Nội			
3206	30L-840.88	Hà Nội	4206	30L-972.36	Hà Nội			
3207	30L-844.68	Hà Nội	4207	30L-973.88	Hà Nội			
3208	30L-844.89	Hà Nội	4208	30L-984.66	Hà Nội			
3209	30L-846.48	Hà Nội	4209	30L-989.56	Hà Nội			
3210	30L-849.94	Hà Nội	4210	30L-991.46	Hà Nội			
3211	30L-854.68	Hà Nội	4211	30L-992.65	Hà Nội			
3212	30L-855.18	Hà Nội	4212	30L-992.83	Hà Nội			
3213	30L-858.06	Hà Nội	4213	30L-995.06	Hà Nội			
3214	30L-860.65	Hà Nội	4214	30L-996.84	Hà Nội			
3215	30L-860.79	Hà Nội	4215	30L-998.36	Hà Nội			
3216	30L-869.25	Hà Nội	4216	30M-002.99	Hà Nội			
3217	30L-884.59	Hà Nội	4217	30M-005.26	Hà Nội			
3218	30L-885.19	Hà Nội	4218	30M-012.31	Hà Nội			
3219	30L-899.56	Hà Nội	4219	30M-021.68	Hà Nội			
3220	30L-900.55	Hà Nội	4220	30M-028.02	Hà Nội			
3221	30L-901.01	Hà Nội	4221	51K-754.88	Hồ Chí Minh			
3222	30L-906.22	Hà Nội	4222	51K-784.68	Hồ Chí Minh			
3223	30L-914.86	Hà Nội	4223	51K-796.89	Hồ Chí Minh			
3224	30L-920.00	Hà Nội	4224	51K-800.89	Hồ Chí Minh			
3225	30L-923.24	Hà Nội	4225	51K-812.66	Hồ Chí Minh			
3226	30L-924.79	Hà Nội	4226	51K-856.39	Hồ Chí Minh			
3227	30L-925.66	Hà Nội	4227	51K-870.39	Hồ Chí Minh			
3228	30L-930.66	Hà Nội	4228	51L-009.86	Hồ Chí Minh			
3229	30L-933.59	Hà Nội	4229	51L-014.44	Hồ Chí Minh			
3230	30L-934.43	Hà Nội	4230	51L-018.79	Hồ Chí Minh			
3231	30L-941.66	Hà Nội	4231	51L-023.39	Hồ Chí Minh			
3232	30L-941.69	Hà Nội	4232	51L-042.88	Hồ Chí Minh			
3233	30L-948.66	Hà Nội	4233	51L-048.68	Hồ Chí Minh			
3234	30L-949.18	Hà Nội	4234	51L-056.68	Hồ Chí Minh			
3235	30L-949.56	Hà Nội	4235	51L-063.68	Hồ Chí Minh			
3236	30L-949.98	Hà Nội	4236	51L-071.99	Hồ Chí Minh			
3237	30L-957.06	Hà Nội	4237	51L-075.66	Hồ Chí Minh			
3238	30L-968.44	Hà Nội	4238	51L-082.69	Hồ Chí Minh			
3239	30L-975.75	Hà Nội	4239	51L-093.79	Hồ Chí Minh			
3240	30L-975.97	Hà Nội	4240	51L-103.33	Hồ Chí Minh			
3241	30L-980.56	Hà Nội	4241	51L-106.68	Hồ Chí Minh			
3242	30L-984.99	Hà Nội	4242	51L-108.99	Hồ Chí Minh			
3243	30L-985.62	Hà Nội	4243	51L-116.39	Hồ Chí Minh			
3244	30L-996.82	Hà Nội	4244	51L-130.66	Hồ Chí Minh			
3245	30L-997.95	Hà Nội	4245	51L-134.89	Hồ Chí Minh			
3246	30L-999.31	Hà Nội	4246	51L-135.88	Hồ Chí Minh			
3247	30M-004.69	Hà Nội	4247	51L-138.66	Hồ Chí Minh			
3248	30M-012.55	Hà Nội	4248	51L-153.79	Hồ Chí Minh			
3249	30M-013.33	Hà Nội	4249	51L-162.89	Hồ Chí Minh			
3250	30M-015.89	Hà Nội	4250	51L-198.86	Hồ Chí Minh			
3251	30M-025.25	Hà Nội	4251	51L-205.39	Hồ Chí Minh			
3252	30M-028.25	Hà Nội	4252	51L-205.55	Hồ Chí Minh			
3253	30M-028.44	Hà Nội	4253	51L-205.89	Hồ Chí Minh			
3254	51K-940.66	Hồ Chí Minh	4254	51L-210.99	Hồ Chí Minh			
3255	51K-977.68	Hồ Chí Minh	4255	51L-213.99	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	51K-995.39	Hồ Chí Minh	4256	51L-216.89	Hồ Chí Minh			
3257	51L-009.88	Hồ Chí Minh	4257	51L-219.92	Hồ Chí Minh			
3258	51L-032.79	Hồ Chí Minh	4258	51L-226.39	Hồ Chí Minh			
3259	51L-040.66	Hồ Chí Minh	4259	51L-241.79	Hồ Chí Minh			
3260	51L-050.88	Hồ Chí Minh	4260	51L-247.69	Hồ Chí Minh			
3261	51L-051.39	Hồ Chí Minh	4261	51L-251.66	Hồ Chí Minh			
3262	51L-052.99	Hồ Chí Minh	4262	51L-253.53	Hồ Chí Minh			
3263	51L-059.39	Hồ Chí Minh	4263	51L-264.99	Hồ Chí Minh			
3264	51L-059.89	Hồ Chí Minh	4264	51L-275.99	Hồ Chí Minh			
3265	51L-081.99	Hồ Chí Minh	4265	51L-281.68	Hồ Chí Minh			
3266	51L-083.99	Hồ Chí Minh	4266	51L-291.11	Hồ Chí Minh			
3267	51L-089.69	Hồ Chí Minh	4267	51L-298.79	Hồ Chí Minh			
3268	51L-093.69	Hồ Chí Minh	4268	51L-301.79	Hồ Chí Minh			
3269	51L-094.66	Hồ Chí Minh	4269	51L-319.86	Hồ Chí Minh			
3270	51L-101.86	Hồ Chí Minh	4270	51L-325.99	Hồ Chí Minh			
3271	51L-105.66	Hồ Chí Minh	4271	51L-326.68	Hồ Chí Minh			
3272	51L-146.79	Hồ Chí Minh	4272	51L-327.89	Hồ Chí Minh			
3273	51L-146.86	Hồ Chí Minh	4273	51L-328.66	Hồ Chí Minh			
3274	51L-146.99	Hồ Chí Minh	4274	51L-331.79	Hồ Chí Minh			
3275	51L-150.39	Hồ Chí Minh	4275	51L-332.79	Hồ Chí Minh			
3276	51L-154.86	Hồ Chí Minh	4276	51L-334.86	Hồ Chí Minh			
3277	51L-160.88	Hồ Chí Minh	4277	51L-354.44	Hồ Chí Minh			
3278	51L-165.79	Hồ Chí Minh	4278	51L-362.79	Hồ Chí Minh			
3279	51L-170.39	Hồ Chí Minh	4279	51L-362.89	Hồ Chí Minh			
3280	51L-170.99	Hồ Chí Minh	4280	51L-394.68	Hồ Chí Minh			
3281	51L-174.88	Hồ Chí Minh	4281	51L-394.86	Hồ Chí Minh			
3282	51L-196.68	Hồ Chí Minh	4282	51L-395.69	Hồ Chí Minh			
3283	51L-207.68	Hồ Chí Minh	4283	51L-397.86	Hồ Chí Minh			
3284	51L-208.99	Hồ Chí Minh	4284	51L-400.77	Hồ Chí Minh			
3285	51L-209.39	Hồ Chí Minh	4285	51L-405.66	Hồ Chí Minh			
3286	51L-235.86	Hồ Chí Minh	4286	51L-414.69	Hồ Chí Minh			
3287	51L-244.79	Hồ Chí Minh	4287	51L-415.51	Hồ Chí Minh			
3288	51L-267.76	Hồ Chí Minh	4288	51L-418.69	Hồ Chí Minh			
3289	51L-269.89	Hồ Chí Minh	4289	51L-432.89	Hồ Chí Minh			
3290	51L-273.33	Hồ Chí Minh	4290	51L-433.34	Hồ Chí Minh			
3291	51L-285.99	Hồ Chí Minh	4291	51L-436.79	Hồ Chí Minh			
3292	51L-287.77	Hồ Chí Minh	4292	51L-466.22	Hồ Chí Minh			
3293	51L-300.66	Hồ Chí Minh	4293	51L-472.99	Hồ Chí Minh			
3294	51L-300.99	Hồ Chí Minh	4294	51L-473.39	Hồ Chí Minh			
3295	51L-315.68	Hồ Chí Minh	4295	51L-481.11	Hồ Chí Minh			
3296	51L-330.86	Hồ Chí Minh	4296	51L-481.88	Hồ Chí Minh			
3297	51L-334.69	Hồ Chí Minh	4297	51L-490.09	Hồ Chí Minh			
3298	51L-344.86	Hồ Chí Minh	4298	51L-492.88	Hồ Chí Minh			
3299	51L-354.66	Hồ Chí Minh	4299	51L-494.39	Hồ Chí Minh			
3300	51L-364.89	Hồ Chí Minh	4300	51L-499.39	Hồ Chí Minh			
3301	51L-369.86	Hồ Chí Minh	4301	51L-500.69	Hồ Chí Minh			
3302	51L-370.86	Hồ Chí Minh	4302	51L-501.88	Hồ Chí Minh			
3303	51L-377.69	Hồ Chí Minh	4303	51L-507.68	Hồ Chí Minh			
3304	51L-382.69	Hồ Chí Minh	4304	51L-519.91	Hồ Chí Minh			
3305	51L-405.05	Hồ Chí Minh	4305	51L-529.86	Hồ Chí Minh			
3306	51L-407.39	Hồ Chí Minh	4306	51L-530.00	Hồ Chí Minh			

ĐI
:ON
ĐẤU
ỢP
IỆT
XUẤ

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51L-410.69	Hồ Chí Minh	4307	51L-543.79	Hồ Chí Minh			
3308	51L-412.21	Hồ Chí Minh	4308	51L-547.66	Hồ Chí Minh			
3309	51L-413.68	Hồ Chí Minh	4309	51L-547.79	Hồ Chí Minh			
3310	51L-414.99	Hồ Chí Minh	4310	51L-547.99	Hồ Chí Minh			
3311	51L-417.39	Hồ Chí Minh	4311	51L-581.82	Hồ Chí Minh			
3312	51L-417.66	Hồ Chí Minh	4312	51L-581.99	Hồ Chí Minh			
3313	51L-432.66	Hồ Chí Minh	4313	51L-596.39	Hồ Chí Minh			
3314	51L-434.69	Hồ Chí Minh	4314	51L-598.59	Hồ Chí Minh			
3315	51L-448.69	Hồ Chí Minh	4315	51L-600.77	Hồ Chí Minh			
3316	51L-456.65	Hồ Chí Minh	4316	51L-612.66	Hồ Chí Minh			
3317	51L-458.66	Hồ Chí Minh	4317	51L-617.98	Hồ Chí Minh			
3318	51L-462.26	Hồ Chí Minh	4318	51L-619.74	Hồ Chí Minh			
3319	51L-474.79	Hồ Chí Minh	4319	51L-626.98	Hồ Chí Minh			
3320	51L-481.86	Hồ Chí Minh	4320	51L-627.79	Hồ Chí Minh			
3321	51L-485.89	Hồ Chí Minh	4321	51L-628.98	Hồ Chí Minh			
3322	51L-488.39	Hồ Chí Minh	4322	51L-632.23	Hồ Chí Minh			
3323	51L-494.99	Hồ Chí Minh	4323	51L-633.34	Hồ Chí Minh			
3324	51L-495.59	Hồ Chí Minh	4324	51L-637.88	Hồ Chí Minh			
3325	51L-501.10	Hồ Chí Minh	4325	51L-639.96	Hồ Chí Minh			
3326	51L-505.50	Hồ Chí Minh	4326	51L-640.04	Hồ Chí Minh			
3327	51L-506.39	Hồ Chí Minh	4327	51L-647.99	Hồ Chí Minh			
3328	51L-507.70	Hồ Chí Minh	4328	51L-648.68	Hồ Chí Minh			
3329	51L-512.39	Hồ Chí Minh	4329	51L-648.79	Hồ Chí Minh			
3330	51L-518.15	Hồ Chí Minh	4330	51L-653.38	Hồ Chí Minh			
3331	51L-521.79	Hồ Chí Minh	4331	51L-655.68	Hồ Chí Minh			
3332	51L-527.66	Hồ Chí Minh	4332	51L-660.79	Hồ Chí Minh			
3333	51L-531.31	Hồ Chí Minh	4333	51L-664.65	Hồ Chí Minh			
3334	51L-532.22	Hồ Chí Minh	4334	51L-667.81	Hồ Chí Minh			
3335	51L-535.39	Hồ Chí Minh	4335	51L-670.69	Hồ Chí Minh			
3336	51L-563.79	Hồ Chí Minh	4336	51L-680.26	Hồ Chí Minh			
3337	51L-573.33	Hồ Chí Minh	4337	51L-682.00	Hồ Chí Minh			
3338	51L-573.86	Hồ Chí Minh	4338	51L-684.58	Hồ Chí Minh			
3339	51L-574.66	Hồ Chí Minh	4339	51L-688.85	Hồ Chí Minh			
3340	51L-590.89	Hồ Chí Minh	4340	51L-689.69	Hồ Chí Minh			
3341	51L-599.44	Hồ Chí Minh	4341	51L-690.88	Hồ Chí Minh			
3342	51L-605.05	Hồ Chí Minh	4342	51L-691.38	Hồ Chí Minh			
3343	51L-610.89	Hồ Chí Minh	4343	51L-697.66	Hồ Chí Minh			
3344	51L-612.89	Hồ Chí Minh	4344	51L-699.19	Hồ Chí Minh			
3345	51L-619.16	Hồ Chí Minh	4345	51L-700.88	Hồ Chí Minh			
3346	51L-619.66	Hồ Chí Minh	4346	51L-703.04	Hồ Chí Minh			
3347	51L-619.95	Hồ Chí Minh	4347	51L-708.66	Hồ Chí Minh			
3348	51L-620.69	Hồ Chí Minh	4348	51L-709.86	Hồ Chí Minh			
3349	51L-621.83	Hồ Chí Minh	4349	51L-711.66	Hồ Chí Minh			
3350	51L-624.11	Hồ Chí Minh	4350	51L-712.85	Hồ Chí Minh			
3351	51L-625.89	Hồ Chí Minh	4351	51L-713.83	Hồ Chí Minh			
3352	51L-629.38	Hồ Chí Minh	4352	51L-714.15	Hồ Chí Minh			
3353	51L-639.08	Hồ Chí Minh	4353	51L-720.69	Hồ Chí Minh			
3354	51L-640.68	Hồ Chí Minh	4354	51L-722.55	Hồ Chí Minh			
3355	51L-648.84	Hồ Chí Minh	4355	51L-722.86	Hồ Chí Minh			
3356	51L-651.69	Hồ Chí Minh	4356	51L-723.27	Hồ Chí Minh			
3357	51L-652.86	Hồ Chí Minh	4357	51L-724.99	Hồ Chí Minh			

1 - C
TY
GIÁ
ANH
VAM
1 - T.P.H

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-655.44	Hồ Chí Minh	4358	51L-733.88	Hồ Chí Minh			
3359	51L-659.79	Hồ Chí Minh	4359	51L-735.37	Hồ Chí Minh			
3360	51L-663.65	Hồ Chí Minh	4360	51L-735.89	Hồ Chí Minh			
3361	51L-666.05	Hồ Chí Minh	4361	51L-739.68	Hồ Chí Minh			
3362	51L-667.69	Hồ Chí Minh	4362	51L-742.79	Hồ Chí Minh			
3363	51L-667.82	Hồ Chí Minh	4363	51L-750.06	Hồ Chí Minh			
3364	51L-667.86	Hồ Chí Minh	4364	51L-754.39	Hồ Chí Minh			
3365	51L-669.86	Hồ Chí Minh	4365	51L-756.26	Hồ Chí Minh			
3366	51L-670.98	Hồ Chí Minh	4366	51L-761.26	Hồ Chí Minh			
3367	51L-684.36	Hồ Chí Minh	4367	51L-761.69	Hồ Chí Minh			
3368	51L-684.85	Hồ Chí Minh	4368	51L-766.22	Hồ Chí Minh			
3369	51L-687.09	Hồ Chí Minh	4369	51L-771.11	Hồ Chí Minh			
3370	51L-687.69	Hồ Chí Minh	4370	51L-771.72	Hồ Chí Minh			
3371	51L-690.79	Hồ Chí Minh	4371	51L-773.89	Hồ Chí Minh			
3372	51L-696.16	Hồ Chí Minh	4372	51L-779.08	Hồ Chí Minh			
3373	51L-705.07	Hồ Chí Minh	4373	51L-781.65	Hồ Chí Minh			
3374	51L-711.33	Hồ Chí Minh	4374	51L-782.59	Hồ Chí Minh			
3375	51L-718.19	Hồ Chí Minh	4375	51L-782.89	Hồ Chí Minh			
3376	51L-723.68	Hồ Chí Minh	4376	51L-786.26	Hồ Chí Minh			
3377	51L-732.66	Hồ Chí Minh	4377	51L-787.19	Hồ Chí Minh			
3378	51L-747.39	Hồ Chí Minh	4378	51L-799.33	Hồ Chí Minh			
3379	51L-748.86	Hồ Chí Minh	4379	51L-801.02	Hồ Chí Minh			
3380	51L-750.05	Hồ Chí Minh	4380	51L-802.88	Hồ Chí Minh			
3381	51L-750.57	Hồ Chí Minh	4381	51L-803.39	Hồ Chí Minh			
3382	51L-760.68	Hồ Chí Minh	4382	51L-803.95	Hồ Chí Minh			
3383	51L-761.11	Hồ Chí Minh	4383	51L-804.05	Hồ Chí Minh			
3384	51L-761.95	Hồ Chí Minh	4384	51L-810.00	Hồ Chí Minh			
3385	51L-762.99	Hồ Chí Minh	4385	51L-816.00	Hồ Chí Minh			
3386	51L-763.95	Hồ Chí Minh	4386	51L-818.69	Hồ Chí Minh			
3387	51L-764.46	Hồ Chí Minh	4387	51L-819.59	Hồ Chí Minh			
3388	51L-765.39	Hồ Chí Minh	4388	51L-819.72	Hồ Chí Minh			
3389	51L-767.44	Hồ Chí Minh	4389	51L-822.86	Hồ Chí Minh			
3390	51L-776.00	Hồ Chí Minh	4390	51L-823.69	Hồ Chí Minh			
3391	51L-776.89	Hồ Chí Minh	4391	51L-827.58	Hồ Chí Minh			
3392	51L-777.00	Hồ Chí Minh	4392	51L-835.96	Hồ Chí Minh			
3393	51L-777.44	Hồ Chí Minh	4393	51L-840.66	Hồ Chí Minh			
3394	51L-778.58	Hồ Chí Minh	4394	51L-841.14	Hồ Chí Minh			
3395	51L-778.69	Hồ Chí Minh	4395	51L-841.42	Hồ Chí Minh			
3396	51L-780.06	Hồ Chí Minh	4396	51L-843.89	Hồ Chí Minh			
3397	51L-780.08	Hồ Chí Minh	4397	51L-852.69	Hồ Chí Minh			
3398	51L-782.39	Hồ Chí Minh	4398	51L-853.58	Hồ Chí Minh			
3399	51L-782.69	Hồ Chí Minh	4399	51L-859.56	Hồ Chí Minh			
3400	51L-785.28	Hồ Chí Minh	4400	51L-860.39	Hồ Chí Minh			
3401	51L-787.78	Hồ Chí Minh	4401	51L-866.26	Hồ Chí Minh			
3402	51L-788.82	Hồ Chí Minh	4402	51L-866.63	Hồ Chí Minh			
3403	51L-792.68	Hồ Chí Minh	4403	51L-868.95	Hồ Chí Minh			
3404	51L-795.96	Hồ Chí Minh	4404	51L-876.22	Hồ Chí Minh			
3405	51L-801.22	Hồ Chí Minh	4405	51L-879.69	Hồ Chí Minh			
3406	51L-802.65	Hồ Chí Minh	4406	51L-886.76	Hồ Chí Minh			
3407	51L-809.66	Hồ Chí Minh	4407	51L-888.92	Hồ Chí Minh			
3408	51L-813.31	Hồ Chí Minh	4408	51L-889.38	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-813.86	Hồ Chí Minh	4409	51L-890.58	Hồ Chí Minh			
3410	51L-817.86	Hồ Chí Minh	4410	51L-891.26	Hồ Chí Minh			
3411	51L-819.15	Hồ Chí Minh	4411	51L-893.69	Hồ Chí Minh			
3412	51L-819.82	Hồ Chí Minh	4412	11A-124.24	Cao Bằng			
3413	51L-822.25	Hồ Chí Minh	4413	11B-012.12	Cao Bằng			
3414	51L-832.38	Hồ Chí Minh	4414	11B-012.79	Cao Bằng			
3415	51L-832.65	Hồ Chí Minh	4415	12A-215.79	Lạng Sơn			
3416	51L-841.48	Hồ Chí Minh	4416	12A-219.68	Lạng Sơn			
3417	51L-841.85	Hồ Chí Minh	4417	12A-222.48	Lạng Sơn			
3418	51L-849.79	Hồ Chí Minh	4418	12A-234.39	Lạng Sơn			
3419	51L-854.29	Hồ Chí Minh	4419	12A-254.52	Lạng Sơn			
3420	51L-860.38	Hồ Chí Minh	4420	12A-258.19	Lạng Sơn			
3421	51L-862.36	Hồ Chí Minh	4421	12D-005.55	Lạng Sơn			
3422	51L-865.88	Hồ Chí Minh	4422	14A-804.89	Quảng Ninh			
3423	51L-869.39	Hồ Chí Minh	4423	14A-840.00	Quảng Ninh			
3424	51L-871.66	Hồ Chí Minh	4424	14A-899.44	Quảng Ninh			
3425	51L-873.22	Hồ Chí Minh	4425	14A-903.99	Quảng Ninh			
3426	51L-873.79	Hồ Chí Minh	4426	14A-928.39	Quảng Ninh			
3427	51L-875.19	Hồ Chí Minh	4427	14A-933.65	Quảng Ninh			
3428	51L-875.75	Hồ Chí Minh	4428	14A-938.18	Quảng Ninh			
3429	51L-876.83	Hồ Chí Minh	4429	14A-951.15	Quảng Ninh			
3430	51L-877.55	Hồ Chí Minh	4430	14A-951.65	Quảng Ninh			
3431	51L-879.29	Hồ Chí Minh	4431	14A-968.33	Quảng Ninh			
3432	51L-881.95	Hồ Chí Minh	4432	14A-969.59	Quảng Ninh			
3433	51L-892.85	Hồ Chí Minh	4433	14A-986.36	Quảng Ninh			
3434	51L-894.66	Hồ Chí Minh	4434	14A-988.77	Quảng Ninh			
3435	11A-120.02	Cao Bằng	4435	15C-478.68	Hải Phòng			
3436	11A-129.83	Cao Bằng	4436	15K-157.66	Hải Phòng			
3437	11A-134.43	Cao Bằng	4437	15K-167.39	Hải Phòng			
3438	11B-011.99	Cao Bằng	4438	15K-192.66	Hải Phòng			
3439	11C-082.22	Cao Bằng	4439	15K-243.86	Hải Phòng			
3440	11C-082.68	Cao Bằng	4440	15K-290.00	Hải Phòng			
3441	12A-227.72	Lạng Sơn	4441	15K-325.86	Hải Phòng			
3442	12A-235.89	Lạng Sơn	4442	15K-353.98	Hải Phòng			
3443	12A-240.04	Lạng Sơn	4443	15K-354.66	Hải Phòng			
3444	12A-251.11	Lạng Sơn	4444	15K-359.36	Hải Phòng			
3445	12A-252.88	Lạng Sơn	4445	15K-361.25	Hải Phòng			
3446	12A-256.25	Lạng Sơn	4446	15K-365.59	Hải Phòng			
3447	12A-262.38	Lạng Sơn	4447	15K-383.59	Hải Phòng			
3448	12C-137.99	Lạng Sơn	4448	15K-399.67	Hải Phòng			
3449	14A-793.89	Quảng Ninh	4449	15K-423.16	Hải Phòng			
3450	14A-801.66	Quảng Ninh	4450	17A-369.39	Thái Bình			
3451	14A-850.79	Quảng Ninh	4451	17A-375.39	Thái Bình			
3452	14A-879.66	Quảng Ninh	4452	17A-409.79	Thái Bình			
3453	14A-907.66	Quảng Ninh	4453	17A-417.69	Thái Bình			
3454	14A-910.69	Quảng Ninh	4454	17A-422.00	Thái Bình			
3455	14A-914.14	Quảng Ninh	4455	17A-423.99	Thái Bình			
3456	14A-940.94	Quảng Ninh	4456	17A-435.88	Thái Bình			
3457	14A-964.56	Quảng Ninh	4457	17A-446.89	Thái Bình			
3458	14A-972.77	Quảng Ninh	4458	17A-480.09	Thái Bình			
3459	14A-974.08	Quảng Ninh	4459	17A-483.56	Thái Bình			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	14A-985.09	Quảng Ninh	4460	17A-483.89	Thái Bình			
3461	14D-026.86	Quảng Ninh	4461	17A-485.11	Thái Bình			
3462	14D-028.99	Quảng Ninh	4462	17A-488.61	Thái Bình			
3463	15B-052.99	Hải Phòng	4463	17D-012.68	Thái Bình			
3464	15K-200.99	Hải Phòng	4464	18A-401.88	Nam Định			
3465	15K-204.44	Hải Phòng	4465	18A-401.99	Nam Định			
3466	15K-242.66	Hải Phòng	4466	18A-444.49	Nam Định			
3467	15K-350.98	Hải Phòng	4467	18A-483.26	Nam Định			
3468	15K-359.28	Hải Phòng	4468	18A-483.33	Nam Định			
3469	15K-362.28	Hải Phòng	4469	18A-485.38	Nam Định			
3470	15K-370.99	Hải Phòng	4470	18A-488.98	Nam Định			
3471	15K-371.69	Hải Phòng	4471	18C-167.69	Nam Định			
3472	15K-391.56	Hải Phòng	4472	19A-557.69	Phú Thọ			
3473	15K-392.56	Hải Phòng	4473	19A-561.99	Phú Thọ			
3474	15K-392.89	Hải Phòng	4474	19A-613.89	Phú Thọ			
3475	15K-394.86	Hải Phòng	4475	19A-620.68	Phú Thọ			
3476	15K-395.65	Hải Phòng	4476	19A-622.69	Phú Thọ			
3477	15K-395.93	Hải Phòng	4477	19A-642.22	Phú Thọ			
3478	15K-397.68	Hải Phòng	4478	19A-664.99	Phú Thọ			
3479	15K-402.69	Hải Phòng	4479	19A-676.98	Phú Thọ			
3480	15K-414.56	Hải Phòng	4480	19A-683.85	Phú Thọ			
3481	17A-375.66	Thái Bình	4481	19A-684.11	Phú Thọ			
3482	17A-380.99	Thái Bình	4482	19A-694.25	Phú Thọ			
3483	17A-400.66	Thái Bình	4483	19A-695.36	Phú Thọ			
3484	17A-423.39	Thái Bình	4484	19C-257.79	Phú Thọ			
3485	17A-453.79	Thái Bình	4485	19D-016.99	Phú Thọ			
3486	17A-468.95	Thái Bình	4486	20A-707.86	Thái Nguyên			
3487	17A-484.36	Thái Bình	4487	20A-708.39	Thái Nguyên			
3488	17A-488.62	Thái Bình	4488	20A-724.88	Thái Nguyên			
3489	17A-488.68	Thái Bình	4489	20A-726.79	Thái Nguyên			
3490	17A-489.66	Thái Bình	4490	20A-742.68	Thái Nguyên			
3491	17B-026.86	Thái Bình	4491	20A-753.39	Thái Nguyên			
3492	17C-208.79	Thái Bình	4492	20A-771.66	Thái Nguyên			
3493	18A-403.79	Nam Định	4493	20A-784.39	Thái Nguyên			
3494	18A-435.79	Nam Định	4494	20A-821.86	Thái Nguyên			
3495	18A-465.69	Nam Định	4495	20A-833.34	Thái Nguyên			
3496	18A-469.65	Nam Định	4496	20A-836.58	Thái Nguyên			
3497	18A-476.68	Nam Định	4497	20A-837.00	Thái Nguyên			
3498	18A-482.09	Nam Định	4498	20A-838.00	Thái Nguyên			
3499	18D-013.88	Nam Định	4499	20A-844.86	Thái Nguyên			
3500	19A-532.66	Phú Thọ	4500	20B-032.68	Thái Nguyên			
3501	19A-533.55	Phú Thọ	4501	20C-306.99	Thái Nguyên			
3502	19A-575.68	Phú Thọ	4502	21A-206.68	Yên Bái			
3503	19A-615.15	Phú Thọ	4503	21A-207.68	Yên Bái			
3504	19A-621.69	Phú Thọ	4504	21A-207.86	Yên Bái			
3505	19A-651.66	Phú Thọ	4505	21A-211.79	Yên Bái			
3506	19A-652.65	Phú Thọ	4506	21A-213.13	Yên Bái			
3507	19A-655.33	Phú Thọ	4507	21A-218.12	Yên Bái			
3508	19A-678.52	Phú Thọ	4508	21A-219.96	Yên Bái			
3509	19A-679.26	Phú Thọ	4509	22A-213.79	Tuyên Quang			
3510	19A-687.19	Phú Thọ	4510	22A-221.69	Tuyên Quang			

ĐI
CỘNG
ĐẠI
HỢP
VIỆT
NH
XU

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	19A-705.55	Phú Thọ	4511	22A-249.68	Tuyên Quang			
3512	19C-252.68	Phú Thọ	4512	22A-250.68	Tuyên Quang			
3513	20A-670.89	Thái Nguyên	4513	22A-254.68	Tuyên Quang			
3514	20A-709.86	Thái Nguyên	4514	22A-263.58	Tuyên Quang			
3515	20A-733.77	Thái Nguyên	4515	22A-265.59	Tuyên Quang			
3516	20A-736.39	Thái Nguyên	4516	22A-266.95	Tuyên Quang			
3517	20A-800.33	Thái Nguyên	4517	23A-157.85	Hà Giang			
3518	20A-812.44	Thái Nguyên	4518	23A-161.59	Hà Giang			
3519	20A-819.75	Thái Nguyên	4519	24A-257.68	Lào Cai			
3520	20A-820.86	Thái Nguyên	4520	24A-304.30	Lào Cai			
3521	20A-822.33	Thái Nguyên	4521	24A-305.28	Lào Cai			
3522	20A-831.99	Thái Nguyên	4522	25A-082.85	Lai Châu			
3523	20A-859.65	Thái Nguyên	4523	25A-083.26	Lai Châu			
3524	20B-032.99	Thái Nguyên	4524	26A-204.39	Sơn La			
3525	20C-297.89	Thái Nguyên	4525	26A-209.39	Sơn La			
3526	20C-303.39	Thái Nguyên	4526	26A-224.56	Sơn La			
3527	20C-303.88	Thái Nguyên	4527	26A-232.00	Sơn La			
3528	20C-307.77	Thái Nguyên	4528	26C-157.69	Sơn La			
3529	20C-307.89	Thái Nguyên	4529	26C-158.79	Sơn La			
3530	21A-211.55	Yên Bái	4530	26D-011.79	Sơn La			
3531	21A-218.58	Yên Bái	4531	27A-102.88	Điện Biên			
3532	21A-220.99	Yên Bái	4532	27B-012.88	Điện Biên			
3533	22A-204.89	Tuyên Quang	4533	27D-005.55	Điện Biên			
3534	22A-220.86	Tuyên Quang	4534	28A-210.00	Hòa Bình			
3535	22A-226.39	Tuyên Quang	4535	28A-219.89	Hòa Bình			
3536	22A-238.38	Tuyên Quang	4536	28A-224.42	Hòa Bình			
3537	22A-260.60	Tuyên Quang	4537	28A-240.00	Hòa Bình			
3538	22A-269.33	Tuyên Quang	4538	28A-248.49	Hòa Bình			
3539	22C-111.12	Tuyên Quang	4539	28A-253.83	Hòa Bình			
3540	23A-133.39	Hà Giang	4540	28C-118.66	Hòa Bình			
3541	23A-144.68	Hà Giang	4541	29D-612.22	Hà Nội			
3542	23A-161.98	Hà Giang	4542	29K-253.68	Hà Nội			
3543	24A-277.66	Lào Cai	4543	29K-256.56	Hà Nội			
3544	24B-017.68	Lào Cai	4544	29K-279.86	Hà Nội			
3545	24C-161.86	Lào Cai	4545	29K-293.79	Hà Nội			
3546	25A-069.88	Lai Châu	4546	29K-306.07	Hà Nội			
3547	25A-083.58	Lai Châu	4547	29K-307.07	Hà Nội			
3548	27A-119.88	Điện Biên	4548	29K-319.74	Hà Nội			
3549	27A-125.00	Điện Biên	4549	29K-325.32	Hà Nội			
3550	27B-012.89	Điện Biên	4550	34A-721.39	Hải Dương			
3551	27C-072.68	Điện Biên	4551	34A-728.68	Hải Dương			
3552	28A-220.68	Hòa Bình	4552	34A-758.69	Hải Dương			
3553	28A-243.66	Hòa Bình	4553	34A-759.68	Hải Dương			
3554	28A-245.54	Hòa Bình	4554	34A-763.79	Hải Dương			
3555	28A-247.47	Hòa Bình	4555	34A-821.11	Hải Dương			
3556	29B-655.86	Hà Nội	4556	34A-848.39	Hải Dương			
3557	29B-655.89	Hà Nội	4557	34A-863.79	Hải Dương			
3558	29D-607.99	Hà Nội	4558	34A-870.83	Hải Dương			
3559	29D-622.55	Hà Nội	4559	34A-882.29	Hải Dương			
3560	29D-622.69	Hà Nội	4560	34A-886.67	Hải Dương			
3561	29K-224.86	Hà Nội	4561	34A-888.41	Hải Dương			



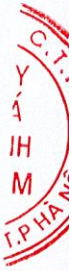
Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	29K-233.39	Hà Nội	4562	34A-890.85	Hải Dương			
3563	29K-243.39	Hà Nội	4563	34A-901.10	Hải Dương			
3564	29K-244.69	Hà Nội	4564	34A-904.98	Hải Dương			
3565	29K-261.79	Hà Nội	4565	34A-912.26	Hải Dương			
3566	29K-265.39	Hà Nội	4566	34A-917.15	Hải Dương			
3567	29K-269.62	Hà Nội	4567	35A-407.79	Ninh Bình			
3568	29K-275.55	Hà Nội	4568	35A-411.39	Ninh Bình			
3569	29K-295.39	Hà Nội	4569	35A-412.21	Ninh Bình			
3570	29K-296.88	Hà Nội	4570	35A-425.88	Ninh Bình			
3571	29K-302.89	Hà Nội	4571	35A-451.44	Ninh Bình			
3572	29K-304.44	Hà Nội	4572	35A-452.16	Ninh Bình			
3573	29K-305.30	Hà Nội	4573	35A-457.39	Ninh Bình			
3574	29K-316.88	Hà Nội	4574	35A-457.99	Ninh Bình			
3575	34A-772.88	Hải Dương	4575	36A-942.68	Thanh Hóa			
3576	34A-774.44	Hải Dương	4576	36A-960.89	Thanh Hóa			
3577	34A-776.69	Hải Dương	4577	36C-526.62	Thanh Hóa			
3578	34A-777.22	Hải Dương	4578	36C-536.86	Thanh Hóa			
3579	34A-787.79	Hải Dương	4579	36K-009.69	Thanh Hóa			
3580	34A-790.00	Hải Dương	4580	36K-017.69	Thanh Hóa			
3581	34A-826.39	Hải Dương	4581	36K-020.66	Thanh Hóa			
3582	34A-849.89	Hải Dương	4582	36K-117.79	Thanh Hóa			
3583	34A-861.56	Hải Dương	4583	36K-139.13	Thanh Hóa			
3584	34A-866.98	Hải Dương	4584	36K-149.94	Thanh Hóa			
3585	34A-894.44	Hải Dương	4585	36K-155.95	Thanh Hóa			
3586	34A-897.69	Hải Dương	4586	36K-156.00	Thanh Hóa			
3587	34A-903.59	Hải Dương	4587	36K-160.89	Thanh Hóa			
3588	34A-913.83	Hải Dương	4588	36K-161.18	Thanh Hóa			
3589	34D-035.69	Hải Dương	4589	36K-162.63	Thanh Hóa			
3590	35A-397.68	Ninh Bình	4590	36K-163.69	Thanh Hóa			
3591	35A-409.86	Ninh Bình	4591	36K-166.64	Thanh Hóa			
3592	35A-426.39	Ninh Bình	4592	36K-176.17	Thanh Hóa			
3593	35A-434.66	Ninh Bình	4593	36K-184.84	Thanh Hóa			
3594	35A-436.69	Ninh Bình	4594	36K-197.06	Thanh Hóa			
3595	35B-022.33	Ninh Bình	4595	36K-202.59	Thanh Hóa			
3596	35D-013.13	Ninh Bình	4596	36K-202.68	Thanh Hóa			
3597	36A-943.39	Thanh Hóa	4597	36K-214.22	Thanh Hóa			
3598	36C-513.88	Thanh Hóa	4598	37C-557.68	Nghệ An			
3599	36C-517.86	Thanh Hóa	4599	37K-201.88	Nghệ An			
3600	36K-045.89	Thanh Hóa	4600	37K-263.86	Nghệ An			
3601	36K-048.99	Thanh Hóa	4601	37K-270.79	Nghệ An			
3602	36K-050.86	Thanh Hóa	4602	37K-273.39	Nghệ An			
3603	36K-051.15	Thanh Hóa	4603	37K-274.79	Nghệ An			
3604	36K-052.99	Thanh Hóa	4604	37K-275.39	Nghệ An			
3605	36K-071.86	Thanh Hóa	4605	37K-301.86	Nghệ An			
3606	36K-096.99	Thanh Hóa	4606	37K-314.79	Nghệ An			
3607	36K-097.66	Thanh Hóa	4607	37K-387.98	Nghệ An			
3608	36K-097.99	Thanh Hóa	4608	37K-392.95	Nghệ An			
3609	36K-140.40	Thanh Hóa	4609	37K-396.77	Nghệ An			
3610	36K-143.66	Thanh Hóa	4610	37K-398.19	Nghệ An			
3611	36K-145.55	Thanh Hóa	4611	37K-419.89	Nghệ An			
3612	36K-169.25	Thanh Hóa	4612	37K-423.42	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	36K-170.85	Thanh Hóa	4613	37K-451.26	Nghệ An			
3614	36K-187.77	Thanh Hóa	4614	37K-454.08	Nghệ An			
3615	36K-197.60	Thanh Hóa	4615	37K-457.45	Nghệ An			
3616	36K-202.95	Thanh Hóa	4616	38A-590.66	Hà Tĩnh			
3617	36K-204.28	Thanh Hóa	4617	38A-608.99	Hà Tĩnh			
3618	36K-208.08	Thanh Hóa	4618	38A-654.85	Hà Tĩnh			
3619	36K-211.26	Thanh Hóa	4619	38A-664.35	Hà Tĩnh			
3620	36K-216.16	Thanh Hóa	4620	38A-667.11	Hà Tĩnh			
3621	36K-217.68	Thanh Hóa	4621	38C-239.86	Hà Tĩnh			
3622	36K-220.26	Thanh Hóa	4622	43A-782.88	Đà Nẵng			
3623	36K-222.21	Thanh Hóa	4623	43A-819.91	Đà Nẵng			
3624	37C-552.79	Nghệ An	4624	43A-852.99	Đà Nẵng			
3625	37C-561.86	Nghệ An	4625	43A-910.36	Đà Nẵng			
3626	37C-562.39	Nghệ An	4626	43A-916.55	Đà Nẵng			
3627	37K-200.33	Nghệ An	4627	43A-928.33	Đà Nẵng			
3628	37K-231.89	Nghệ An	4628	43A-928.89	Đà Nẵng			
3629	37K-287.99	Nghệ An	4629	43B-061.69	Đà Nẵng			
3630	37K-294.39	Nghệ An	4630	43D-011.69	Đà Nẵng			
3631	37K-312.39	Nghệ An	4631	47A-624.69	Đắk Lắk			
3632	37K-330.86	Nghệ An	4632	47A-636.89	Đắk Lắk			
3633	37K-377.00	Nghệ An	4633	47A-650.66	Đắk Lắk			
3634	37K-387.95	Nghệ An	4634	47A-693.39	Đắk Lắk			
3635	37K-398.15	Nghệ An	4635	47A-706.86	Đắk Lắk			
3636	37K-399.72	Nghệ An	4636	47A-718.66	Đắk Lắk			
3637	37K-401.22	Nghệ An	4637	47A-741.69	Đắk Lắk			
3638	37K-405.04	Nghệ An	4638	47A-765.25	Đắk Lắk			
3639	37K-420.02	Nghệ An	4639	47A-782.85	Đắk Lắk			
3640	37K-425.68	Nghệ An	4640	47A-784.78	Đắk Lắk			
3641	37K-426.86	Nghệ An	4641	47A-789.50	Đắk Lắk			
3642	37K-427.77	Nghệ An	4642	47A-789.78	Đắk Lắk			
3643	37K-435.86	Nghệ An	4643	47A-793.65	Đắk Lắk			
3644	37K-444.19	Nghệ An	4644	47A-798.15	Đắk Lắk			
3645	37K-447.39	Nghệ An	4645	47A-802.98	Đắk Lắk			
3646	37K-453.45	Nghệ An	4646	47A-812.86	Đắk Lắk			
3647	37K-467.35	Nghệ An	4647	47D-016.99	Đắk Lắk			
3648	37K-468.35	Nghệ An	4648	48A-222.38	Đắk Nông			
3649	38A-584.69	Hà Tĩnh	4649	48A-225.25	Đắk Nông			
3650	38A-598.39	Hà Tĩnh	4650	48A-233.68	Đắk Nông			
3651	38A-652.25	Hà Tĩnh	4651	48C-111.22	Đắk Nông			
3652	38A-660.09	Hà Tĩnh	4652	48C-112.69	Đắk Nông			
3653	38A-662.09	Hà Tĩnh	4653	49A-595.88	Lâm Đồng			
3654	38A-666.45	Hà Tĩnh	4654	49A-662.62	Lâm Đồng			
3655	43A-788.69	Đà Nẵng	4655	49A-662.79	Lâm Đồng			
3656	43A-840.89	Đà Nẵng	4656	49A-689.98	Lâm Đồng			
3657	43A-863.66	Đà Nẵng	4657	49A-690.00	Lâm Đồng			
3658	43A-875.89	Đà Nẵng	4658	49A-698.69	Lâm Đồng			
3659	43A-888.46	Đà Nẵng	4659	49A-726.69	Lâm Đồng			
3660	43A-899.16	Đà Nẵng	4660	49A-726.86	Lâm Đồng			
3661	43A-899.19	Đà Nẵng	4661	49A-734.33	Lâm Đồng			
3662	43A-901.09	Đà Nẵng	4662	49A-734.34	Lâm Đồng			
3663	43A-901.11	Đà Nẵng	4663	49A-740.66	Lâm Đồng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	43A-919.68	Đà Nẵng	4664	49C-376.76	Lâm Đồng			
3665	43A-924.44	Đà Nẵng	4665	49C-377.22	Lâm Đồng			
3666	43A-926.35	Đà Nẵng	4666	49C-382.66	Lâm Đồng			
3667	43A-928.29	Đà Nẵng	4667	51D-885.89	Hồ Chí Minh			
3668	43A-929.28	Đà Nẵng	4668	51D-886.69	Hồ Chí Minh			
3669	43B-062.99	Đà Nẵng	4669	51E-325.39	Hồ Chí Minh			
3670	43C-313.86	Đà Nẵng	4670	51E-328.89	Hồ Chí Minh			
3671	47A-608.99	Đắk Lắk	4671	51M-028.66	Hồ Chí Minh			
3672	47A-657.89	Đắk Lắk	4672	51M-029.86	Hồ Chí Minh			
3673	47A-721.21	Đắk Lắk	4673	51M-030.88	Hồ Chí Minh			
3674	47A-727.69	Đắk Lắk	4674	51M-037.77	Hồ Chí Minh			
3675	47A-736.39	Đắk Lắk	4675	60C-732.22	Đồng Nai			
3676	47A-752.79	Đắk Lắk	4676	60C-752.79	Đồng Nai			
3677	47A-763.39	Đắk Lắk	4677	60K-401.01	Đồng Nai			
3678	47A-770.99	Đắk Lắk	4678	60K-405.89	Đồng Nai			
3679	47A-772.27	Đắk Lắk	4679	60K-408.79	Đồng Nai			
3680	47A-773.69	Đắk Lắk	4680	60K-433.00	Đồng Nai			
3681	47A-784.99	Đắk Lắk	4681	60K-434.43	Đồng Nai			
3682	47A-796.38	Đắk Lắk	4682	60K-459.39	Đồng Nai			
3683	47A-799.44	Đắk Lắk	4683	60K-462.22	Đồng Nai			
3684	47A-802.22	Đắk Lắk	4684	60K-471.69	Đồng Nai			
3685	47A-802.95	Đắk Lắk	4685	60K-482.89	Đồng Nai			
3686	47A-803.25	Đắk Lắk	4686	60K-499.88	Đồng Nai			
3687	47A-805.66	Đắk Lắk	4687	60K-500.89	Đồng Nai			
3688	47A-805.85	Đắk Lắk	4688	60K-501.99	Đồng Nai			
3689	47A-807.26	Đắk Lắk	4689	60K-506.79	Đồng Nai			
3690	47C-376.99	Đắk Lắk	4690	60K-509.86	Đồng Nai			
3691	48A-223.68	Đắk Nông	4691	60K-520.20	Đồng Nai			
3692	48A-240.86	Đắk Nông	4692	60K-520.66	Đồng Nai			
3693	48A-247.47	Đắk Nông	4693	60K-537.69	Đồng Nai			
3694	48B-012.86	Đắk Nông	4694	60K-540.40	Đồng Nai			
3695	49A-663.88	Lâm Đồng	4695	60K-551.19	Đồng Nai			
3696	49A-663.99	Lâm Đồng	4696	60K-551.56	Đồng Nai			
3697	49A-717.79	Lâm Đồng	4697	60K-561.61	Đồng Nai			
3698	49A-719.88	Lâm Đồng	4698	60K-562.79	Đồng Nai			
3699	49A-724.35	Lâm Đồng	4699	60K-572.68	Đồng Nai			
3700	49A-737.86	Lâm Đồng	4700	60K-576.86	Đồng Nai			
3701	49A-742.99	Lâm Đồng	4701	60K-585.00	Đồng Nai			
3702	49C-371.66	Lâm Đồng	4702	60K-596.06	Đồng Nai			
3703	49C-373.33	Lâm Đồng	4703	60K-601.55	Đồng Nai			
3704	49C-375.68	Lâm Đồng	4704	60K-603.30	Đồng Nai			
3705	49C-381.69	Lâm Đồng	4705	60K-611.85	Đồng Nai			
3706	51B-603.99	Hồ Chí Minh	4706	60K-613.56	Đồng Nai			
3707	51D-831.39	Hồ Chí Minh	4707	60K-614.89	Đồng Nai			
3708	51D-836.36	Hồ Chí Minh	4708	60K-616.28	Đồng Nai			
3709	51D-838.79	Hồ Chí Minh	4709	61C-595.66	Bình Dương			
3710	51D-852.99	Hồ Chí Minh	4710	61C-599.22	Bình Dương			
3711	51D-869.89	Hồ Chí Minh	4711	61K-290.88	Bình Dương			
3712	51D-881.86	Hồ Chí Minh	4712	61K-301.99	Bình Dương			
3713	51D-892.88	Hồ Chí Minh	4713	61K-320.79	Bình Dương			
3714	51E-323.33	Hồ Chí Minh	4714	61K-335.86	Bình Dương			

47
NG
ẤU G
P DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	51E-333.55	Hồ Chí Minh	4715	61K-355.11	Bình Dương			
3716	51M-034.34	Hồ Chí Minh	4716	61K-359.66	Bình Dương			
3717	51M-042.04	Hồ Chí Minh	4717	61K-361.39	Bình Dương			
3718	51M-042.66	Hồ Chí Minh	4718	61K-417.68	Bình Dương			
3719	51M-050.79	Hồ Chí Minh	4719	61K-418.69	Bình Dương			
3720	60C-732.69	Đồng Nai	4720	61K-422.55	Bình Dương			
3721	60C-739.66	Đồng Nai	4721	61K-429.66	Bình Dương			
3722	60C-739.89	Đồng Nai	4722	61K-444.08	Bình Dương			
3723	60K-365.79	Đồng Nai	4723	61K-445.89	Bình Dương			
3724	60K-374.86	Đồng Nai	4724	61K-446.78	Bình Dương			
3725	60K-386.89	Đồng Nai	4725	61K-451.66	Bình Dương			
3726	60K-395.88	Đồng Nai	4726	61K-453.89	Bình Dương			
3727	60K-403.66	Đồng Nai	4727	61K-471.72	Bình Dương			
3728	60K-412.99	Đồng Nai	4728	61K-472.47	Bình Dương			
3729	60K-450.68	Đồng Nai	4729	61K-473.86	Bình Dương			
3730	60K-473.37	Đồng Nai	4730	61K-490.86	Bình Dương			
3731	60K-481.99	Đồng Nai	4731	61K-496.26	Bình Dương			
3732	60K-509.90	Đồng Nai	4732	61K-499.39	Bình Dương			
3733	60K-513.86	Đồng Nai	4733	61K-507.69	Bình Dương			
3734	60K-517.68	Đồng Nai	4734	61K-509.29	Bình Dương			
3735	60K-519.68	Đồng Nai	4735	61K-509.38	Bình Dương			
3736	60K-549.99	Đồng Nai	4736	62A-374.39	Long An			
3737	60K-554.44	Đồng Nai	4737	62A-374.88	Long An			
3738	60K-554.45	Đồng Nai	4738	62A-374.89	Long An			
3739	60K-578.16	Đồng Nai	4739	62A-424.68	Long An			
3740	60K-590.08	Đồng Nai	4740	62A-455.99	Long An			
3741	60K-590.39	Đồng Nai	4741	62A-457.26	Long An			
3742	60K-598.16	Đồng Nai	4742	62A-458.09	Long An			
3743	60K-598.96	Đồng Nai	4743	62A-462.19	Long An			
3744	60K-599.00	Đồng Nai	4744	62A-464.86	Long An			
3745	60K-599.87	Đồng Nai	4745	62A-465.44	Long An			
3746	60K-600.01	Đồng Nai	4746	62B-029.66	Long An			
3747	60K-603.85	Đồng Nai	4747	63A-264.88	Tiền Giang			
3748	60K-615.38	Đồng Nai	4748	63A-322.79	Tiền Giang			
3749	60K-615.44	Đồng Nai	4749	63B-032.23	Tiền Giang			
3750	60K-615.83	Đồng Nai	4750	63C-219.90	Tiền Giang			
3751	61C-606.39	Bình Dương	4751	63C-222.55	Tiền Giang			
3752	61K-319.66	Bình Dương	4752	63C-222.66	Tiền Giang			
3753	61K-352.52	Bình Dương	4753	63C-223.39	Tiền Giang			
3754	61K-352.86	Bình Dương	4754	63C-225.99	Tiền Giang			
3755	61K-352.88	Bình Dương	4755	64C-121.39	Vĩnh Long			
3756	61K-360.99	Bình Dương	4756	64C-122.86	Vĩnh Long			
3757	61K-416.39	Bình Dương	4757	65A-398.69	Cần Thơ			
3758	61K-422.89	Bình Dương	4758	65A-412.79	Cần Thơ			
3759	61K-424.68	Bình Dương	4759	65A-418.99	Cần Thơ			
3760	61K-444.33	Bình Dương	4760	65A-435.35	Cần Thơ			
3761	61K-452.86	Bình Dương	4761	65A-463.86	Cần Thơ			
3762	61K-459.35	Bình Dương	4762	65A-488.44	Cần Thơ			
3763	61K-466.38	Bình Dương	4763	65A-492.22	Cần Thơ			
3764	61K-488.56	Bình Dương	4764	65A-493.68	Cần Thơ			
3765	61K-496.49	Bình Dương	4765	65A-496.86	Cần Thơ			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	61K-501.06	Bình Dương	4766	65A-498.98	Cần Thơ			
3767	61K-513.96	Bình Dương	4767	65A-501.69	Cần Thơ			
3768	61K-516.28	Bình Dương	4768	65A-503.19	Cần Thơ			
3769	62A-378.88	Long An	4769	65A-503.56	Cần Thơ			
3770	62A-415.51	Long An	4770	65A-504.68	Cần Thơ			
3771	62A-423.69	Long An	4771	65A-513.99	Cần Thơ			
3772	62A-444.15	Long An	4772	65C-227.72	Cần Thơ			
3773	62A-452.99	Long An	4773	66A-237.79	Đồng Tháp			
3774	62A-453.39	Long An	4774	66B-021.68	Đồng Tháp			
3775	62A-453.79	Long An	4775	66C-179.99	Đồng Tháp			
3776	62A-453.86	Long An	4776	67A-272.39	An Giang			
3777	63A-264.99	Tiền Giang	4777	67A-281.39	An Giang			
3778	63A-288.89	Tiền Giang	4778	67A-284.66	An Giang			
3779	63A-294.79	Tiền Giang	4779	67A-287.68	An Giang			
3780	63A-319.72	Tiền Giang	4780	67A-303.79	An Giang			
3781	63B-032.39	Tiền Giang	4781	67A-311.77	An Giang			
3782	63B-032.99	Tiền Giang	4782	67A-316.78	An Giang			
3783	63C-223.45	Tiền Giang	4783	67A-317.13	An Giang			
3784	63C-225.55	Tiền Giang	4784	67A-319.77	An Giang			
3785	64A-175.75	Vĩnh Long	4785	68A-320.39	Kiên Giang			
3786	64A-185.85	Vĩnh Long	4786	68A-346.69	Kiên Giang			
3787	64A-198.56	Vĩnh Long	4787	68A-356.15	Kiên Giang			
3788	64A-199.67	Vĩnh Long	4788	68A-364.63	Kiên Giang			
3789	65A-406.06	Cần Thơ	4789	69A-150.39	Cà Mau			
3790	65A-425.79	Cần Thơ	4790	69B-012.69	Cà Mau			
3791	65A-434.44	Cần Thơ	4791	70A-500.68	Tây Ninh			
3792	65A-444.06	Cần Thơ	4792	70A-507.77	Tây Ninh			
3793	65A-451.39	Cần Thơ	4793	70A-515.89	Tây Ninh			
3794	65A-455.00	Cần Thơ	4794	70A-533.68	Tây Ninh			
3795	65A-461.61	Cần Thơ	4795	70A-558.39	Tây Ninh			
3796	65A-490.39	Cần Thơ	4796	70A-562.79	Tây Ninh			
3797	65A-491.69	Cần Thơ	4797	70A-565.69	Tây Ninh			
3798	65A-493.58	Cần Thơ	4798	70A-569.96	Tây Ninh			
3799	65A-502.22	Cần Thơ	4799	70A-574.39	Tây Ninh			
3800	65A-505.08	Cần Thơ	4800	70B-031.79	Tây Ninh			
3801	65A-505.18	Cần Thơ	4801	71A-200.55	Bến Tre			
3802	65A-509.05	Cần Thơ	4802	71A-207.69	Bến Tre			
3803	65A-509.97	Cần Thơ	4803	72A-712.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3804	65A-513.18	Cần Thơ	4804	72A-725.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3805	65A-513.68	Cần Thơ	4805	72A-762.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3806	65C-233.39	Cần Thơ	4806	72A-767.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3807	66A-236.88	Đồng Tháp	4807	72A-827.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3808	66A-247.69	Đồng Tháp	4808	72A-828.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3809	66A-251.68	Đồng Tháp	4809	72A-830.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3810	66A-264.99	Đồng Tháp	4810	72A-832.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3811	66A-284.79	Đồng Tháp	4811	73A-302.99	Quảng Bình			
3812	66C-181.81	Đồng Tháp	4812	73A-314.68	Quảng Bình			
3813	67A-289.39	An Giang	4813	73A-334.86	Quảng Bình			
3814	67A-300.55	An Giang	4814	73A-343.39	Quảng Bình			
3815	67A-321.88	An Giang	4815	73A-352.66	Quảng Bình			
3816	67A-326.27	An Giang	4816	73A-352.86	Quảng Bình			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	68A-301.11	Kiên Giang	4817	73A-358.39	Quảng Bình			
3818	68A-324.89	Kiên Giang	4818	73A-364.86	Quảng Bình			
3819	68A-346.39	Kiên Giang	4819	73C-189.88	Quảng Bình			
3820	68A-355.33	Kiên Giang	4820	74A-229.68	Quảng Trị			
3821	68A-357.77	Kiên Giang	4821	74A-236.86	Quảng Trị			
3822	69A-156.86	Cà Mau	4822	74A-241.89	Quảng Trị			
3823	69A-168.56	Cà Mau	4823	74A-262.66	Quảng Trị			
3824	70A-468.69	Tây Ninh	4824	74A-273.86	Quảng Trị			
3825	70A-499.66	Tây Ninh	4825	74A-275.77	Quảng Trị			
3826	70A-503.68	Tây Ninh	4826	75A-350.86	Thừa Thiên Huế			
3827	70A-520.86	Tây Ninh	4827	75A-366.86	Thừa Thiên Huế			
3828	70A-535.79	Tây Ninh	4828	75A-382.83	Thừa Thiên Huế			
3829	70A-555.44	Tây Ninh	4829	76A-247.39	Quảng Ngãi			
3830	70A-556.36	Tây Ninh	4830	76A-261.99	Quảng Ngãi			
3831	70A-571.83	Tây Ninh	4831	76A-289.28	Quảng Ngãi			
3832	70A-576.66	Tây Ninh	4832	76A-300.89	Quảng Ngãi			
3833	70B-031.86	Tây Ninh	4833	76A-319.19	Quảng Ngãi			
3834	71A-203.88	Bến Tre	4834	77A-301.79	Bình Định			
3835	71A-210.96	Bến Tre	4835	77A-304.89	Bình Định			
3836	72A-710.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4836	77A-320.89	Bình Định			
3837	72A-743.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4837	77A-322.68	Bình Định			
3838	72A-749.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	4838	77A-327.89	Bình Định			
3839	72A-756.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	4839	77A-332.79	Bình Định			
3840	72A-804.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	4840	77A-337.39	Bình Định			
3841	72A-812.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4841	77A-341.39	Bình Định			
3842	72A-816.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4842	77A-342.22	Bình Định			
3843	72A-819.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	4843	77A-353.38	Bình Định			
3844	72A-826.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4844	78A-187.78	Phú Yên			
3845	72A-838.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	4845	78A-192.22	Phú Yên			
3846	72C-233.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	4846	78A-194.99	Phú Yên			
3847	73A-303.39	Quảng Bình	4847	78A-201.69	Phú Yên			
3848	73A-312.79	Quảng Bình	4848	78A-208.69	Phú Yên			
3849	73A-333.67	Quảng Bình	4849	78A-208.96	Phú Yên			
3850	73A-341.66	Quảng Bình	4850	78B-015.68	Phú Yên			
3851	73A-357.29	Quảng Bình	4851	78B-015.86	Phú Yên			
3852	73A-364.69	Quảng Bình	4852	78C-123.88	Phú Yên			
3853	73A-365.06	Quảng Bình	4853	79A-482.69	Khánh Hòa			
3854	74A-234.88	Quảng Trị	4854	79A-483.88	Khánh Hòa			
3855	74A-236.39	Quảng Trị	4855	79A-487.88	Khánh Hòa			
3856	74C-137.66	Quảng Trị	4856	79A-512.86	Khánh Hòa			
3857	75A-322.88	Thừa Thiên Huế	4857	79A-524.86	Khánh Hòa			
3858	75A-354.69	Thừa Thiên Huế	4858	79A-542.88	Khánh Hòa			
3859	75A-359.39	Thừa Thiên Huế	4859	79A-544.18	Khánh Hòa			
3860	75A-377.88	Thừa Thiên Huế	4860	79A-555.37	Khánh Hòa			
3861	75A-380.88	Thừa Thiên Huế	4861	79A-557.99	Khánh Hòa			
3862	75B-027.79	Thừa Thiên Huế	4862	79A-562.22	Khánh Hòa			
3863	75B-028.79	Thừa Thiên Huế	4863	81A-383.69	Gia Lai			
3864	75C-156.69	Thừa Thiên Huế	4864	81A-403.89	Gia Lai			
3865	76A-256.88	Quảng Ngãi	4865	81A-404.04	Gia Lai			
3866	76A-258.99	Quảng Ngãi	4866	81A-419.66	Gia Lai			
3867	76A-316.59	Quảng Ngãi	4867	81A-422.33	Gia Lai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	77A-282.66	Bình Định	4868	81A-423.23	Gia Lai			
3869	77A-343.22	Bình Định	4869	81A-426.86	Gia Lai			
3870	77A-343.65	Bình Định	4870	81A-429.79	Gia Lai			
3871	77A-347.22	Bình Định	4871	81A-435.36	Gia Lai			
3872	77A-350.35	Bình Định	4872	81A-443.43	Gia Lai			
3873	77A-352.36	Bình Định	4873	81A-446.59	Gia Lai			
3874	77A-352.86	Bình Định	4874	81D-012.79	Gia Lai			
3875	78A-191.69	Phú Yên	4875	82A-134.79	Kon Tum			
3876	78A-206.96	Phú Yên	4876	82A-158.39	Kon Tum			
3877	78A-210.12	Phú Yên	4877	83A-184.86	Sóc Trăng			
3878	78B-016.79	Phú Yên	4878	83A-186.44	Sóc Trăng			
3879	79A-472.68	Khánh Hòa	4879	83A-191.18	Sóc Trăng			
3880	79A-503.99	Khánh Hòa	4880	84A-126.86	Trà Vinh			
3881	79A-507.99	Khánh Hòa	4881	84A-139.89	Trà Vinh			
3882	79A-541.79	Khánh Hòa	4882	84B-016.99	Trà Vinh			
3883	79A-564.36	Khánh Hòa	4883	84C-123.23	Trà Vinh			
3884	79A-567.66	Khánh Hòa	4884	85A-123.39	Ninh Thuận			
3885	79A-567.85	Khánh Hòa	4885	85A-130.88	Ninh Thuận			
3886	81A-364.44	Gia Lai	4886	85A-134.66	Ninh Thuận			
3887	81A-422.44	Gia Lai	4887	85B-013.88	Ninh Thuận			
3888	81A-423.79	Gia Lai	4888	85C-082.68	Ninh Thuận			
3889	81A-425.42	Gia Lai	4889	85C-083.66	Ninh Thuận			
3890	81A-447.00	Gia Lai	4890	85C-083.79	Ninh Thuận			
3891	81A-451.36	Gia Lai	4891	86A-283.66	Bình Thuận			
3892	81B-027.86	Gia Lai	4892	86A-300.22	Bình Thuận			
3893	81C-269.96	Gia Lai	4893	86A-303.89	Bình Thuận			
3894	81C-278.78	Gia Lai	4894	86A-313.89	Bình Thuận			
3895	81D-011.69	Gia Lai	4895	86A-318.69	Bình Thuận			
3896	82A-151.79	Kon Tum	4896	86C-207.69	Bình Thuận			
3897	82B-015.89	Kon Tum	4897	88A-615.99	Vĩnh Phúc			
3898	82B-016.16	Kon Tum	4898	88A-647.79	Vĩnh Phúc			
3899	82B-017.77	Kon Tum	4899	88A-672.86	Vĩnh Phúc			
3900	83A-163.79	Sóc Trăng	4900	88A-673.88	Vĩnh Phúc			
3901	83A-179.68	Sóc Trăng	4901	88A-716.88	Vĩnh Phúc			
3902	83A-192.09	Sóc Trăng	4902	88A-717.17	Vĩnh Phúc			
3903	84A-127.69	Trà Vinh	4903	88A-749.47	Vĩnh Phúc			
3904	84A-127.89	Trà Vinh	4904	88A-752.53	Vĩnh Phúc			
3905	84C-121.89	Trà Vinh	4905	88A-752.69	Vĩnh Phúc			
3906	85A-114.39	Ninh Thuận	4906	88A-754.39	Vĩnh Phúc			
3907	85A-125.86	Ninh Thuận	4907	88A-755.33	Vĩnh Phúc			
3908	85A-146.44	Ninh Thuận	4908	88A-755.38	Vĩnh Phúc			
3909	85B-012.12	Ninh Thuận	4909	88A-760.96	Vĩnh Phúc			
3910	86A-272.39	Bình Thuận	4910	88A-763.65	Vĩnh Phúc			
3911	86A-309.19	Bình Thuận	4911	88A-773.89	Vĩnh Phúc			
3912	88A-660.68	Vĩnh Phúc	4912	88A-784.48	Vĩnh Phúc			
3913	88A-719.68	Vĩnh Phúc	4913	88A-785.59	Vĩnh Phúc			
3914	88A-757.83	Vĩnh Phúc	4914	88C-296.69	Vĩnh Phúc			
3915	88A-759.29	Vĩnh Phúc	4915	88C-301.89	Vĩnh Phúc			
3916	88A-770.83	Vĩnh Phúc	4916	88C-308.88	Vĩnh Phúc			
3917	88A-786.79	Vĩnh Phúc	4917	88D-019.70	Vĩnh Phúc			
3918	88B-019.19	Vĩnh Phúc	4918	89A-423.69	Hưng Yên			

ĐI
CÔN
ĐẤU
HỢP
LIỆT
4 XU

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	98A-806.58	Bắc Giang	4970	98A-787.99	Bắc Giang			
3971	98A-810.25	Bắc Giang	4971	98A-819.59	Bắc Giang			
3972	98A-813.13	Bắc Giang	4972	98A-826.69	Bắc Giang			
3973	98A-817.68	Bắc Giang	4973	98A-831.66	Bắc Giang			
3974	98A-817.89	Bắc Giang	4974	98A-838.16	Bắc Giang			
3975	98A-823.06	Bắc Giang	4975	98A-840.69	Bắc Giang			
3976	98A-831.39	Bắc Giang	4976	98A-850.65	Bắc Giang			
3977	98A-833.34	Bắc Giang	4977	98A-854.69	Bắc Giang			
3978	98A-833.95	Bắc Giang	4978	98A-855.15	Bắc Giang			
3979	98A-837.65	Bắc Giang	4979	98C-363.86	Bắc Giang			
3980	98A-839.16	Bắc Giang	4980	98C-365.56	Bắc Giang			
3981	98A-844.56	Bắc Giang	4981	99A-648.89	Bắc Ninh			
3982	98A-845.26	Bắc Giang	4982	99A-690.66	Bắc Ninh			
3983	98A-852.66	Bắc Giang	4983	99A-714.99	Bắc Ninh			
3984	98A-852.68	Bắc Giang	4984	99A-747.86	Bắc Ninh			
3985	98C-356.56	Bắc Giang	4985	99A-748.89	Bắc Ninh			
3986	98C-358.99	Bắc Giang	4986	99A-750.39	Bắc Ninh			
3987	99A-718.66	Bắc Ninh	4987	99A-762.26	Bắc Ninh			
3988	99A-742.68	Bắc Ninh	4988	99A-780.88	Bắc Ninh			
3989	99A-743.68	Bắc Ninh	4989	99A-790.99	Bắc Ninh			
3990	99A-751.68	Bắc Ninh	4990	99A-799.22	Bắc Ninh			
3991	99A-788.33	Bắc Ninh	4991	99A-803.99	Bắc Ninh			
3992	99A-803.29	Bắc Ninh	4992	99A-808.80	Bắc Ninh			
3993	99A-803.35	Bắc Ninh	4993	99A-809.38	Bắc Ninh			
3994	99A-809.98	Bắc Ninh	4994	99A-814.79	Bắc Ninh			
3995	99A-810.36	Bắc Ninh	4995	99A-815.33	Bắc Ninh			
3996	99A-812.18	Bắc Ninh	4996	99A-821.55	Bắc Ninh			
3997	99A-822.79	Bắc Ninh	4997	99A-826.35	Bắc Ninh			
3998	99A-830.28	Bắc Ninh	4998	99A-830.65	Bắc Ninh			
3999	99A-835.16	Bắc Ninh	4999	99A-836.58	Bắc Ninh			
4000	99A-840.69	Bắc Ninh	5000	99C-329.29	Bắc Ninh			

1.0
2.0
3.0
4.0
5.0
6.0
7.0
8.0
9.0
10.0
11.0
12.0
13.0
14.0
15.0
16.0
17.0
18.0
19.0
20.0
21.0
22.0
23.0
24.0
25.0
26.0
27.0
28.0
29.0
30.0
31.0
32.0
33.0
34.0
35.0
36.0
37.0
38.0
39.0
40.0
41.0
42.0
43.0
44.0
45.0
46.0
47.0
48.0
49.0
50.0
51.0
52.0
53.0
54.0
55.0
56.0
57.0
58.0
59.0
60.0
61.0
62.0
63.0
64.0
65.0
66.0
67.0
68.0
69.0
70.0
71.0
72.0
73.0
74.0
75.0
76.0
77.0
78.0
79.0
80.0
81.0
82.0
83.0
84.0
85.0
86.0
87.0
88.0
89.0
90.0
91.0
92.0
93.0
94.0
95.0
96.0
97.0
98.0
99.0
100.0